Tiếng Nước Tôi

5

Tiếng Nước Tôi

Lớp 5

Họ và Tên: _____

Thầy/Cô: _____

Niên Khóa: _____

Trường Thánh Tôma Thiện
Giáo Xứ Thánh Giuse
Grand Prairie, Texas
www.tomathien.org

Phiên Bản 2016

Lời Ngỏ

Bảo tồn ngôn ngữ và văn hóa Việt là một trong những ước mơ của phần lớn các gia đình Việt Nam ở hải ngoại.

Việc dạy và học tiếng Việt đã trở thành công việc không thể thiếu trong hầu hết các cộng đồng người Việt. Để đáp ứng nhu cầu đó, các thầy cô trường Thánh Tôma Thiện qua bao năm tháng ấp ủ đã biên soạn một bộ sách giáo khoa ***Tiếng Nước Tôi***.

Các bài học trong tập sách này được các thầy cô góp nhặt từ những sách giáo khoa Việt văn được xuất bản trước năm 1975 tại miền Nam Việt Nam và tại các trung tâm Việt Ngữ tại hải ngoại.

Một số bài trong bộ sách này được trích từ những tác phẩm của các nhà giáo, nhà văn, nhà thơ, mà vì hoàn cảnh chúng tôi không thể trực tiếp xin phép được. Kính mong quý vị, vì lợi ích của việc bảo tồn tiếng Việt và cũng vì lòng quảng đại xin cho chúng tôi được mạn phép làm công việc này.

Bộ sách này được biên soạn với rất nhiều nỗ lực của các thầy cô, nhưng chắc chắn cũng không tránh khỏi những khiếm khuyết. Chúng tôi mong muốn các nhà trí thức, nhà giáo, hay các bậc cha mẹ vui lòng bỏ qua. Chúng tôi sẵn sàng lắng nghe những phê bình, góp ý của quý vị.

Ban Biên Soạn
Trường Thánh Tôma Thiện

Mục Lục

Bài 1: Cây Tre Trăm Đốt 1
Bài 2: Chú Cuội Cung Trăng 11
Bài 3: Cái Gáo Dừa 23
Bài 4: Thiếu Phụ Nam Xương 33
Bài 5: Thạch Sanh, Lý Thông 43
Bài 6: Ba Người Tài 53
Bài 7: Tấm Cám 63
Bài 8: Chàng Rể Tinh Ranh 73
Bài 9: Trả Ơn, Trả Oán 83
Bài 10: Của Thiên Trả Địa 93
Bài 11: Lấy Vợ Cóc 103
Bài 12: Trọng Nghĩa Khinh Tài 113
Bài 13: Sự Tích Trầu Cau 125
Bài 14: Cóc Kiện Trời 135
Bài 15: Sọ Dừa 145
Bài 16: Sự Tích Khăn Tang 155
Bài 17: Bích Câu Kỳ Ngộ 165
Bài 18: Trương Chi, Mỵ Nương 177
Bài 19: Bụng Làm Dạ Chịu 187
Bài 20: Quan Âm Thị Kính 197

Bài 1: Cây Tre Trăm Đốt

Xưa có một phú ông có cô con gái rất đẹp. Trong nhà thuê một thằng ở để giúp việc. Ông chủ muốn lợi dụng nó, mới bảo nó rằng:

– *Mày chịu khó làm cho tao, rồi tao gả con gái cho.*

Thằng ở mừng lắm và ra sức làm việc cho chủ không quản nắng sương, không nài mệt nhọc sớm khuya gì cả.

Nó đã ở được ba năm. Bấy giờ ông chủ thấy nếu đem con gái gả cho thằng ở thì mất mặt. Nghĩ thế, ông bèn đem con gái mình gả cho một gia đình giàu có trong làng.

Sáng hôm đưa dâu, ông chủ gọi thằng ở ra lừa nó, bảo rằng:

– *Nếu mày lên rừng tìm được cây tre trăm đốt về làm đũa ăn cưới, thì tao cho mày lấy con gái tao ngay.*

Thằng ở thật thà, lập tức vác dao lên rừng.

Nhưng suốt buổi, kiếm hết khu rừng, chẳng thấy có cây tre nào đủ trăm đốt. Nó buồn, nó ngồi khóc hu hu. Bỗng thấy một ông lão đầu tóc bạc phơ đến hỏi rằng:

– *Tại sao con khóc?*

Nó thưa đầu đuôi câu chuyện. Ông lão nghe rồi bảo rằng:

– *Con đi chặt tre đếm đủ trăm đốt, rồi đem lại đây.*

Nó làm y theo như lời, kiếm đủ một trăm đốt tre.

Ông lão dạy nó câu thần chú:

– *Khắc nhập, khắc nhập!*

Nó vừa đọc xong thì các đoạn tre tự nhiên liền lại với nhau mà thành một cây tre đủ trăm đốt.

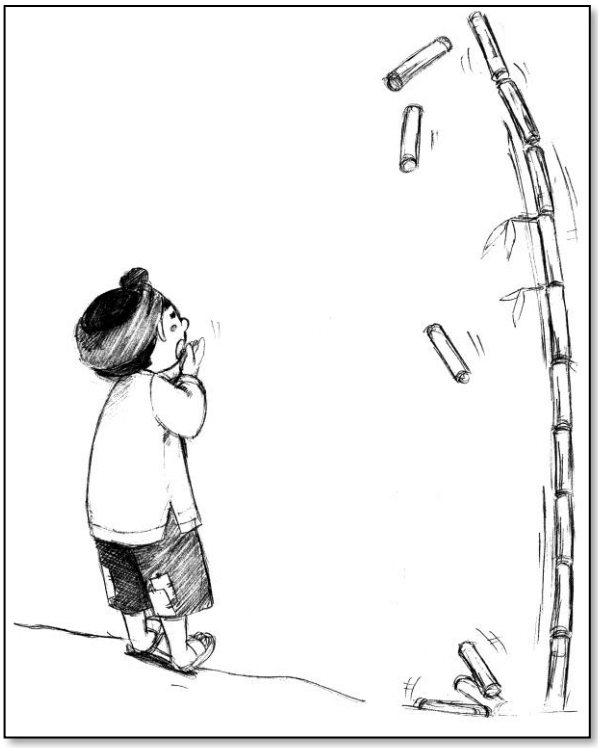

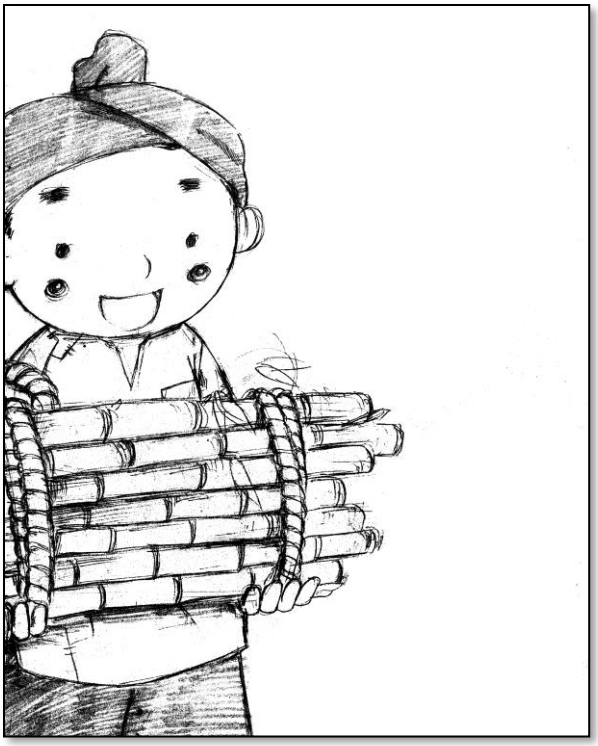

Nó mừng quýnh, ghé vai định vác về. Nhưng cây tre dài quá, nhắc lên vướng, không đi được. Nó lại ngồi khóc hu hu. Ông lão lại đến hỏi chuyện. Nó nói tre dài quá không sao vác được về nhà. Ông lão lại dạy nó đọc:

– *Khắc xuất, khắc xuất!*

Nó vừa đọc xong thì cây tre lại tức khắc rời ra từng đoạn. Nó liền bó cả lại và gánh về nhà.

Về tới nhà, thấy hai họ đang ăn uống tưng bừng, nó mới biết là bị lừa. Không nói gì cả, nó cứ lẳng lặng đem trăm đoạn tre xếp dang dang dưới đất. Rồi nó lẩm bẩm đọc câu thần chú:

– *Khắc nhập, khắc nhập!*

Tự nhiên một trăm đoạn tre kia chắp liền lại thành một cây tre trăm đốt dài lắm. Ông chủ và ông thông gia thấy chuyện lạ lùng, chạy lại để xem. Nó liền đọc lại câu thần chú. Thế là hai ông cũng dính liền ngay vào cây tre.

Hai ông van lạy nó để nó thả ra cho: ông thông gia thì xin về nhà ngay, còn ông chủ thì xin gả con gái cho nó.

Lúc bấy giờ nó mới đọc:

– *Khắc xuất, khắc xuất!*

Tức thì hai ông rời khỏi cây tre, và cây tre cũng rời ra trăm đoạn.

Thế là nó lấy được cô gái con ông chủ, và từ đó, không ai dám trêu nó nữa.

Vì chuyện này mà sau có câu ví rằng:

Chê ta rồi lại lấy ta,
Tuy là đứa ở nhưng mà có công.

Chú Thích

Lợi dụng: *take advantage*	**Mất mặt:** *disgrace*
Thần chú: *a spell*	**Mừng quýnh:** *overjoyed*
Tưng bừng: *jubilently*	**Lừa:** *deceived*
Thông gia: *in-law*	**Trêu:** *pick on*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ông chủ lợi dụng đứa ở bằng cách nào?

_____

_____

_____

2. Vì sao đứa ở biết được rằng mình bị lừa?

_____

_____

_____

3. Làm cách nào đứa ở lấy được vợ?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ông chủ muốn **lợi dụng** nó... Từ "**lợi dụng**" có nghĩa là:

   - *Dùng người khác để lợi cho mình.*
   - *Làm lợi cho người khác.*
   - *Lừa dối người khác.*

2. Bấy giờ ông chủ thấy nếu đem con gái gả cho thằng ở thì **mất mặt**. Từ "**mất mặt**" có nghĩa là:

   - *Có lỗi với người khác.*
   - *Hãnh diện với người khác.*
   - *Xấu hổ với người khác.*

3. Ông lão dạy nó **câu thần chú**... Từ "**câu thần chú**" có nghĩa là:

   - *Ảo thuật.*
   - *Hành động bí ẩn để hóa phép.*
   - *Lời bí ẩn để hóa phép.*

4. Về tới nhà, thấy hai họ đang ăn uống **tưng bừng**, nó mới biết là bị lừa. Từ "**tưng bừng**" có nghĩa là:

   - *Buồn bã.*
   - *Nhộn nhịp, vui vẻ.*
   - *Yên tĩnh.*

5. Về tới nhà, thấy hai họ đang ăn uống tưng bừng, nó mới biết là **bị lừa**. Từ "**bị lừa**" có nghĩa là:

   - *Bị bắt vì gạt người.*
   - *Bị người khác gạt.*
   - *Gạt người khác.*

6. Ông chủ và ông **thông gia** thấy chuyện lạ lùng, chạy lại để xem. Từ "**thông gia**" có nghĩa là:

   - *Hai gia đình có con lấy nhau.*
   - *Hai gia đình có họ với nhau.*
   - *Hai gia đình quen nhau từ xa xưa.*

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nghi the, ong ben dem con gai minh ga cho mot gia dinh giau co trong lang.

Ve toi nha, thay hai ho dang an uong tung bung, no moi biet la bi lua.

The la no lay duoc co gai con ong chu, va tu do, khong ai dam treu no nua.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nếu mày lên rừng tìm đượt cây tre trăm đốt về làm đữa ăn cưới, thì tao cho mày lấy con gái tao ngây. (3 lỗi)

Không nới gì cả, nó cứ lẳng lậng đem trăm đoạn tre xếp dang dang dưới đấc. (3 lỗi)

Văn Phạm – Danh Từ

Danh từ là tiếng để chỉ người, thú vật, hay sự vật. Có hai loại danh từ là *danh từ chung* và *danh từ riêng*.

- **Danh Từ Chung** – Là tiếng để chỉ chung những người, thú vật hay sự vật cùng một loại.

  Ví dụ: *học trò, giáo sư, bàn, ghế, sách vở, bàn giấy, trâu, ngựa, bò, heo, gà, vịt, đạo đức, nhân nghĩa, v.v..*

- **Danh Từ Riêng** – Là tiếng để gọi riêng từng người, từng họ, từng vùng, v.v… Chúng ta phải viết hoa những danh từ riêng.

  Ví dụ: *Lê Lợi, Nguyễn Huệ, Đinh Tiên Hoàng, Trần, Nguyễn, Lý, Trịnh, núi Đá Bia, sông Cửu Long, nước Việt Nam, v.v..*

Muốn tìm danh từ trong một câu chúng ta có thể dùng các câu hỏi như:

Ai? Người nào? Cái gì? Cho ai? ...

Ví dụ:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho bé Mai.

Để tìm ra các danh từ, chúng ta có thể đặt các câu hỏi với: *Ai? Cái gì? Cho ai?*

Ai mua thức ăn và quà bánh? mẹ

Mẹ mua cái gì? thức ăn, quà bánh

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho ai? bé Mai

Như vậy chúng ta tìm được các danh từ trong câu trên là: *mẹ*, *thức ăn*, *quà bánh*, và *bé Mai*.

Bài Tập – Văn Phạm (Danh Từ)

(Cho các em tìm và khoanh tròn các danh từ trong những câu sau.)

1. Hùng chỉ thích ăn phở do mẹ nấu.

2. Cường thích làm phi công lái máy bay.

3. Ông cảnh sát đang bắt một người say rượu.

4. Mẹ mua cho Mai và Hương nhiều quần áo mới.

5. Nhân bị đau răng. Mẹ chở Nhân đi gặp nha sĩ.

6. Hòa thích bơi trong hồ vào những ngày hè oi bức.

7. Mẹ đan áo ấm cho bé Mai mặc vì mùa đông sắp tới.

8. Cô y tá cho bé Mai một trái bong bóng đỏ.

9. Ông tặng cho Tú một chiếc xe đạp nhân ngày sinh nhật của Tú.

10. Chú gà con có bộ lông tơ màu trắng, đôi mắt tròn xoe trông rất dễ thương.

Bài 2: Chú Cuội Cung Trăng

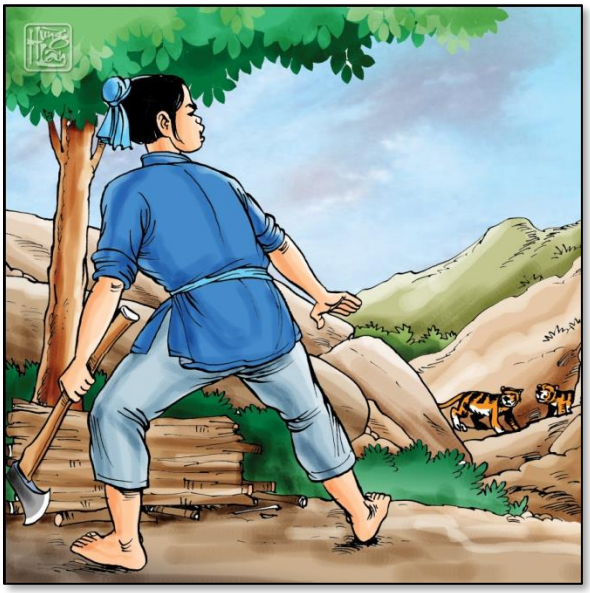

Ngày xưa, có một chàng trai nghèo khổ cô độc tên là Cuội. Ngày ngày chàng phải lên rừng đốn củi đổi gạo kiếm sống. Một hôm, Cuội vác búa đi vào rừng để đốn củi thì thấy bốn con hổ con đang nằm ở cửa hang. Cuội chợt lo: những con hổ kia tuy bé, nhưng cả bốn con vồ đến ắt ta sẽ chết, vậy ta phải giết chết chúng nó trước.

Cuội đánh chết cả bốn con hổ con thì đúng lúc hổ mẹ về khiến Cuội phải leo lên một cây cao. Ngồi trên cây nhìn xuống, Cuội thấy hổ mẹ lấy một nắm lá đa lông, nhai kỹ và đắp vào chỗ vết thương thì cả bốn con hổ con đều sống lại. Cuội biết cây đa lông là loại thần dược quý liền đào, mang về trồng để cứu chữa cho mọi người.

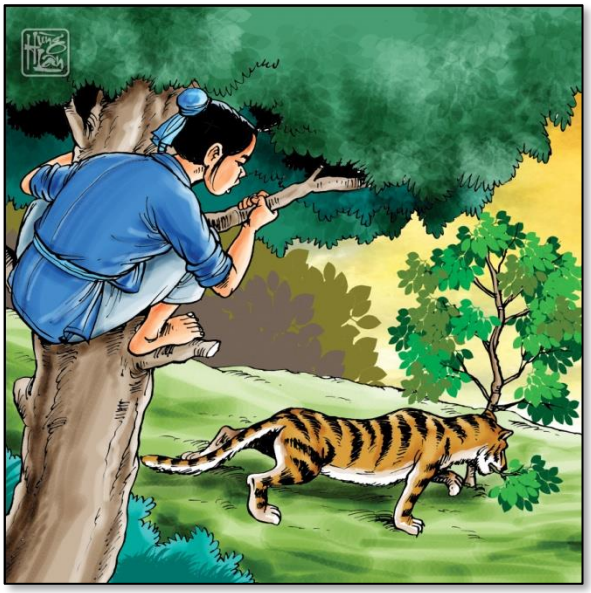

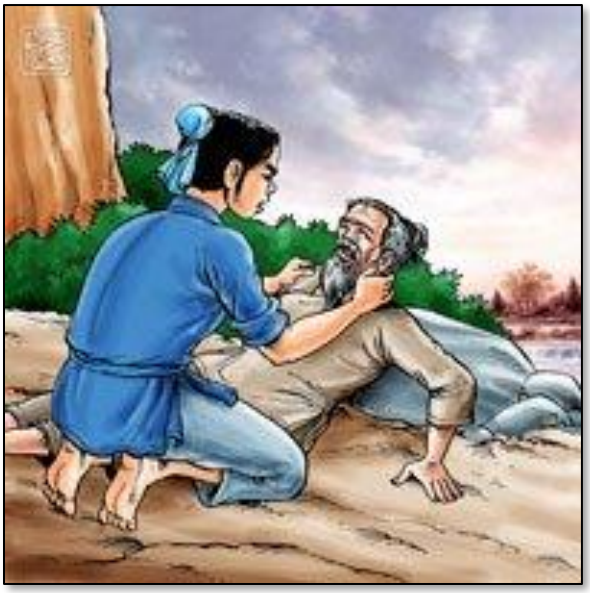

Trên đường về, Cuội gặp một ông lão nằm chết trên bãi cỏ. Cuội liền lấy lá cây đa lông, nhai kỹ rồi bỏ vào miệng ông lão. Ông lão lập tức sống lại, nói Cuội phải chăm sóc, tưới nước cho cây đa lông để sau này cứu người. Ông lão dặn Cuội phải tưới nước sạch tinh khiết từ suối, nếu tưới nước bẩn cây sẽ bay lên trời.

Cuộc sống của Cuội cứ thui thủi một mình. Một hôm, Cuội nhìn thấy con chó vện đã chết đang trôi giạt vào bờ. Cuội vớt chó lên rồi bỏ nắm lá thuốc vào mồm chó. Chó tỉnh lại dần, ngoe ngoảy cái đuôi rồi đứng lên đi lại nhanh nhẩu. Từ đấy, trong nhà Cuội có thêm con chó làm bạn cho nhà đỡ hiu quạnh.

Tiếng lành đồn đến dân làng quanh vùng đó rằng: Cuội có cây thuốc thần chữa cho người chết sống lại được.

Ở làng bên có một người con gái chẳng may ngã xuống suối nên bị chết đuối, Cuội cũng dùng lá thuốc đó cứu cho nàng sống lại.

Chủ nhà mừng rỡ khôn xiết liền có ý gả con gái cho Cuội. Cuội bằng lòng. Từ đấy, Cuội có người vợ vừa đẹp người vừa đẹp nết nhất trong vùng.

Từ đó, bọn trai làng đem lòng ghen tức với Cuội và chúng tìm cách hãm hại.

Một tối, chúng nấp rình phía ngoài cửa để nghe trộm hai vợ chồng Cuội tâm sự. Chúng nghe thấy Cuội dặn vợ:

– *Cây thuốc đa lông này phải tưới bằng nước tinh khiết từ ngọn suối, nếu tưới nước bẩn thì cây bay lên trời mất đấy!*

Đợi một hôm Cuội vắng nhà, bọn trai làng múc nước bẩn tưới vào cây đa lông làm rễ cây muốn ngoi lên khỏi mặt đất. Vừa lúc đó thì Cuội về đến nhà. Cuội nhảy lên để kéo cây đa xuống. Nhưng cây đa lại lôi Cuội mỗi lúc bay cao hơn, lơ lửng trên chín tầng mây. Vợ Cuội đứng ở dưới đất nhìn theo kêu khóc thảm thiết.

Rồi cây đa và Cuội đậu lại trên cung trăng, và sự tích chú Cuội cung trăng là thế đấy!

Ngày nay, vào những ngày rằm trăng sáng, trông trăng tròn thấy có bóng Cuội ngồi bên gốc cây đa đang đăm đăm nhìn xuống mặt đất, lại rõ hai con mắt của Cuội lóng lánh như hai ngôi sao, tượng trưng cho hai giọt nước mắt.

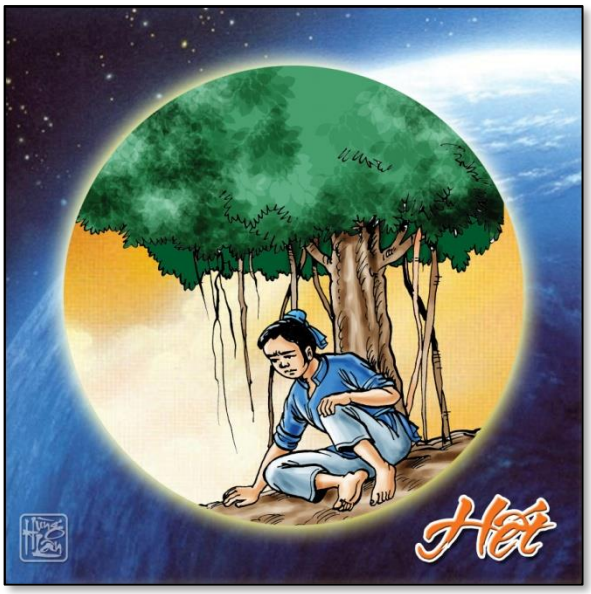

Chú Thích:

Cô độc: *lonesome*	**Thần dược:** *miraculous medicine*
Cứu Chữa: *cure*	**Tinh khiết:** *pure, clean*
Thui thủi: *solitary*	**Ngoe ngoảy:** *wag*
Hiu quạnh: *deserted, lonely*	**Khôn xiết:** *never ending (joy)*
Bằng lòng: *agree*	**Ghen tức:** *jealous*
Hãm hại: *plan to hurt, plan to harm*	**Nấp:** *hide*
Rình: *secretly watch*	**Lơ lửng:** *floating*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Hổ mẹ đã làm gì để cứu chữa hổ con?

_____

_____

_____

2. Ông lão già dặn Cuội như thế nào?

_____

_____

_____

3. Những chàng trai trong làng đã làm gì để hãm hại Cuội?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ngày xưa, có một chàng trai nghèo khổ **cô độc** tên là Cuội. Từ "**cô độc**" có nghĩa là:

   - Sống với bạn bè.
   - Sống với bố mẹ.
   - Sống một mình.

2. Cuội biết cây đa lông là loại **thần dược** quý liền đào, mang về trồng để cứu chữa cho mọi người. Từ "**thần dược**" có nghĩa là:

   - Thuốc giả.
   - Thuốc quý, rất công hiệu.
   - Thuốc rẻ tiền.

3. Ông lão dặn Cuội phải tưới nước sạch **tinh khiết** từ suối... Từ "**tinh khiết**" có nghĩa là:

   - Đục, không trong.
   - Rất bẩn.
   - Rất sạch.

4. Tiếng lành **đồn** đến dân làng quanh vùng... Từ "**đồn**" có nghĩa là:

   - Chỉ cho bạn thân biết.
   - Giữ kín, không ai biết.
   - Truyền miệng, ai cũng biết.

5. Từ đó, bọn trai làng đem lòng ghen tức với Cuội và chúng tìm cách **hãm hại**. Từ "**hãm hại**" có nghĩa là:

   - Tìm cách giúp đỡ.
   - Tìm cách làm bạn.
   - Tìm cách làm hại.

6. Ngày nay, vào những **ngày rằm** trăng sáng, trông trăng tròn thấy có bóng Cuội ngồi bên gốc cây đa... Từ "**ngày rằm**" có nghĩa là:

   - Ngày cuối tháng.
   - Ngày đầu tháng.
   - Ngày giữa tháng.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Cuoi biet cay da long la loai than duoc quy lien dao, mang ve trong de cuu chua cho moi nguoi.

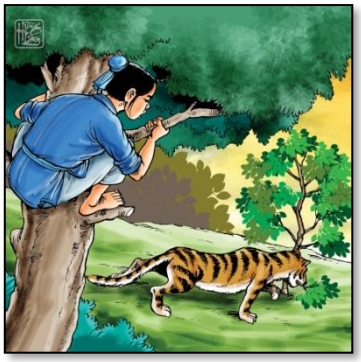

Ong lao dan Cuoi phai tuoi nuoc sach tinh khiet tu suoi, neu tuoi nuoc ban cay se bay len troi.

Tu day, trong nha Cuoi co them con cho lam ban cho nha do hiu quanh.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

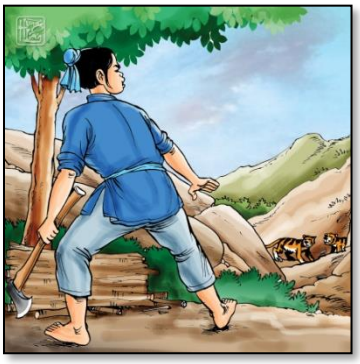

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Từ đấy, Cuội có người vợ vùa đẹp người vừa đẹp nết nhấc tron vùng. (3 lỗi)

Đợi một hơm Cuội vắng nhà, bọn chai làng múc nước bẩn tưới vào cây đa lông làm rễ cây muốn ngoi lên khỏi mặt đấc. (3 lỗi)

Văn Phạm – Động Từ

Động từ chỉ hành động của người, loài vật hoặc sự vật.

Ví dụ:

Tâm *ăn* hai chén cơm.

Mẹ *dệt* vải cho tới khuya.

Muốn tìm động từ trong một câu chúng ta có thể dùng các câu hỏi như:

Làm gì? Để làm gì? Cảm thấy thế nào? ...

Ví dụ:

Bố mẹ đi làm vất vả để nuôi chúng em. Em thương bố mẹ nhiều lắm.

Để tìm ra các động từ, chúng ta có thể đặt các câu hỏi với: *Làm gì? Để làm gì? Cảm thấy thế nào?*

Bố mẹ làm gì? đi làm

Bố mẹ đi làm để làm gì? nuôi

Em cảm thấy thế nào đối với bố mẹ? thương

Như vậy chúng ta tìm được các động từ trong những câu trên là: *đi làm, nuôi* và *thương*.

THỂ CỦA ĐỘNG TỪ

Động từ có hai thể:

- **Thể Tác Động** – Động từ ở thể tác động khi chủ từ làm chủ hành động do tiếng động từ thể hiện.

  Ví dụ:

  Nó *đánh* tôi.

  Mẹ *khen* bé Lan.

- **Thể Thụ Động** – Động từ ở thể thụ động khi chủ từ thụ nhận hành động do tiếng động từ thể hiện.

  Ví dụ:

  Tôi *bị đánh*.

  Bé Lan *được* mẹ *khen*.

  Các trợ động từ quy định thể thụ động. Để có thể thụ động, người ta thường dùng các trợ động từ: *được* và *bị*.

Ví dụ:

Kẻ phạm phát đã *bị bắt giữ*.

Hùng ngoan nên *được thưởng*.

THÌ CỦA ĐỘNG TỪ

Bình thường, người ta hiểu *thì* của động từ tùy ý nghĩa của đoạn văn hay lời nói:

Ví dụ:

Năm ấy, tôi **sống** tại một miền thôn quê hẻo lánh. (*quá khứ*)

Biết đâu một ngày nào đó, ta không còn **ham thích** sự vui chơi phù phiếm. (*tương lai*)

Tuy nhiên, nếu có dụng ý nhấn mạnh vị trí thời gian của hành động, người ta có thể dùng các trạng từ sau đây:

- Quá Khứ
  - *Đã* để chỉ thì quá khứ:

    Nguyệt *đã* **ăn** xong.
  - *Vừa, mới* để chỉ một quá khứ gần:

    Nguyệt *mới* **ăn** xong.

    Hoặc,

    Nguyệt *vừa* **ăn** xong.
- Hiện Tại
  - *Đang, hiện* để chỉ thì hiện tại:

    Em *đang* **học** lớp 5.

    Anh Dũng *hiện* cùng gia đình **sống** ở California.
- Tương Lai
  - *Sẽ* để chỉ thì tương lai:

    Tôi *sẽ* đi xa nay mai.
  - *Sắp, ngay* để chỉ một tương lai rất gần:

    Trời *sắp* mưa.

    Đừng nói nữa, tôi đi *ngay* bây giờ.

Bài Tập – Văn Phạm (Thể Của Động Từ)

(Cho các em đổi những câu sau có động từ đang ở thể thụ động sang câu có động từ ở thể tác động.)

1. Bé Nam bị bố phạt.

_____

_____

_____

2. Hùng được Nga mời đến dự tiệc sinh nhật.

_____

_____

_____

3. Trái trứng gà bị cu Tí làm rớt xuống đất.

_____

_____

_____

4. Tô phở nóng hổi được bé Lan vắt thêm một ít chanh vào.

_____

_____

_____

5. Em được mẹ cho phép qua nhà bạn chơi.

_____

_____

_____

Bài Tập – Văn Phạm (Thì Của Động Từ)

(Hãy đổi những câu dưới đây để chỉ các thì sau:)

1. Cường lên lớp sáu.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

2. Mẹ trang trí phòng của bé Hoa.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

3. Nhân nhốt chú chim sẻ trong lồng.

   Thì quá khứ: _____

   Thì quá khứ rất gần: _____

   Thì tương lai: _____

   Thì tương lai rất gần: _____

Bài 3: Cái Gáo Dừa

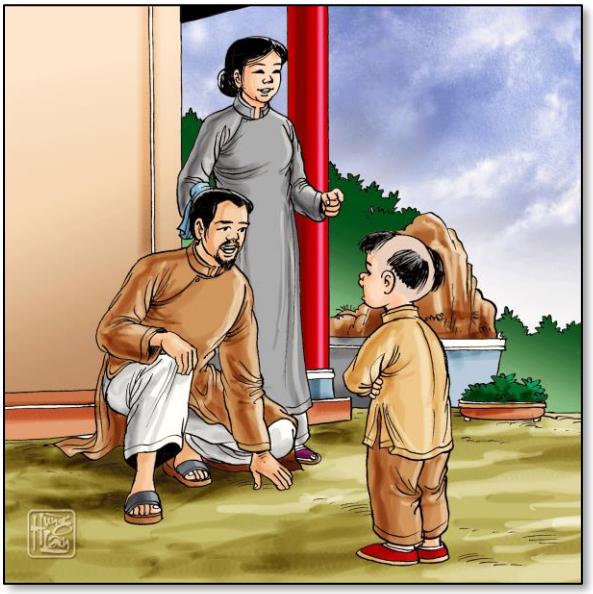

Ngày xưa, ở một vùng nọ, có vợ chồng kia hiền lành và chăm chỉ, thường đem của cải bố thí cho người nghèo. Họ có một đứa con trai tên là Phúc. Thằng Phúc rất khôn ngoan, mới lên ba mà đã ăn nói như người lớn vậy. Hai vợ chồng cảm thấy vô cùng sung sướng và hạnh phúc.

Ngờ đâu, cảnh đầm ấm này chẳng được dài lâu. Vài năm sau, người vợ lâm bạo bệnh rồi qua đời. Người chồng khóc thương vợ nhiều nên mắt sưng lên, vài tháng sau thì mờ dần, không nhìn rõ.

Năm đó lại xảy ra nạn đói vì hạn hán, mất mùa. Một đêm nọ, bọn gia nhân của ông ngày trước đột nhập vào nhà bắt trói cha con ông lại. Vì sợ lộ tung tích, bọn cướp phang ông một gậy rồi vơ vét hết tài sản của ông.

Để nuôi con thoát qua khỏi mùa đói khắc nghiệt năm ấy, ông lùng sục khắp nơi để lặt từng mớ rau; đào từng củ khoai, củ chuối; rồi mò cua bắt ốc.

Ông không ngại cực khổ, làm thuê làm mướn bất cứ việc gì để gầy dựng cơ nghiệp và lo cho con ăn học.

Năm tháng qua đi, Phúc mỗi ngày một khôn lớn và người cha mỗi ngày một già đi.

Ngày con trai lên kinh ứng thí là ngày người cha mừng đến rơi nước mắt, vì ước vọng của ông bao lâu nay đã thành hiện thực. Quả nhiên, Phúc đỗ á khoa kỳ thi năm ấy và được cử làm quan tri huyện trong vùng.

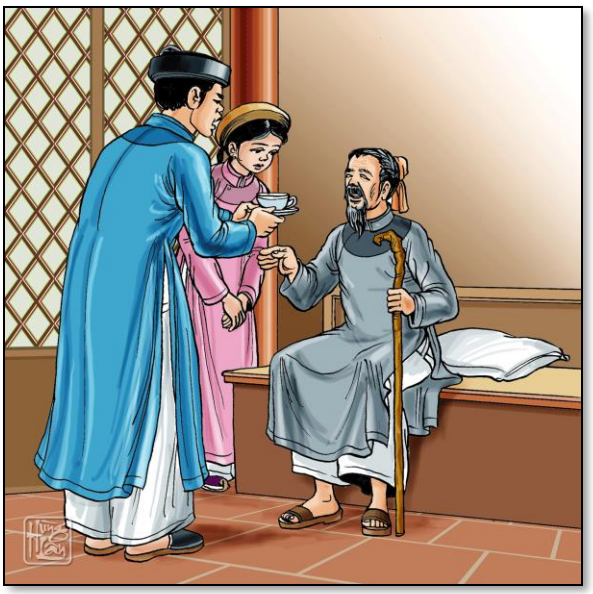

Hai năm sau, quan tri huyện Phúc lấy vợ và cũng có một người con trai kháu khỉnh, sáng dạ như thằng Phúc khi xưa. Người cha lấy làm mãn nguyện vì quan tri huyện lo lắng chăm sóc cho ông rất chu toàn.

Ngày đứa cháu nội lên bốn thì sức ông đã yếu lắm, tay chân run lẩy bẩy. Mỗi lần ăn uống, ông thường lỡ tay làm rơi chén đũa của mình.

Người con dâu tiếc của, bèn bảo chồng:

– *Hay là ta kiếm cái gáo dừa làm chén cho cha ăn. Nếu lỡ rơi xuống đất thì cũng không bể.*

Sau một hồi phân vân, người chồng lấy cái gáo dừa đẽo gọt miệng cho phẳng để làm chiếc chén.

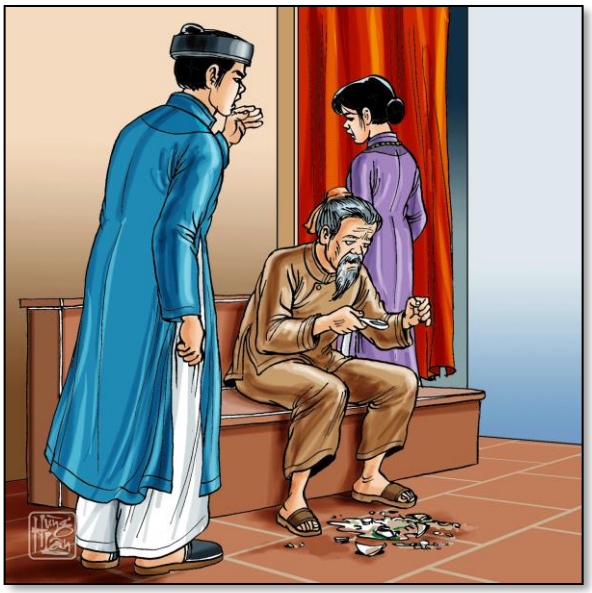

Cầm chiếc gáo dừa trong tay, ông cảm thấy tủi hổ, xót xa, nhưng không dám nói ra.

Một hôm, vợ chồng quan tri huyện thấy con trai mình đang cầm dao đẽo gọt hai cái gáo dừa khô. Họ hỏi đứa bé thì nó hồn nhiên thưa:

– *Dạ, con đang làm hai cái chén. Sau này khi cha mẹ già yếu, dọn cơm cho cha mẹ ăn, lỡ có đánh rơi cũng không bị bể.*

Hai vợ chồng điếng người nhìn nhau rồi bật khóc. Họ hối hận vì đã đối xử tệ bạc với người cha già đáng kính. Họ chạy vào phòng, quỳ sụp dưới chân người cha, vừa khóc vừa xin lỗi:

– *Chúng con đã ngu dại khi đối xử với cha như vậy. Dù muôn nghìn chén vàng, chén bạc cũng không sánh nổi lòng cha đối với chúng con. Xin cha tha cho tội bất kính này.*

Từ đó vợ chồng người con đối xử với cha rất là hiếu thảo cho tới ngày ông qua đời.

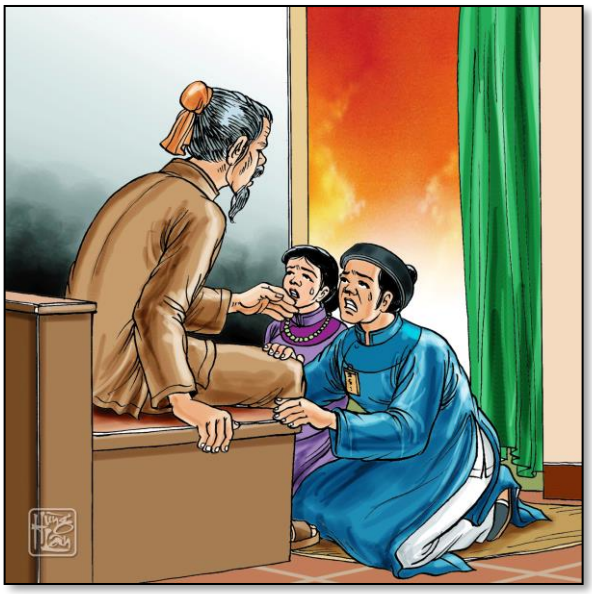

Chú Thích

Bố thí: *gives alms, gives to the poor*	**Đầm ấm:** *happy*
Bạo bệnh: *grave illness*	**Hạn hán:** *drought*
Gia nhân: *servants*	**Đột nhập:** *break in, invade*
Tung tích: *evidence, whereabouts*	**Vơ vét:** *gather and take all, stealing*
Tài sản: *property*	**Khắc nghiệt:** *harsh*
Lùng sục: *scour, rummage*	**Gầy dựng:** *build up, establish*
Cơ nghiệp: *fortune*	**Ứng thí:** *compete*
Ước vọng: *hope, aspiration*	**Hiện thực:** *become realized*
Á khoa: *salutorian, second place*	**Kháu khỉnh:** *fair, cute*
Mãn nguyện: *content, satisfied*	**Chu toàn:** *completely, adequately*
Phân vân: *uncertain, wondering*	**Hồn nhiên:** *innocently*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Người cha của Phúc đã làm gì để thoát qua khỏi nạn đói khắc nghiệt?

_____

_____

_____

2. Vì sao Phúc lại gọt đẽo cái gáo dừa làm chén cho cha mình dùng?

_____

_____

_____

3. Đứa cháu nội bắt chước cha mình gọt đẽo hai cái gáo dừa để làm gì?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ngày xưa, ở một vùng nọ, có vợ chồng kia hiền lành và chăm chỉ, thường đem của cải **bố thí** cho người nghèo. Từ "**bố thí**" có nghĩa là:

   - Cho.
   - Lấy.
   - Mua.

2. Năm đó lại xảy ra nạn đói vì **hạn hán**, mất mùa. Từ "**hạn hán**" có nghĩa là:

   - Có mưa nhiều.
   - Có nắng nhiều, không mưa.
   - Có tuyết nhiều.

3. Vì sợ lộ tung tích, bọn cướp phang ông một gậy rồi **vơ vét** hết tài sản của ông. Từ "**vơ vét**" có nghĩa là:

   - Lấy hết.
   - Lấy một ít.
   - Không lấy.

4. Người cha lấy làm **mãn nguyện** vì quan tri huyện lo lắng chăm sóc cho ông rất chu toàn. Từ "**mãn nguyện**" có nghĩa là:

   - Bất mãn vì không được như ý.
   - Hãnh diện vì thấy hơn mọi người.
   - Hài lòng vì được như mong muốn.

5. Sau một hồi **phân vân**, người chồng lấy cái gáo dừa đẽo gọt miệng cho phẳng để làm chiếc chén. Từ "**phân vân**" có nghĩa là:

   - Bàn thảo để quyết định.
   - Do dự, không quyết định được.
   - Quyết định nhanh chóng.

6. Họ **hối hận** vì đã đối xử tệ bạc với người cha già đáng kính. Từ "**hối hận**" có nghĩa là:

   - Cứng đầu không chịu nhận lỗi.
   - Đau khổ day dứt vì nhận ra lỗi.
   - Đổ lỗi cho người khác.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ong khong ngai cuc kho, lam thue lam muon bat cu viec gi de gay dung co nghiep va lo cho con an hoc.

Cam chiec gao dua trong tay, ong cam thay tui ho, xot xa, nhung khong dam noi ra.

Du muon nghin chen vang, chen bac cung khong sanh noi long cha doi voi chung con.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Sau một hồi phân văn, người chồng lấy cáy gáo dùa đẽo gọt miệng cho phẳng để làm chiếc chén. (3 lỗi)

Sau này khi cha mẹ già yếu, dộn cơm cho cha mẹ ân, lỡ có đánh rơi cũn không bị bể. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Ở Đâu?

Để câu văn được rõ ràng và mạch lạc hơn người ta thường thêm vào đó những chi tiết về nơi chốn bằng cách đặt các câu hỏi như:

Ở đâu? *Tại đâu*? *Nơi nào*? *Chỗ nào*? ...

Ví dụ:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách.

Câu trên đã đầy đủ ý nhưng muốn nó rõ ràng hơn với những chi tiết về nơi chốn chúng ta đặt câu hỏi như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách ở đâu? ở thư viện

Ráp lại, chúng ta sẽ có câu như sau:

Mẹ chở Mai và Tú đi mượn sách *ở thư viện*.

Bảng Từ

ở siêu thị *(at the supermarket)*	**ở thư viện** *(at the library)*
ở rạp phim *(at the movie theater)*	**ở bưu điện** *(at the post office)*
ở công viên *(at the park)*	**ở bệnh viện** *(at the hospital)*
ở quán ăn *(at the restaurant)*	**ở tiệm sách** *(at the bookstore)*
ở sở thú *(at the zoo)*	**ở văn phòng bác sĩ** *(at the doctor's office)*
ở phi trường *(at the airport)*	**ở bãi đậu xe** *(at the parking lot)*
ở thương xá *(at the mall)*	**ở sân vận động** *(at the stadium)*
ở nhà thờ *(at church)*	**ở trường học** *(at school)*
ở nhà *(at home)*	**ở phòng ngủ** *(in the bedroom)*
ở phòng khách *(in the living room)*	**ở phòng bếp** *(in the kitchen)*
ở phòng ăn *(in the diningroom)*	**ở phòng vệ sinh** *(in the restroom)*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Trí thích coi ti-vi.

_____

_____

_____

2. Như đang nhìn máy bay.

_____

_____

_____

3. Bác công nhân đang làm việc.

_____

_____

_____

4. Em thích ngắm nhìn những con gấu.

_____

_____

_____

5. Vào ngày Chúa Nhật em đi học giáo lý và Việt ngữ.

_____

_____

_____

Bài 4: Thiếu Phụ Nam Xương

Ở huyện Nam Xương tỉnh Hà Nam, ngày xưa có một người con gái xinh đẹp, nết na, tên là Vũ Thị Thiết, chồng là Trương Sinh, người cùng làng. Hai vợ chồng rất yêu nhau, tuy trong cảnh túng thiếu nhưng hai người không bao giờ có lời qua tiếng lại. Chỉ có một điều là Trương Sinh hay đa nghi, làm cho vợ lúc nào cũng phải ý tứ, giữ gìn.

Lấy nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh bị gọi đi lính. Trước khi đi, Trương Sinh dặn vợ:

- *Ở nhà nuôi dưỡng mẹ già và nếu sinh con trai thì đặt tên là Đản.*

Lúc ấy, vợ chàng có thai sắp đến ngày sinh. Trương Sinh đi chưa được nửa tháng thì nàng sinh được đứa con trai rất kháu khỉnh.

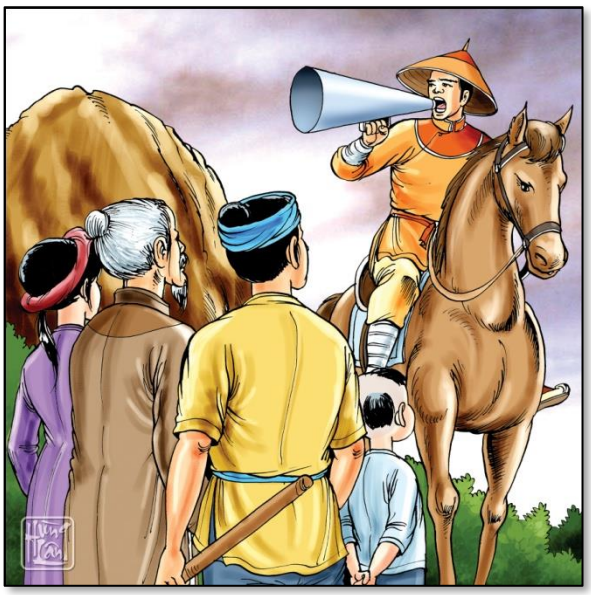

Một nách con mọn, lại có mẹ chồng già, nàng thay chồng làm đủ mọi việc. Mẹ chồng ốm nặng, nàng hết sức chạy chữa trong nửa năm trời, nhưng bà cụ vẫn không qua khỏi được. Nàng làm đám ma cho mẹ chồng rất chu tất, xóm làng ai cũng khen.

Ba năm đã qua. Từ ngày Trương Sinh đi, không có tin tức gì, ở nhà mẹ con tối ngày quấn quýt bên nhau. Có lúc trái nắng trở trời, nửa đêm con khóc hờn mãi mà không nín, nàng Thiết bèn chỉ vào bóng của nàng dưới ánh đèn hiện lên vách nhà và dỗ con:

– *Nín đi con! Bố của con kia kìa. Bố đã về đây rồi!*

Đứa trẻ nhìn vào bóng trên vách và nín khóc ngay.

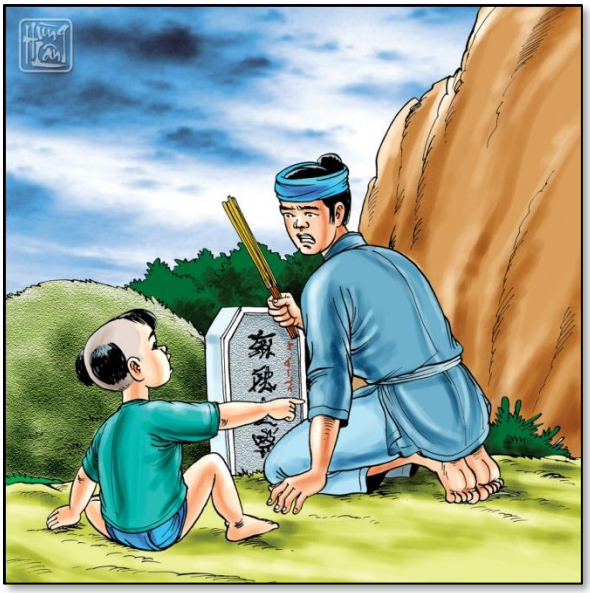

Trương Sinh hết hạn lính trở về. Chàng đau lòng vì mẹ già đã khuất núi, nhưng bù lại được đứa con kháu khỉnh. Trương Sinh hỏi mộ mẹ rồi bế con đi thăm. Ra đến đồng, thằng Đản quấy khóc, chàng Trương dỗ dành:

– *Con nín đi, đừng khóc, bố thương, rồi bố mua quà cho mà ăn.*

Thằng bé đáp ngay:

– *Ông không phải là bố Đản... Bố Đản khác kia... Chỉ đến tối bố mới đến nhà.*

Nghe con nói, Trương Sinh yên trí vợ mình đã không chung thủy. Trương Sinh tra hỏi vợ. Nàng một mực chối cãi; nhưng chàng không tin, mắng chửi, đánh đập vợ tàn nhẫn.

Người thiếu phụ phẫn uất quá, ôm con khóc nức nở. Thừa lúc chồng sang nhà hàng xóm, chị đặt con xuống giường, chạy ra sông đâm đầu xuống dòng nước chảy xiết.

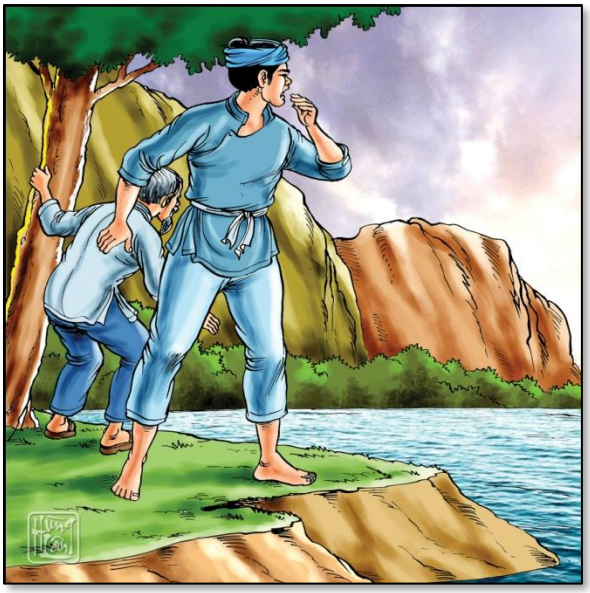

Chồng về, biết sự chẳng lành, vội chạy ra sông, nhưng mò mãi không tìm thấy xác vợ. Đến tối đứa trẻ khóc, Trương Sinh bế con, thắp đèn dỗ cho nó nín. Thốt nhiên đứa trẻ chỉ vào cái bóng của Trương Sinh trên vách và nói:

– *Bố kia kìa!*

Bấy giờ người chồng mới hiểu lời con nói, mới biết được nỗi oan tày trời của vợ, nhưng đã muộn mất rồi. Người vợ đức hạnh đã quyên sinh. Trương Sinh chỉ còn biết ngày ngày bồng con ra bến Hoàng Giang, nhìn xuống dòng sông mà khóc.

Về sau, người trong làng thương nhớ nàng, cho nàng là người trung liệt, nên đã dựng một cái miếu để thờ ngay trên bến Hoàng Giang, gọi là: "*Miếu vợ chàng Trương*".

Chú Thích

Nết na: *prim and proper*	**Túng thiếu:** *needy*
Đa nghi: *suspicious*	**Nuôi dưỡng:** *to take care of*
Kháu khỉnh: *fair, cute*	**Con mọn:** *infants*
Tin tức: *news*	**Quấn quýt:** *cling to*
Hờn: *sulk*	**Khuất núi:** *deceased, passed away*
Yên trí: *convinced*	**Không chung thủy:** *disloyal*
Chối cãi: *deny*	**Tàn nhẫn:** *cruel*
Phẫn uất: *filled with indignation*	**Quyên sinh:** *commit suicide*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi Trương Sinh đi lính, chuyện gì đã xảy ra ở nhà?

_____

_____

_____

2. Mỗi khi con khóc, nàng Thiết dỗ con bằng cách nào?

_____

_____

_____

3. Làm sao Trương Sinh hiểu được là nàng Thiết bị oan?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...Trương hay **đa nghi**, làm cho vợ lúc nào cũng phải ý tứ, giữ gìn. Từ "**đa nghi**" có nghĩa là:

   - Hay giận dỗi.
   - Hay nghi ngờ, không tin tưởng.
   - Rất tin tưởng.

2. Một nách **con mọn**, lại có mẹ chồng già, nàng thay chồng làm đủ mọi việc. Từ "**con mọn**" có nghĩa là:

   - Con còn rất nhỏ.
   - Con đã khôn lớn.
   - Con đã lập gia đình.

3. Nàng làm đám ma cho mẹ chồng rất **chu tất**, xóm làng ai cũng khen. Từ "**chu tất**" có nghĩa là:

   - Đầy đủ, đâu vào đấy.
   - Rình rang, thật lớn, thật linh đình.
   - Sơ sài, qua loa cho có.

4. Từ ngày Trương Sinh đi, không có tin tức gì, ở nhà mẹ con tối ngày **quấn quýt** bên nhau. Từ "**quấn quýt**" có nghĩa là:

   - Luôn luôn đi thăm nhau.
   - Luôn luôn ở bên nhau.
   - Luôn luôn ở xa nhau.

5. Nàng một mực **chối cãi**; nhưng chàng không tin... Từ "**chối cãi**" có nghĩa là:

   - Không nhận lỗi.
   - Nhận lỗi.
   - Phạm lỗi.

6. Người thiếu phụ **phẫn uất** quá, ôm con khóc nức nở. Từ "**phẫn uất**" có nghĩa là:

   - Quá giận vì bị oan.
   - Vui mừng vì được khen.
   - Xấu hổ vì bị mắng.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Truong Sinh di chua duoc nua thang thi nang sinh duoc dua con trai rat khau khinh.

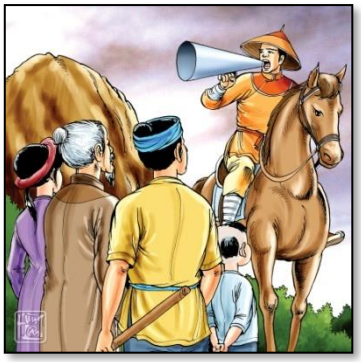

Mot nach con mon, lai co me chong gia, nang thay chong lam du moi viec.

Chong ve, biet su chang lanh, voi chay ra song, nhung mo mai khong tim thay xac vo.

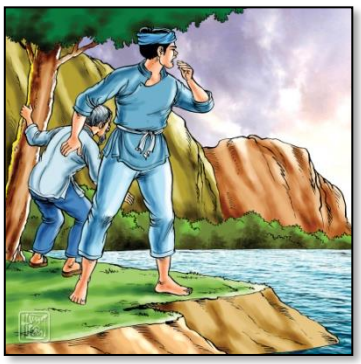

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

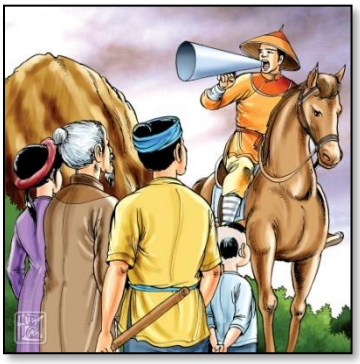

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Chàng đâu lòng vì mẹ già đã khuất núi, nhưng bù lại đượt đứa con kháu khỉn. (3 lỗi)

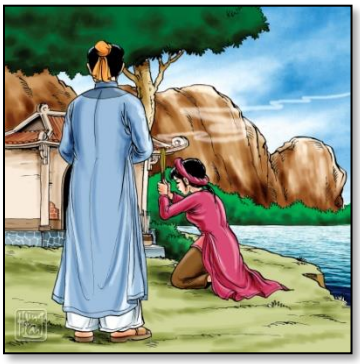

Bấy giờ người chồng mới hiểu lời con nới, mới biết đượt nỗi oan tài trời của vợ, nhưng đã muộn mất rồi. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Ở Đâu?

Muốn thêm chi tiết về nơi chốn chúng ta phải chú ý đến các giới từ như:

Ở, trên, dưới, trong, ngoài, cạnh, trước, sau, tại, v.v.

Ví dụ:

Bố thích uống trà và đọc báo.

Chúng ta tự hỏi:

Bố thích uống trà và đọc báo ở đâu?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

ở	***ở** công ty*	***cạnh***	***cạnh** hồ cá*
trên	***trên** lầu*	***trước***	***trước** nhà*
dưới	***dưới** bếp*	***sau***	***sau** vườn*
trong	***trong** phòng khách*	***tại***	***tại** phi trường*
ngoài	***ngoài** sân*	***...***	*...*

Trong trường hợp này chúng ta chọn: "***trong** phòng khách*".

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Bố thích uống trà và đọc báo ***trong** phòng khách*.

Chúng ta có thể dùng giới từ "***ở***" chung với các giới từ chỉ nơi trốn như: ***ở** trên, **ở** dưới, **ở** trong, **ở** ngoài, **ở** cạnh, **ở** trước, **ở** sau, **ở** tại, v.v..*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn vào những câu sau.)

1. Vũ và Như đang coi phim.

_____

_____

_____

2. Chú Hoàng đi khám bệnh.

_____

_____

_____

3. Chị Loan và Phương đi mua sắm.

_____

_____

_____

4. Lễ rủ Nghĩa đi đá banh.

_____

_____

_____

5. Cô Lan đang đứng nói chuyện với cô Hoa.

_____

_____

_____

Bài 5: Thạch Sanh, Lý Thông

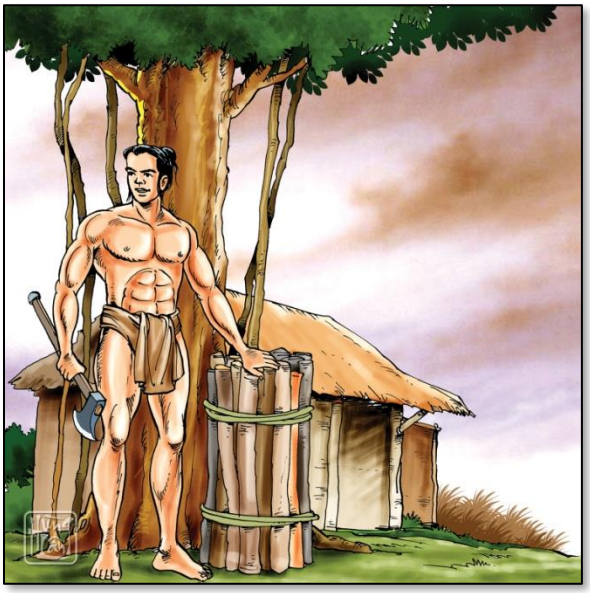

Quận Cao Bình có người tên là Thạch Sanh, sống dưới gốc cây đa làm nghề đốn củi. Một hôm, một người bán rượu tên là Lý Thông đi qua đó, thấy Thạch Sanh khỏe mạnh nên ngỏ ý muốn kết làm anh em. Thạch Sanh nhận lời.

Bấy giờ trong vùng có một con Chằn Tinh. Hằng năm vua phải cống cho nó một mạng người.

Năm ấy nhà Lý Thông phải nộp người. Lý Thông nhờ Thạch Sanh đi thế mình. Thạch Sanh đi ngay. Khi Chằn Tinh hiện ra, Thạch Sanh cầm rìu, đánh và chặt đầu Chằn Tinh đem về.

Khi Thạch Sanh về kể chuyện, Lý Thông gian manh nói:

- *Con chằn tinh ấy của nhà vua. Em giết nó; vua sẽ chém đầu. Em hãy lo trốn ngay đi!*

Thạch Sanh trốn về gốc đa. Lý Thông bèn đem đầu Chằn Tinh vào cung, báo công đã giết được Chằn Tinh. Vua khen và phong cho hắn làm tể tướng.

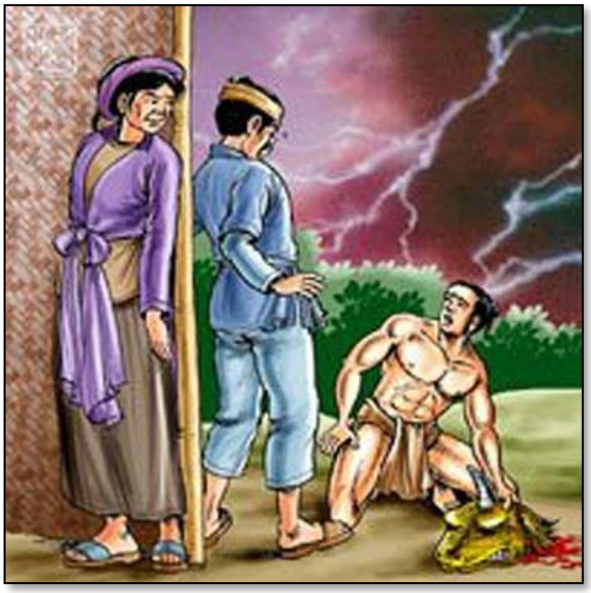

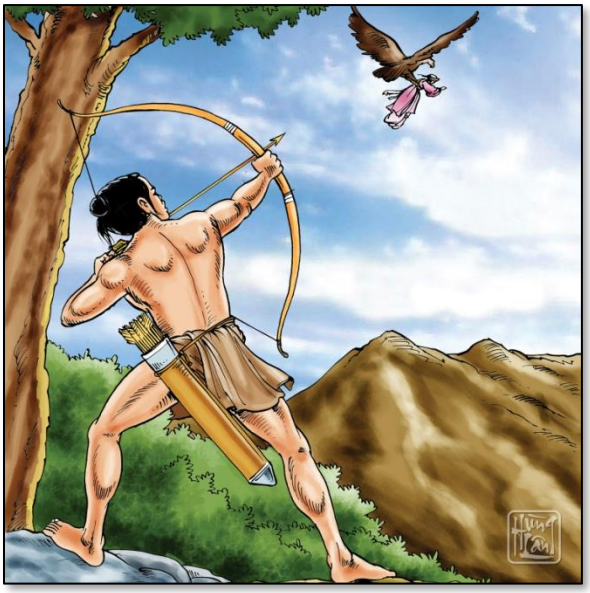

Một ngày kia, Thạch Sanh đang ngồi dưới gốc cây đa, thấy con đại bàng bay ngang qua, quắp một người con gái. Chàng giương cung bắn con đại bàng. Nó bị thương nhưng vẫn tha cô gái về hang.

Cô gái đó là công chúa. Nhà vua sai Lý Thông đi tìm công chúa.

Lý Thông bèn đi kiếm và nhờ Thạch Sanh giúp mình. Thạch Sanh kể chuyện mình bắn con đại bàng và dẫn Lý Thông cùng đám quân lính tới hang có vết máu của đại bàng.

Thấy hang sâu, Thạch Sanh tình nguyện buộc dây vào lưng cho quân lính thả xuống hang. Vừa đặt chân xuống hang Thạch Sanh đã trông thấy đại bàng nằm xõa cánh trên vũng máu đen kịt liền bổ một rìu. Đại bàng vỡ đôi đầu, chết ngay.

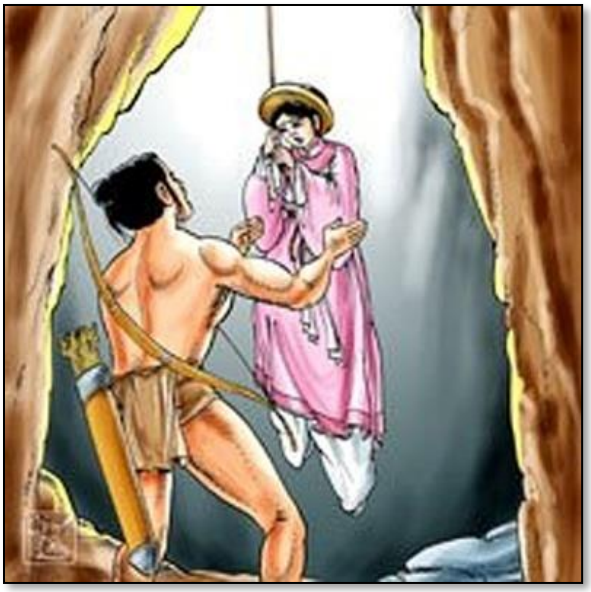

Sau khi giết được đại bàng, Thạch Sanh dắt công chúa đến sợi dây thừng và buộc vào. Chàng ra hiệu cho Lý Thông kéo nàng lên trước. Vừa lên khỏi miệng hang thì Lý Thông bảo quân lính đưa nàng về cung. Sau đó, Lý Thông ra lệnh cho quân lính lấp kín cửa hang.

Trong khi Thạch Sanh tìm lối ra, chàng gặp con Vua Thủy Tề bị nhốt trong cũi gỗ. Chàng đập tan cũi gỗ, cứu thái tử ra. Cuối cùng, hai người cũng tìm được lối thoát. Để cảm tạ ơn cứu mạng, Thái tử mời chàng xuống chơi thủy cung.

Thạch Sanh ở chơi vài ngày rồi ra về. Vua Thủy Tề tặng chàng một cây đàn thần. Chàng trở về cây đa xưa, ban ngày lên rừng kiếm củi, ban đêm mang đàn ra gảy.

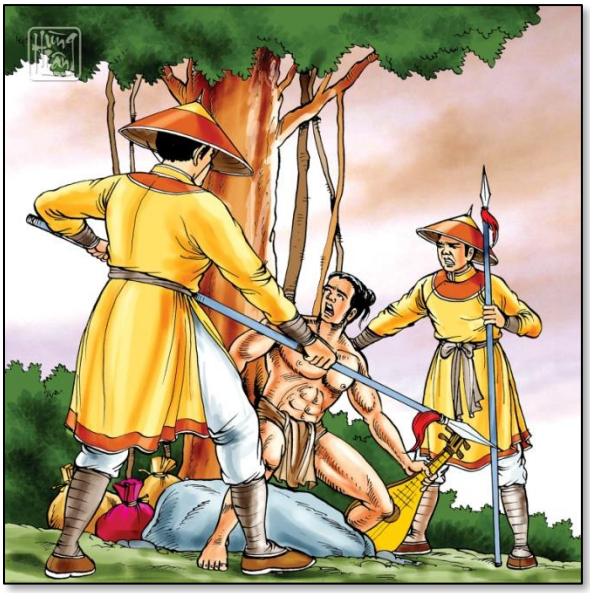

Còn công chúa, khi về tới cung đình, thì hóa câm, suốt ngày nằm liệt giường, không ai chữa khỏi.

Một ngày kia, Lý Thông được tin Thạch Sanh đã trở về gốc đa liền sai người ăn trộm vàng bạc của vua mang đến gốc đa giấu để hãm hại chàng. Quân lính tìm đến gốc đa thì thấy tang vật bèn bắt Thạch Sanh giam vào ngục tối.

Ngồi trong ngục, Thạch Sanh buồn tình đem đàn ra gảy, âm thanh vẳng ra lúc thì như ai oán, lúc thì như than vãn, như tức bực, kể hết nỗi lòng của chàng.

Vừa nghe tiếng đàn, công chúa choàng dậy và nói:

– *Tiếng đàn của người cứu con đang thánh thót đâu đây!*

Vua lấy làm lạ vì sao tiếng đàn làm cho công chúa nói được. Vua sai quân lính đưa Thạch Sanh đến để hỏi chuyện. Chàng thật thà kể hết chuyện. Nghe xong, vua giận dữ sai bắt Lý Thông tống giam vào ngục tối.

Để đền ơn cho Thạch Sanh, vua gả công chúa cho chàng. Về sau, nhà vua không có con trai nên nhường ngôi cho Thạch Sanh.

Chú Thích

Gian manh: *deceitful and conniving*	**Tình nguyện:** *volunteer*
Cũi: *cage*	**Thái tử:** *crown prince*
Câm: *mute*	**Hãm hại:** *incriminate, plan to harm*
Tang vật: *evidence*	**Âm thanh:** *sound*
Ai oán: *plaintive, mournful*	**Than vãn:** *whine, lament*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Sau khi Thạch Sanh giết Chằn Tinh, Lý Thông làm gì để cướp công?

_____

_____

_____

2. Lý Thông hãm hại Thạch Sanh như thế nào?

_____

_____

_____

3. Sau khi bị câm, chuyện gì đã làm cho công chúa nói lại được?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...thấy Thạch Sanh khỏe mạnh nên **ngỏ ý** muốn kết làm anh em. Từ "**ngỏ ý**" có nghĩa là:

   - Bảy tỏ ý nghĩ.
   - Dấu kín ý nghĩ.
   - Suy nghĩ rất lâu.

2. Hằng năm vua phải **cống** cho nó một mạng người. Từ "**cống**" có nghĩa là:

   - Bỏ tù.
   - Dâng nộp.
   - Nhận lấy.

3. Lý Thông bèn đem đầu Chằn Tinh vào cung, **báo công** đã giết được Chằn Tinh. Từ "**báo công**" có nghĩa là:

   - Cho biết để lãnh thưởng.
   - Cho biết để kẻ khác học hỏi.
   - Thú tội.

4. ...con đại bàng bay ngang qua, **quắp** một người con gái. Từ "**quắp**" có nghĩa là:

   - Bắt lấy.
   - Cõng đi.
   - Lôi kéo.

5. Thấy hang sâu, Thạch Sanh **tình nguyện** buộc dây vào lưng cho quân lính thả xuống hang. Từ "**tình nguyện**" có nghĩa là:

   - Bắt người khác làm theo ý mình.
   - Giao trách nhiệm cho người khác.
   - Tự mình nhận lấy trách nhiệm.

6. Quân lính tìm đến gốc đa thì thấy **tang vật** bèn bắt Thạch Sanh giam vào ngục tối. Từ "**tang vật**" có nghĩa là:

   - Khăn tang.
   - Vật chứng về sự phạm pháp.
   - Vật chứng về sự vô tội.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ly Thong ben dem dau Chan Tinh vao cung, bao cong da giet duoc Chan Tinh.

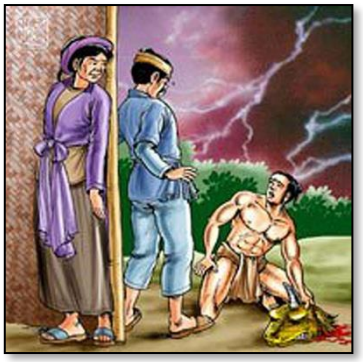

Sau khi giet duoc dai bang, Thach Sanh dat cong chua den soi day thung va buoc vao.

Quan linh tim den goc da thi thay tang vat ben bat Thach Sanh giam vao nguc toi.

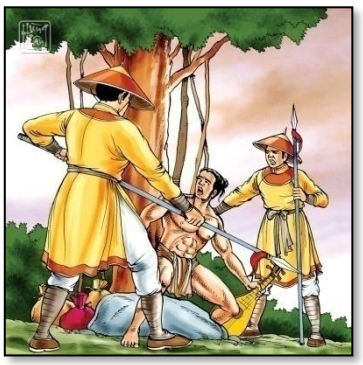

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

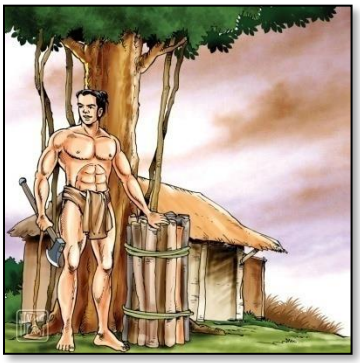

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

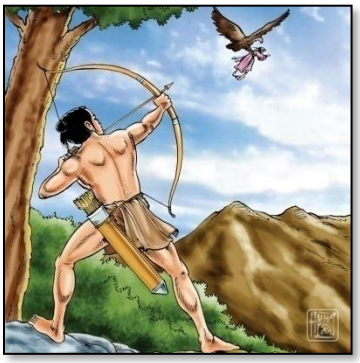

Một ngày kia, Thạch Sanh đăng ngồi dưới góc cây đa, thấy con đại bàng bai ngang qua, quắp một người con gái. (3 lỗi)

Tron khi Thạch Sanh tìm lối ra, chằng gặp con Vua Thủy Tề bị nhớt trong cũi gỗ. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Khi Nào?

Để giúp cho người đọc hiểu rõ hơn, ngoài chi tiết về nơi chốn, người ta còn thêm chi tiết về thời gian bằng cách đặt các câu hỏi như:

Khi nào? *Lúc nào*? *Hồi nào*? ...

Ví dụ:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

Để cho câu này rõ ý hơn chúng ta đặt những câu hỏi về thời gian như sau:

Mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà khi nào? mỗi sáng Thứ Bảy

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

Mỗi sáng Thứ Bảy, mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà.

Bảng Từ

Chúa Nhật *(Sunday)*	**Thứ Hai** *(Monday)*
Thứ Ba *(Tuesday)*	**Thứ Tư** *(Wednesday)*
Thứ Năm *(Thursday)*	**Thứ Sáu** *(Friday)*
Thứ Bảy *(Saturday)*	**mỗi ngày** *(every day)*
mỗi tuần *(every week)*	**mỗi tháng** *(every month)*
mỗi năm *(every year)*	**buổi sáng** *(morning)*
buổi trưa *(noon)*	**buổi chiều** *(afternoon, evening)*
buổi tối *(night)*	**hôm qua** *(yesterday)*
hôm nay *(today)*	**ngày mai** *(tomorrow)*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Mẹ và chị Vy đi chợ.

_____

_____

_____

2. Em nhất định phải học thật giỏi để được lãnh phần thưởng.

_____

_____

_____

3. Anh Tâm chở mẹ ra phi trường để về Việt Nam.

_____

_____

_____

4. Mẹ ra hội trường của giáo xứ Thánh Giuse để gói bánh chưng.

_____

_____

_____

5. Cô giáo dặn: "*Khi đến trường học em phải mặc đồng phục.*"

_____

_____

_____

Bài 6: Ba Người Tài

Có nhà họ Lê kia sinh được một người con gái đẹp nhất trong vùng. Tiếng đồn gần xa nên nhiều mối lái các nơi đến dạm hỏi. Bố mẹ cô gái chỉ trả lời đám người mai mối rằng:

– *Nhà chúng tôi làm ăn bình thường, nên chỉ mong được rể hiền và có tài.*

Trong vùng, có ba chàng trai khỏe mạnh đến yết kiến ông họ Lê. Họ mong có thể làm vừa lòng nhà ông họ Lê.

Ông họ Lê tìm hiểu cặn kẽ từng người thì được biết: một người có tài bắn giỏi, một người có tài lặn giỏi và một người có nghề gia truyền chữa bệnh, lại có tài làm sống lại cả người đã tắt thở.

Cả ba người cùng có ý xin cầu hôn cô con gái ông họ Lê. Vì vậy, ông phải thử tài từng người.

Ông đưa người có tài bắn giỏi ra vườn, chỉ lên cây thông và nói:

– *Tôi đã đánh dấu vôi vào lá thông trên ngọn cao nhất. Anh hãy bắn một phát để chiếc lá thông có vạch vôi rơi xuống đây.*

Chàng trai liền nhấc cánh nỏ. Mũi tên vút lên xuyên thẳng vào nhánh thông um tùm, và lá có dấu vôi trúng tên rơi xuống trước mặt mọi người.

Ông họ Lê đưa người có tài lặn giỏi ra bờ biển và nói:

– *Người trên chiếc thuyền kia đã đánh rơi một chiếc vòng huyền ngọc xuống nước. Anh hãy bơi ra, lặn xuống mò cái vòng ngọc đem vào đây cho tôi.*

Anh chàng bơi thẳng ra khơi, lặn ngụp xuống, chỉ sau một lát đã thấy anh nhô đầu lên, tay giơ chiếc vòng ngọc huyền lên.

Ông họ Lê đưa thầy thuốc giỏi ra chợ, chỉ người ăn mày nằm cong queo vừa mới tắt thở, ông nói:

– *Anh mà cứu sống được người này thì phúc to đấy!*

Anh thầy thuốc ra cánh đồng trước mặt ôm về một bọc lá, bỏ vào cối giã nhỏ, vắt lấy nước, đổ nước lá vào miệng người chết. Một lúc sau, người ăn mày liền tỉnh lại và mở mắt, ngồi dậy như người vừa mới tỉnh ngủ.

Ông họ Lê bối rối vì cả ba cùng tài giỏi, không biết gả con gái cho ai. Ông chợt nghĩ: "*Hay là ta vào miếu Thành Hoàng gieo quẻ để biết ý trời nên chọn ai làm rể.*" Thế là ông lão và ba chàng kén vợ vào miếu Thành Hoàng xin quẻ.

Giữa lúc ấy, người nhà ông chạy đến báo tin cô con gái bị con đại bàng quắp bay đi mất. Nghe xong, mọi người hốt hoảng chạy về. Họ nhìn thấy đại bàng đang quắp cô gái bay trong bóng mây trên mặt biển xa xa.

Nhanh như chớp, chàng thiện xạ giơ cung tên bắn một mũi. Con đại bàng trúng tên rơi xuống biển cùng với cô gái.

Lập tức, chàng lặn giỏi nhảy ngay xuống nước, lặn một hơi ra ôm được cô gái đem vào bờ. Nhưng lên đến bờ, cô gái đã tắt thở.

Không chậm trễ, chàng thầy thuốc đi lấy về một bọc lá, đem giã ra rồi vắt nước đổ vào miệng cô ta. Cô ta nôn thốc hết nước trong bụng ra rồi mở mắt, dần dần hồi tỉnh lại.

Cô gái được cứu sống, cả ba người tài đều kể công. Ba người cãi nhau mãi không xong. Họ đưa nhau lên kêu quan phủ. Quan phủ hỏi đầu đuôi câu chuyện rồi nói:

- *Cả ba người đều có công cứu sống cô gái, nhưng sách có câu: "Trai chưa vợ, gái chưa chồng không được gần gũi nhau." Vì anh lặn giỏi đã ôm cô gái từ ngoài biển khơi vô bờ, nên hai người phải lấy nhau. Nhưng đối với hai ân nhân kia, vợ chồng anh phải kết nghĩa làm anh em, có thế mới là ăn ở phải đạo.*

Ai cũng nghe ra và được lòng. Chàng lặn giỏi được làm rể nhà họ Lê. Ba chàng trai trở nên thân thiết như ruột thịt.

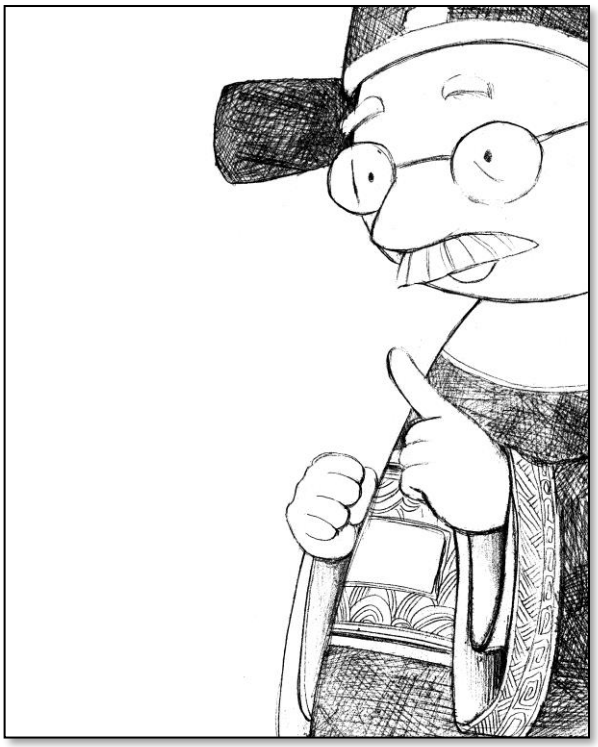

Chú Thích

Mối lái: *match-makers*	**Dạm hỏi:** *ask for hand in marriage*
Bình thường: *normal*	**Yết kiến:** *visit*
Tìm hiểu: *investigate*	**Cặn kẽ:** *carefully, in detail*
Gia truyền: *handed down (in family)*	**Um tùm:** *dense*
Người ăn mày: *beggar*	**Gieo quẻ:** *draw lots*
Hốt hoảng: *panic*	**Nôn thốc:** *throw up, vomit*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ông họ Lê thử tài người thầy thuốc bằng cách nào?

_____

_____

_____

2. Chuyện gì đã xảy ra với con gái ông họ Lê?

_____

_____

_____

3. Quan phủ đã quyết định như thế nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...một người có nghề **gia truyền** chữa bệnh, lại có tài làm sống lại cả người đã tắt thở. Từ "**gia truyền**" có nghĩa là:

   - Do bạn bè tặng cho.
   - Do các đời trước để lại.
   - Do người khác bán cho.

2. Cả ba người cùng có ý xin **cầu hôn** cô con gái ông họ Lê. Từ "**cầu hôn**" có nghĩa là:

   - Xin cưới làm vợ.
   - Xin làm anh em.
   - Xin làm bạn.

3. Ông họ Lê **bối rối** vì cả ba cùng tài giỏi, không biết gả con gái cho ai. Từ "**bối rối**" có nghĩa là:

   - Lúng túng, không biết xử ra sao.
   - Sợ hãi.
   - Vui mừng.

4. Nghe xong, mọi người **hốt hoảng** chạy về. Từ "**hốt hoảng**" có nghĩa là:

   - Bình tĩnh, như thường.
   - Quá vui, hớn hở.
   - Quá sợ, luống cuống.

5. Cô ta **nôn thốc** hết nước trong bụng ra... Từ "**nôn thốc**" có nghĩa là:

   - Ăn.
   - Uống.
   - Ói.

6. Nhưng đối với hai **ân nhân** kia, vợ chồng anh phải kết nghĩa làm anh em... Từ "**ân nhân**" có nghĩa là:

   - Bạn của mình.
   - Người có lỗi với mình.
   - Người có ơn với mình.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Co nha ho Le kia sinh duoc mot nguoi con gai dep nhat trong vung.

Ong ho Le boi roi vi ca ba cung tai gioi, khong biet ga con gai cho ai.

Nhung doi voi hai an nhan kia, vo chong anh phai ket nghia lam anh em, co the moi la an o phai dao.

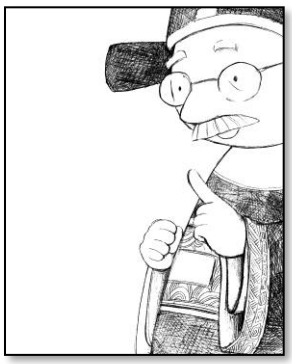

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Anh hãy bắn một phác để chiếc lá thông có vạch vôi rôi xuốn đây. (3 lỗi)

Họ nhìn thấy đại bằng đang quắp cô gái bai trong bóng mây trên mặc biển xa xa. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Khi Nào?

Muốn thêm chi tiết về thời gian chúng ta phải chú ý đến các giới từ chỉ thời gian như:

Khi, lúc, hồi, vào, từ khi, trước khi, sau khi, đến khi, v.v..

Ví dụ:

Ông thích uống trà.

Chúng ta tự hỏi:

Ông thích uống trà khi nào?

Chúng ta có thể trả lời câu hỏi trên như sau (chú ý tới những giới từ):

khi	***khi*** *đọc báo*	***từ khi***	***từ khi*** *về hưu*
lúc	***lúc*** *trước*	***trước khi***	***trước khi*** *đi ngủ*
hồi	***hồi*** *xưa*	***sau khi***	***sau khi*** *ăn xong*
vào	***vào*** *buổi sáng*	***tới khi***	***tới khi*** *tan tiệc*

Trong trường hợp này chúng ta chọn: "***vào*** *buổi sáng*".

Ráp lại chúng ta sẽ có câu như sau:

Ông thích uống trà ***vào*** *buổi sáng*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về thời gian vào những câu sau.)

1. Nguyên rất thích đọc truyện tranh.

_____

_____

_____

2. Minh bị bố la vì không chịu đi ngủ sớm.

_____

_____

_____

3. Cô Thúy đi du lịch vòng quanh thế giới.

_____

_____

_____

4. Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh.

_____

_____

_____

5. Cây lê ở sau vườn nhà chị Hoa nở đầy hoa.

_____

_____

_____

Bài 7: Tấm Cám

Tấm và Cám là hai chị em cùng cha khác mẹ. Tấm là con vợ cả, Cám là con vợ lẻ. Bố chúng nó đã mất, mẹ Tấm cũng mất luôn. Tấm ở với con Cám và dì ghẻ là mẹ Cám. Ngày ngày Tấm phải đảm đương hết mọi công việc nặng nhọc trong nhà. Trong lúc đó thì Cám được mẹ nuông chiều không phải làm gì, suốt ngày chỉ biết ăn uống rồi đi rong chơi.

Một hôm dì đưa cho mỗi đứa một cái giỏ, bảo đi bắt tôm bắt tép. Dì hứa rằng: "*Hễ đứa nào bắt được nhiều thì cho yếm đỏ*."

Hai đứa cùng mang giỏ đi ra đồng. Tấm bắt được nhiều, Cám bắt được ít. Cám bảo rằng: "*Chị Tấm ơi chị Tấm, đầu chị lấm, chị hụp cho sâu, kẻo về dì mắng*."

Lúc Tấm hụp xuống thì Cám ở trên bờ trút lấy cả tôm tép của Tấm vào giỏ mình rồi mang về trước. Tấm lên dòm đến giỏ thì thấy mất cả, nó mới khóc hu hu lên.

Bụt hiện lên hỏi: "*Làm sao con khóc?*" Tấm kể sự tình cho Bụt nghe. Bụt bảo nó coi lại giỏ thì chỉ còn một con bống mà thôi. Bụt mới bảo đem thả con bống xuống dưới giếng mà nuôi; cứ một ngày hai lần, mỗi bữa cơm đáng ba bát thì ăn hai, bớt một bát để cho bống. Lúc đổ cơm xuống giếng thì bảo: "*Bống ơi bống! Lên ăn cơm vàng cơm bạc nhà ta, chớ ăn cơm hẩm cháo hoa nhà người.*"

Tấm nghe lời Bụt đem thả bống xuống giếng để nuôi.

Không bao lâu, dì ghẻ biết được bèn kiếm cách bắt bống ăn thịt. Một hôm, dì ghẻ bảo Tấm dắt trâu đi chăn ở đồng xa. Tấm vâng lời. Ở nhà hai mẹ con ra giếng bắt lấy bống mang về làm thịt ăn.

Đến bữa, Tấm đem cơm ra cho bống nhưng không thấy bống nữa. Nó khóc òa lên. Bụt lại hiện ra, bảo rằng: "*Bống bị ăn thịt rồi. Con về nhà nhặt lấy xương bỏ vào lọ rồi đem chôn dưới giường.*"

Tấm nghe lời Bụt, về nhà tìm xương bống. Có một con gà bảo nó rằng: "*Cục ta cục tác, cho ta nắm thóc ta bới xương cho.*" Tấm lấy thóc ném cho gà. Gà bới một chỗ thì thấy xương ngay. Tấm nhặt lấy bỏ vào lọ rồi đem chôn.

Được ít lâu nhà vua có mở hội. Hai mẹ con Cám sắm sửa để đi xem hội. Mẹ Cám lấy một đấu thóc và một đấu gạo, trộn lẫn với nhau, rồi bắt con Tấm phải lựa riêng ra. Dì ghẻ bảo: "*Lúc nào nhặt xong thì mới được đi xem hội, hễ chưa xong thì không được đi.*" Nói thế rồi hai mẹ con nó đi. Tấm ở nhà khóc.

Bụt lại hiện lên an ủi nó: "*Để ta cho một đàn chim sẻ xuống nhặt đỡ.*" Đến khi lựa riêng xong rồi, Tấm lại khóc: "*Con không có quần áo đẹp để đi xem hội.*" Bụt bảo rằng: "*Con đi đào những cái lọ đã chôn ở dưới giường lên.*" Tấm mới đào lên, thì thấy quần áo, một đôi giày và một con ngựa. Tấm mừng quá, liền thay quần áo rồi đi xem hội.

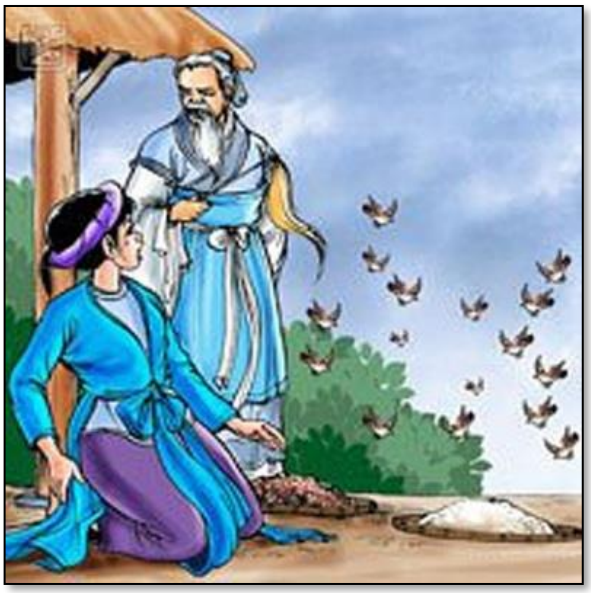

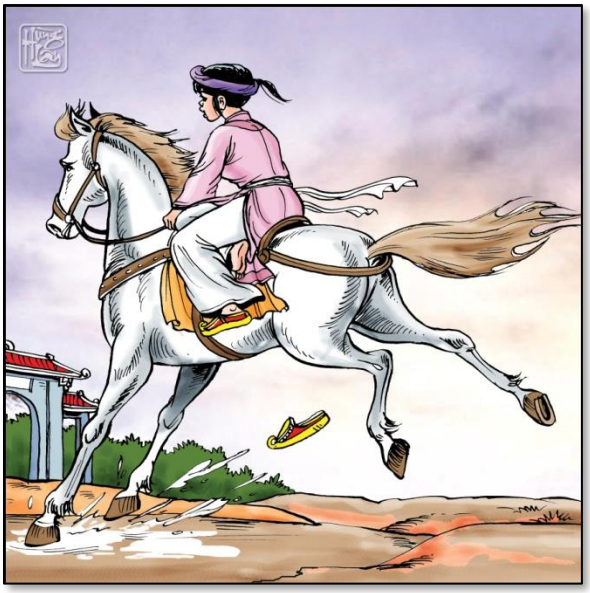

Dự hội xong, lúc Tấm đi qua bờ hồ, đánh rơi chiếc giày, không sao lấy lên được.

Một lát sau, vua ngự đến gần đấy. Voi đứng dừng lại kêu rầm rĩ. Vua thấy sự lạ mới phán cho quân lính phải xuống hồ, xem có gì lạ không. Tức khắc lính xuống hồ, mò thấy một chiếc giày thêu đẹp lắm.

Vua phán cho tất cả con gái đi xem hội ướm thử. Hễ chân ai đi vừa thì vua lấy làm vợ. Trong đám hội ai cũng ướm cả; cả mẹ con Cám cũng chẳng từ. Nhưng chẳng có chân ai vừa. Tấm cũng xin ướm thử. Dì nó mắng rằng: "*Chuông khánh còn chẳng ăn ai, nữa là mảnh chĩnh bỏ ngoài bờ tre.*" Đến lúc Tấm ướm thì vừa vặn. Vua bèn sai lính thị vệ đem ngay kiệu rước Tấm về cung. Thế là Tấm trở thành hoàng hậu.

Chú Thích

Đảm đương: *to take on*	**Nuông chiều:** *spoil, pamper*
Lấm: *dirty*	**Hụp:** *go under water*
Trút: *pour*	**Hẩm:** *stale*
Hội: *fair*	**Rầm rĩ:** *blustering*
Ướm thử: *try on*	**Hoàng hậu:** *queen*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Khi đi bắt tôm tép, Cám đã làm gì với giỏ của Tấm?

_____

_____

_____

2. Tấm làm gì để có áo quần đi xem hội?

_____

_____

_____

3. Làm sao Tấm trở thành hoàng hậu?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Trong lúc đó thì Cám được mẹ **nuông chiều** không phải làm gì... Từ "**nuông chiều**" có nghĩa là:

   - Thương yêu quá mức.
   - Đánh đập quá đau.
   - Phạt quá nặng.

2. Lúc Tấm hụp xuống thì Cám ở trên bờ **trút** lấy cả tôm tép của Tấm vào giỏ mình rồi mang về trước. Từ "**trút**" có nghĩa là:

   - Đổ ra.
   - Đưa về.
   - Mang đi.

3. Gà **bới** một chỗ thì thấy xương ngay. Từ "**bới**" có nghĩa là:

   - Chôn.
   - Đào.
   - Mổ.

4. Voi đứng dừng lại kêu **rầm rĩ**. Từ "**rầm rĩ**" có nghĩa là:

   - Ồn ào.
   - Rất khẽ, rất nhỏ.
   - Yên tĩnh.

5. Tức khắc lính xuống hồ, **mò** thấy một chiếc giày thêu đẹp lắm. Từ "**mò**" có nghĩa là:

   - Giấu đi.
   - Sờ, tìm kiếm ở dưới nước.
   - Vất đi.

6. Vua phán cho tất cả con gái đi xem hội **ướm thử**. Từ "**ướm thử**" có nghĩa là:

   - Mang thử vào xem có vừa không.
   - Tháo ra.
   - Xếp hàng.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ngay ngay Tam phai dam duong het moi cong viec nang nhoc trong nha.

Me Cam lay mot dau thoc va mot dau gao, tron lan voi nhau, roi bat con Tam phai lua rieng ra.

Du hoi xong, luc Tam di qua bo ho, danh roi chiec giay, khong sao lay len duoc.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Con về nhà nhặc lấy xương bỏ vào lộ rồi đem chôn dưới giường. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tứt khắc lính xuống hồ, mò thấy một chiếc giài thêu đẹp lắm. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

_____

Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào?

Để cho câu văn rõ ràng hơn người ta không những thêm vào câu văn chi tiết về nơi chốn mà còn thêm chi tiết về thời gian vào trong các câu đó bằng cách đặt các câu hỏi như:

Ở đâu? Khi nào? v.v..

Ví dụ:

Ông thích uống trà.

Chúng ta tự hỏi:

Ông thích uống trà khi nào? vào buổi sáng

Ông thích uống trà ở đâu? ở sau vườn

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

Ông thích uống trà *vào buổi sáng ở sau vườn*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu? Khi Nào?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn và thời gian vào những câu sau.)

1. Cô Ngọc và các bạn đi nghỉ hè.

_____

_____

_____

2. Bố mẹ Ninh thức dậy để chạy bộ.

_____

_____

_____

3. Hiển được chú Tư dắt đi mò cua bắt ốc.

_____

_____

_____

4. Dung nhìn các anh chị học vẽ.

_____

_____

_____

5. Gia đình bác Hải xem đốt pháo bông.

_____

_____

_____

Bài 8: Chàng Rể Tinh Ranh

Phú ông kia có một cô con gái xinh đẹp. Trong vùng, nhiều người muốn được làm rể phú ông.

Phú ông ra lời thách:

– *Trong bốn chợ phiên, ai làm cho ta nổi giận được thì ta gả con gái cho.*

Có nhiều chàng trai đến xin thi và chưa có ai trót lọt cả.

Một hôm có một anh chàng ăn mặc lôi thôi, bộ dạng lờ đờ đến ra mắt phú ông và nói:

– *Tôi muốn được làm con rể của ông.*

Và chàng đề nghị:

– *Ông với con vào rừng săn heo rừng về làm thức nhắm.*

Nghe nói đi săn heo rừng, phú ông thích lắm. Phú ông nói:

– *Nhà tao không có chó săn.*

– *Thưa ông, lần này con xin làm chó.*

Hai người xách hai con heo rừng về nhà. Phú ông bảo:

– *Mày đi làm thịt heo rừng và đi mua rượu.*

– *Con là chó. Chó không làm thịt hoặc đi mua rượu được.*

Cuối cùng, phú ông đành làm một mình. Phú ông ra chợ mua rượu, khi trở về nhà chỉ còn lại đống xương. Phú ông hỏi:

– *Mày có để phần cho ta miếng nào không?*

– *Bẩm ông, chó thì không biết để phần cho ai. Ông đã giận con chưa?*

– *Tao chưa thấy giận.*

Một hôm khác, hai người lại đi săn. Lần này đến lượt phú ông nhận làm chó. Anh chàng nhằm bụi nhiều gai rồi dồn chó vào đánh hơi. Phú ông trù trừ sợ gai, anh chàng phết luôn hai roi vào mông phú ông và quát:

– *Mau lên! Làm chó thì phải biết chui rúc chứ!*

Phú ông bị mấy roi đau quá, nên phải chui vào. Lúc chui ra, phú ông bị chảy máu mặt vì gai đâm.

– *Ông có giận con không?*

– *Không, không. Chưa, chưa.*

Buổi săn ấy được một con heo rừng. Anh chàng làm thịt, nướng chả rồi bảo phú ông ra chợ mua rượu. Phú ông đáp:

– *Chó không biết đi mua rượu đâu.*

Anh chàng bèn trói phú ông vào cột nhà và nói:

– *Chó là chúa ăn vụng, phải trói lại mới được.*

Mua rượu về, anh chàng đánh chén uống rượu. Thỉnh thoảng anh ném mấy miếng xương cho phú ông. Ăn xong, anh mở trói cho phú ông và hỏi:

– *Ông đã giận con chưa?*

– *Chưa.*

Một hôm, anh bàn:

– *Ông với con đi buôn, con bỏ vốn, ông phụ việc, được lãi thì chia đôi. Chiều mai gánh hàng về con để ở đầu làng, ông cứ ra mà gánh nhé!*

Hôm sau, phú ông ra chỗ hẹn gánh đôi bồ nặng trĩu về nhà. Ông mở bồ ra. Một bên đựng đầy đá. Bên kia thì anh chàng trời đánh ngồi ở trong. Anh chàng hỏi:

– *Ông đã giận con chưa?*

– *Giận mày thì tao mất vui, chưa giận đâu.*

Chỉ còn hai hôm nữa là hết hạn thách hỏi. Anh lo lắm. Sáng sớm, anh quảy đôi sọt đi, một lát chạy về gọi rối rít:

– *Ông ơi! Con bắt được con phượng hoàng đất to lắm, đẹp lắm. Ông ra giữ hộ con.*

Phú ông ra ngay. Phú ông phủ phục xuống, ôm chặt cái sọt có chặn hòn đá to. Tình cờ có đám rước quan đại thần đi qua. Thấy một người nằm giữa đường ôm khư khư cái sọt, quan đại thần hỏi:

– *Ngươi làm gì thế này?*

– *Bẩm quan, trong sọt có con phượng hoàng đất.*

Quan đại thần liền sai lính lấy lưới chăng bắt ngay, nhưng chẳng có con chim nào mà chỉ thấy một bãi phân trâu.

Quan tức mình sai lính đánh cho phú ông một trận nên thân. Lúc ấy, anh chàng mới chạy ra đỡ phú ông dậy rồi hỏi:

– *Ông có giận con không?*

Phú ông cứ rên ư ử:

– *Mày làm tao suýt mất đầu. Tao giận mày lắm lắm.*

Thế là anh chàng nghèo lấy được con gái phú ông. Đám cưới được tổ chức thật linh đình. Cả làng nô nức đi xem như đi hội.

Chú Thích

Thách: *a challenge*	**Chợ phiên:** *monthly fair*
Trót lọt: *pass through smoothly*	**Lôi thôi:** *untidy*
Bộ dạng: *appearance*	**Lờ đờ:** *sluggish, lethargic*
Đánh hơi: *sniffing*	**Trù trừ:** *hesitate*
Chui rúc: *crawl, creep*	**Buôn:** *trade, do business*
Vốn: *capital, investment*	**Lãi:** *profit*
Nặng trĩu: *very heavy*	**Phủ phục:** *kneel down*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ông phú hộ thách đố như thế nào?

_____

_____

_____

2. Vì sao anh chàng nghèo lại trói ông phú hộ?

_____

_____

_____

3. Anh chàng nghèo đã làm gì để lấy được vợ?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Có nhiều chàng trai đến xin thi và chưa có ai **trót lọt** cả. Từ "**trót lọt**" có nghĩa là:

   - Bị cản không qua được.
   - Rớt xuống hố.
   - Qua được, không bị cản.

2. Một hôm có một anh chàng ăn mặc **lôi thôi**, bộ dạng lờ đờ đến ra mắt phú ông... Từ "**lôi thôi**" có nghĩa là:

   - Gọn gàng.
   - Không gọn gàng.
   - Rách rưới.

3. Mày có **để phần** cho tao miếng nào không? Từ "**để phần**" có nghĩa là:

   - Ăn hết.
   - Để dành đồ ăn lại.
   - Vất đi.

4. Phú ông **trù trừ** sợ gai... Từ "**trù trừ**" có nghĩa là:

   - Cẩn thận.
   - Do dự, chưa dám làm.
   - Nhanh nhảu.

5. ...chàng **phết** luôn hai roi vào mông phú ông. Từ "**phết**" có nghĩa là:

   - Đấm.
   - Quất, đánh.
   - Xoa.

6. Sáng sớm, anh quảy đôi sọt đi, một lát chạy về gọi **rối rít**... Từ "**rối rít**" có nghĩa là:

   - Ồn ào.
   - Từ từ.
   - Vội vã, mất bình tĩnh.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Trong bon cho phien, ai lam cho ta noi gian duoc thi ta ga con gai cho.

Anh chang nham bui nhieu gai roi don cho vao danh hoi.

Chieu mai ganh hang ve con de o dau lang, ong cu ra ma ganh nhe!

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Bẩm ông, chó thì không biếc để phần cho ai. Ông đã giận cong chưa? (3 lỗi)

Quan tức mình sai lính đáng cho phứ ông một trặn nên thân. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Tại Sao?

Để người đọc dễ hiểu hơn người ta thường thêm vào câu văn những chi tiết về lý do bằng cách đặt câu hỏi như:

Tại sao? *Vì sao*? *Để làm gì*? ...

Ví dụ:

Mỗi sáng Thứ Bảy mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà. Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh.

Bây giờ chúng ta thử đặt câu hỏi:

Tại sao mẹ lại đi chợ mỗi sáng Thứ Bảy? vì hằng ngày mẹ phải đi làm

Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh để làm gì? để chúng tươi và ngon hơn

Ráp lại, ta sẽ có câu như sau:

Vì hằng ngày mẹ phải đi làm cho nên mỗi sáng Thứ Bảy mẹ mua thức ăn và quà bánh cho cả nhà. Mẹ cất thức ăn vào tủ lạnh *để chúng tươi và ngon hơn*.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tại Sao?)

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Trí thích nghe nhạc một mình ở trong phòng.

_____

_____

_____

2. Trâm bê bình hoa tặng mẹ.

_____

_____

_____

3. Bác Hòa xin vào làm ở bưu điện Grand Prairie.

_____

_____

_____

4. Ân và Đức bị cô giáo phạt.

_____

_____

_____

5. Em thích ngắm nhìn mặt trời lặn.

_____

_____

_____

Bài 9: Trả Ơn, Trả Oán

Ngày xưa có một đôi vợ chồng trẻ rất thương yêu nhau, chẳng may vợ bị ốm rồi chết. Từ lúc vợ chết, người chồng trở nên túng bấn hơn. Anh phải đi làm thuê. Chỉ mới làm được một ngày thì anh đã thấy nhọc mệt và bị chủ la mắng nhục nhã. Anh bỏ việc và quyết định làm nghề đi câu.

Sáng hôm sau, anh ra ngồi ở bờ sông câu cá, vừa thả cần câu xuống cá đã mắc mồi ngay. Anh giật lên không phải con cá mà là con rắn nước. Anh gỡ con rắn quẳng xuống sông.

Xế trưa anh lại giật cần câu lên, vẫn là con rắn nước. Anh lại thả rắn xuống nước. Bỗng rắn nói:

- *Tôi là con vua Thủy Tề. Thấy anh là người nhân hậu tôi muốn kết bạn với anh. Tôi sẽ giúp anh vượt qua cảnh nghèo.*

Từ đó, anh với rắn trở thành đôi bạn.

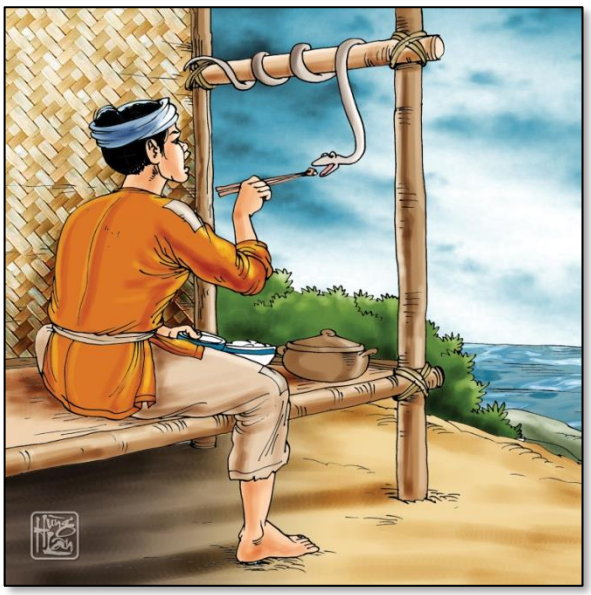

Một hôm rắn bảo:

– *Sắp có cơn bão lớn thổi qua. Nước sẽ dâng lụt cả vùng. Anh phải đóng bè mà tránh đi.*

Bão đến, rồi bão qua nhưng nước vẫn chưa rút hẳn. Những con kiến, con chuột, con trăn đang lờ đờ chìm nổi trong nước. Rắn trông thấy và nói với anh:

– *Hãy cứu những con vật kia.*

Và anh đã vớt những con vật đó lên bè.

Cùng lúc ấy thấy phía xa có một người bám vào mảnh ván sắp bị chìm, anh liền đẩy bè ra cứu.

Thế là người và vật đã thoát nạn. Các con vật thầm cảm ơn người và rắn đã cứu chúng rồi đi về tổ của mình. Còn người kia xin ở lại làm em kết nghĩa.

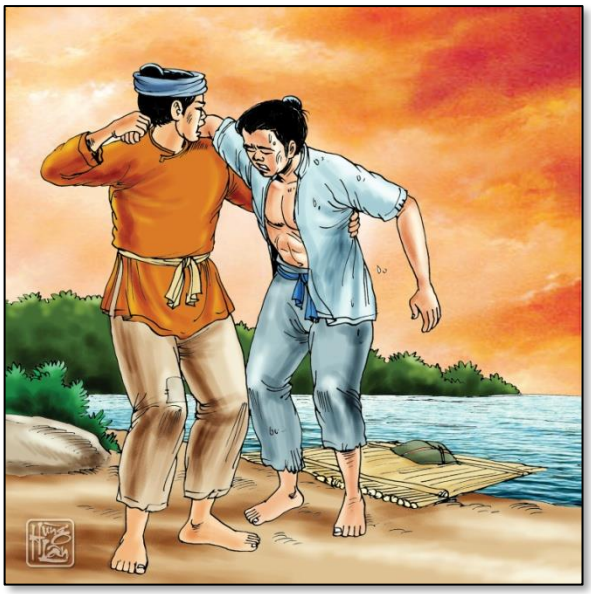

Khi trở về anh chàng thấy cây đàn thần đã biến mất. Anh bèn đi khắp nơi tìm kiếm.

Một ngày kia, vào đến kinh đô, anh gặp đám quân lính đang dẹp đường cho quan đi. Trên kiệu hoa, thấy ông quan uy nghi chính là người em kết nghĩa, anh gọi réo lên. Kẻ bất nhân ấy cũng nhận ra anh. Hắn giật mình, lập tức cho quân bắt trói và tống anh vào ngục.

Trong ngục âm u, anh bỗng nghe có tiếng hỏi:

– *Sao anh bị giam vào đây? Chúng tôi là đàn kiến được anh cứu sống. Để chúng tôi đi báo chú Chuột và bác Trăn tìm cách giúp anh.*

Ngày tháng trôi qua, đến lúc con rắn nước trở về thủy cung, nó mời anh cùng đi theo. Ở thủy cung, vua Thủy Tề tặng anh cây đàn thần, khi gảy có thể làm cho giặc phải tan. Về đến nhà anh kể chuyện cho người em kết nghĩa nghe về cây đàn thần.

Một hôm, vì có việc nên anh phải đi xa. Không ngờ, ở nhà, người em kết nghĩa lấy trộm cây đàn rồi trốn đi.

Bấy giờ ngoài bờ cõi quân giặc đang quấy nhiễu. Nghe tin ấy, hắn vào xin vua cho mình lập công. Nhờ có chiếc đàn thần, hắn đã diệt được giặc. Lúc hắn thắng trận trở về, vua phong cho hắn làm tướng, lại định gả công chúa. Nhưng bỗng dưng công chúa bị ốm nặng, rồi mắt lòa, lại câm điếc.

Nghe đàn kiến báo tin, Trăn liền nhả ra một viên ngọc và nói:

– *Ân nhân của chúng ta bị nạn. Chú Chuột hãy mang viên ngọc này đưa cho ân nhân, bảo rằng hãy mài ngọc cho công chúa uống thì sẽ khỏi bệnh.*

Sau khi anh nhận được viên ngọc quý, anh xin cai ngục vào cung để chữa bệnh cho công chúa. Cai ngục tâu lên vua. Nhà vua lo cho bệnh tình của công chúa nên bằng lòng cho anh vào cung.

Sau khi mài ngọc, anh đưa cho công chúa uống cạn. Lập tức đôi mắt lại sáng lên, tai lại thính và miệng nói năng như xưa. Nhà vua mừng quá, hỏi lai lịch anh. Anh thật thà kể hết. Nghe xong, nhà vua tức giận bèn sai quân lính đi bắt giam tên đại tướng bất nghĩa kia và tống vào ngục chờ ngày xét xử.

Sau đó nhà vua gả công chúa cho anh, và họ sống một cuộc đời hạnh phúc.

Chú Thích

Túng bấn: *destitute, poor*	**Nhục nhã:** *shameful*
Nhân hậu: *kind, benevolent*	**Lờ đờ:** *lethargic, sluggish*
Quấy nhiễu: *disturb, making trouble*	**Uy nghi:** *imposing*
Bất nhân: *inhumane*	**Ân nhân:** *benefactor*
Cai ngục: *prison guard*	**Lai lịch:** *background*
Thật thà: *honestly*	**Bất nghĩa:** *disloyal*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao người chồng quyết định làm nghề đi câu?

_____

_____

_____

2. Khi gặp lại ở kinh đô, người em kết nghĩa đã đối xử với người anh như thế nào?

_____

_____

_____

3. Các con vật đã cứu ân nhân mình bằng cách nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Chỉ mới làm được một ngày thì anh đã thấy nhọc mệt và bị chủ la mắng **nhục nhã**. Từ "**nhục nhã**" có nghĩa là:

   - Hãnh diện vì được coi trọng.
   - Mắc cở vì được khen.
   - Quá xấu hổ vì bị khinh khi.

2. Anh gỡ con rắn **quẳng** xuống sông. Từ "**quẳng**" có nghĩa là:

   - Bắt lấy.
   - Ném đi, vứt đi.
   - Vớt lên.

3. Những con kiến, con chuột, con trăn đang **lờ đờ** chìm nổi trong nước. Từ "**lờ đờ**" có nghĩa là:

   - Chậm, mệt, thiếu sống động.
   - Nhanh nhẹn, sống động.
   - Vùng vẫy.

4. Bấy giờ ngoài bờ cõi quân giặc đang **quấy nhiễu**. Từ "**quấy nhiễu**" có nghĩa là:

   - Đánh phá, gây hại thường xuyên.
   - Tập dượt binh lính.
   - Yên ổn, không có chuyện.

5. **Ân nhân** của chúng ta bị nạn. Từ "**ân nhân**" có nghĩa là:

   - Người bạn.
   - Người làm ơn, giúp đỡ.
   - Người thọ ơn, được giúp đỡ.

6. ...nhà vua tức giận bèn sai quân lính đi bắt giam tên đại tướng **bất nghĩa** kia... Từ "**bất nghĩa**" có nghĩa là:

   - Đạo đức.
   - Nhân hậu.
   - Trái với đạo đức và lẽ phải.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nhung con kien, con chuot, con tran dang lo do chim noi trong nuoc.

Cung luc ay thay phia xa co mot nguoi bam vao manh van sap bi chim, anh lien day be ra cuu.

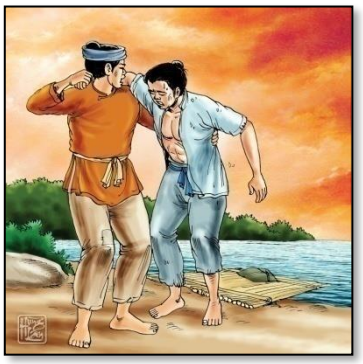

Sau khi anh nhan duoc vien ngoc quy, anh xin cai nguc vao cung de chua benh cho cong chua.

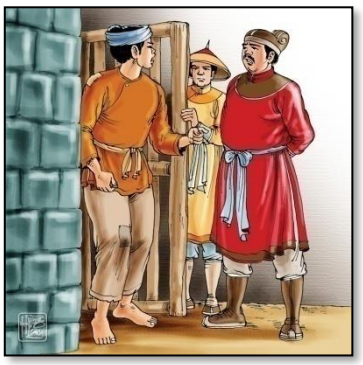

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

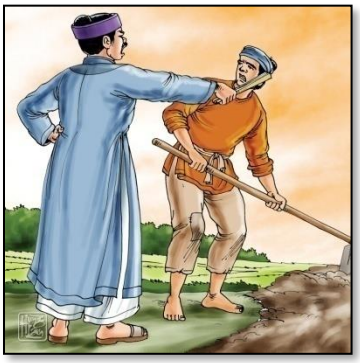

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

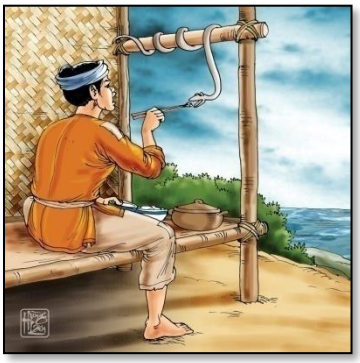

Sáng hôm sâu, anh ra ngồi ở bờ sôn câu cá, vừa thả cần câu xuống cá đã mắt mồi ngay. (3 lỗi)

Hắn giậc mình lập tức chơ quăn bắt trói và tống anh vào ngục. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Tại Sao?

Khi tìm hoặc thêm chi tiết về lý do chúng ta phải chú ý đến các giới từ chỉ lý do như:

Vì, tại vì, để, để cho, vì ... cho nên ..., v.v.

Ví dụ:

Chi Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Chúng ta tự hỏi:

Vì sao chị Nga chăm học? vì muốn bố mẹ được vui

Dùng câu trả lời trên, chúng ta có thể viết những câu như sau:

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***vì*** *muốn bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***tại vì*** *muốn bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***để*** *bố mẹ được vui*.

Chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi ***để cho*** *bố mẹ được vui*.

Vì *muốn bố mẹ được vui* ***cho nên*** chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Chúng ta có thể thay đổi vị trí của câu trả lời trong một số câu như sau:

Vì *muốn bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Tại vì *muốn bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Để *bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Để cho *bố mẹ được vui*, chị Nga cố gắng học tiếng Việt cho giỏi.

Bài Tập – Tập Làm Văn (Tại Sao?)

(Cho các em thêm chi tiết về lý do vào những câu sau.)

1. Mỗi tối anh Hòa phải dạy Tí làm bài tập.

_____

_____

_____

2. Chú chó nhà em hôm nay chẳng chịu ăn uống gì cả.

_____

_____

_____

3. Bé xin mẹ ra hồ để bơi nhưng mẹ không cho.

_____

_____

_____

4. Hôm nay bé Vân được nghỉ học.

_____

_____

_____

5. Hoài đòi mẹ mua cho em đôi giày mới.

_____

_____

_____

Bài 10: Của Thiên Trả Địa

Ngày xưa, có hai anh chàng mồ côi làm nghề cày thuê cuốc mướn ở cùng chung một làng. Một người tên là Thiên, người kia tên là Địa.

Thiên rất sáng dạ và tinh khôn, học gì hiểu nấy, còn Địa thì không được thông minh như bạn, nhưng bản tính hiền lành và không làm mích lòng ai bao giờ.

Một hôm, Địa nói với Thiên rằng:

- *Từ nay anh khỏi cần đi làm nữa, cứ chú tâm học hành. Tôi sẽ gắng sức làm thêm để lấy tiền nuôi anh ăn học. Sau này anh thành tài, thi đậu làm quan to, thì đừng quên tôi nhé!*

Thiên liền trả lời:

- *Làm sao mà quên được công sức của anh. Tôi là người chứ có phải là con vật đâu!*

Thế rồi kể từ ngày đó Địa tận lực đêm ngày làm thuê để nuôi bạn ăn học. Sau mười năm đèn sách, Thiên đậu trạng nguyên và được nhà vua bổ làm quan.

Được tin bạn mình thành đạt, Địa rất sung sướng. Anh bèn bán ngôi nhà đang ở, lấy tiền mua đồ lễ tìm vào dinh của bạn. Khi Địa tìm đến nơi thì Thiên không muốn nhận lại bạn cũ nữa. Hắn còn dặn quân canh cửa không cho Địa vào.

Địa bị đuổi nên tủi thân, lủi thủi ra về. Đến bờ sông, anh ngồi nghỉ. Ngẫm nghĩ số phận hẩm hiu của mình, anh định gieo mình xuống sông tự vẫn. Thấy thế, Bụt liền hiện lên hỏi anh:

– *Làm sao mà con khóc vậy?*

Địa nghe Bụt hỏi thì kể lại đầu đuôi mọi việc. Bụt liền hóa phép cho anh một chiếc đò và dặn rằng:

– *Con cứ ở đây chở khách qua lại trên sông này cũng đủ ăn rồi, khỏi phải đi làm thuê nữa.*

Từ đấy, mỗi ngày Địa chống đò ngang đưa khách sang sông.

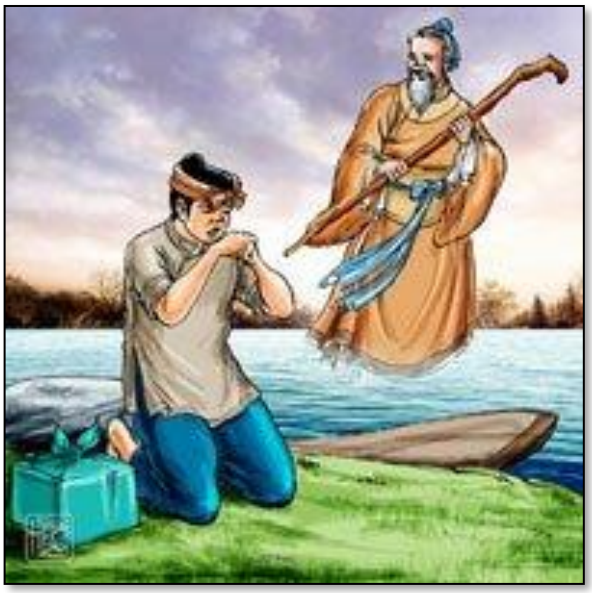

Một hôm, Địa nghe có tiếng gọi đò của một cô gái ở bờ bên kia. Anh chèo đò qua để rước. Khi lên bờ, cô gái nói với Địa:

– *Thú thật với chàng, thiếp là tiên nữ trên thiên đình. Trời thấy chàng tử tế mà lại chịu khổ sở quá nên cho thiếp xuống trần để giúp chàng qua cơn vận hạn. Thiếp sẽ là vợ chàng.*

Nói xong, nàng liền giơ tay hóa phép, biến túp lều của Địa thành một ngôi nhà nguy nga tráng lệ, trong nhà có cả kẻ hầu người hạ từng đoàn, không thiếu thứ gì. Địa vừa kinh ngạc vừa vui sướng trong lòng.

Đến ngày giỗ cha của Địa, nàng tiên lại hóa phép cỗ bàn linh đình để anh làm giỗ cúng cha rồi bảo:

– *Chàng hãy bảo gia nhân khiêng kiệu đến mời anh Thiên sang ăn giỗ.*

Nghe nhắc đến Thiên, Địa vẫn còn chưa nguôi nỗi buồn, không muốn đi. Nhưng chiều vợ, anh lên kiệu đến dinh cơ của Thiên mời sang ăn giỗ.

Thiên thấy Địa giàu nên hắn quyết định đến xem cho rõ sự tình. Đến nơi, hắn rất lấy làm lạ khi thấy nhà cửa của Địa sang trọng ít ai bì kịp. Khi Địa đưa vợ ra giới thiệu, thấy nàng vừa đẹp vừa sang, hắn đâm ra ganh tị với Địa. Hắn nói:

– *Anh đổi vợ cùng cơ nghiệp này cho tôi thì tôi sẵn sàng nhường chức quan cùng dinh cơ của tôi cho anh.*

Địa không muốn, nhưng nàng tiên nói nhỏ vào tai chồng, xúi anh chấp nhận. Mọi việc nàng sẽ lo liệu.

Thế là sẵn có cụ lý trưởng sang ăn giỗ, hai bên liền làm tờ giao ước.

Giấy tờ giao ước đâu đó xong xuôi thì Địa gạt nước mắt giã biệt người vợ tiên, lên võng về dinh cơ của Thiên mà tâm trạng rối bời.

Còn Thiên thì quá say rượu nên nằm ngủ một giấc li bì. Sáng hôm sau tỉnh dậy, hắn ngơ ngác nhìn quanh thì thấy mình đang nằm trong một túp lều tồi tàn bên sông, bên cạnh là tờ giao ước với Địa. Tất cả đã biến mất.

Ngày nay, mỗi khi người ta muốn ám chỉ việc những kẻ làm ăn bất nghĩa phải trả giá thì họ thường hay nói câu "*Của Thiên trả Địa*" là do sự tích câu chuyện này mà ra.

Chú Thích

Sáng dạ: *sharp, smart*	**Tinh khôn:** *clever*
Mích lòng: *upset others*	**Chú tâm:** *focus*
Thành tài: *succeed*	**Công sức:** *effort*
Tủi thân: *self pity*	**Hẩm hiu:** *lowly, pathetic*
Tự vẫn: *commit suicide*	**Vận hạn:** *misfortuned as destined*
Nguy nga: *grand, splendid*	**Tráng lệ:** *magnificent*
Gia nhân: *servants*	**Dinh cơ:** *official residence*
Ganh tỵ: *jealous, envy*	**Giao ước:** *contract, agreement*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Địa đề nghị với Thiên như thế nào?

_____

_____

_____

2. Khi được làm quan, Thiên đối xử với Địa ra sao?

_____

_____

_____

3. Cuối cùng, chuyện gì đã xảy ra cho Thiên?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Từ nay anh khỏi cần đi làm nữa, cứ **chú tâm** học hành. Từ "**chú tâm**" có nghĩa là:

   - Không chịu làm.
   - Không tập trung, suy nghĩ vẩn vơ.
   - Tập trung, để hết tâm trí vào.

2. Sau này anh **thành tài**, thi đậu làm quan to, thì đừng quên tôi nhé! Từ "**thành tài**" có nghĩa là:

   - Đi thi.
   - Làm nên sự nghiệp.
   - Thất bại.

3. Sau mười năm **đèn sách**, Thiên đậu trạng nguyên và được nhà vua bổ làm quan. Từ "**đèn sách**" có nghĩa là:

   - Chơi bời.
   - Đốt đèn .
   - Học hành.

4. Ngẫm nghĩ số phận **hẩm hiu** của mình, anh định gieo mình xuống sông tự vẫn. Từ "**hẩm hiu**" có nghĩa là:

   - May mắn.
   - Tài giỏi.
   - Thua kém, thấp hèn.

5. Trời thấy chàng **tử tế** mà lại chịu khổ sở quá... Từ "**tử tế**" có nghĩa là:

   - Ác độc, cố tình hại nhau.
   - Có lòng tốt trong đối xử với nhau.
   - Có lòng lừa dối nhau.

6. ...Địa gạt nước mắt **giã biệt** người vợ tiên, lên võng về dinh cơ của Thiên mà tâm trạng rối bời. Từ "**giã biệt**" có nghĩa là:

   - Chia tay, ra đi.
   - Gặp lại.
   - Hẹn gặp lại.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Sau nay anh thanh tai, thi dau lam quan to, thi dung quen toi nhe!

Nghe nhac den Thien, Dia van con chua nguoi noi buon, khong muon di.

Khi Dia dua vo ra gioi thieu, thay nang vua dep vua sang, han dam ra ganh ti voi Dia.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

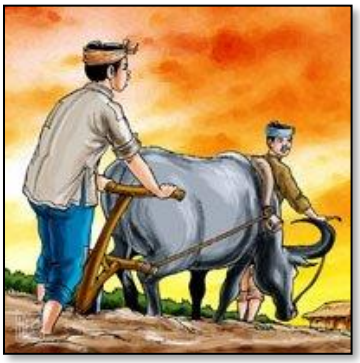

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

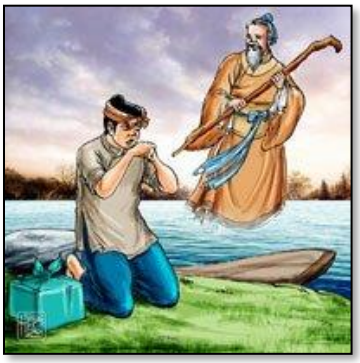

Ngẫm ngĩ số phận hẳm hiu của mình, anh định gieo mình xuống sông tự vẫn. (3 lỗi)

Sáng hôm sau tỉnh dậy, hắn nghơ ngác nhìn quan thì thấy mình đang nằm trong một túp lều tồi tàn bên sông. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?

Để có một câu văn hay và đầy đủ ý nghĩa hơn, người ta thường thêm những chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do. Vậy khi muốn viết một câu văn có đầy đủ những chi tiết về nơi chốn, thời gian, và lý do trước tiên chúng ta nên đặt các câu hỏi như: "*Ở đâu?*", "*Khi nào?*" và "*Tại sao?*" Rồi sau đó dùng những câu trả lời, chúng ta ráp lại thành một câu văn đầy đủ ý nghĩa và hay hơn.

Ví dụ:

Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi.

Chúng ta tự hỏi:

Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi ở đâu? ở sở thú

Sở thú ở tại đâu? tại Dallas

Mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi khi nào? Thứ Bảy tuần tới

Lúc nào trong ngày Thứ Bảy? sáng

Vì sao mẹ lại hứa sẽ chở Linh đi coi voi? vì Linh ngoan

Bây giờ chúng ta ráp tất cả các câu trả lời trên thành câu:

***Vì** Linh ngoan **nên** mẹ hứa sẽ chở Linh đi coi voi **ở** sở thú **tại** Dallas **vào** sáng Thứ Bảy tuần tới.*

Bài Tập – Tập Làm Văn (Ở Đâu? Khi Nào? Tại Sao?)

(Cho các em thêm chi tiết về nơi chốn, thời gian và lý do vào những câu sau.)

1. Lễ tập bơi.

_____

_____

_____

2. Bà thêu khăn cho Mai.

_____

_____

_____

3. Mẹ mua cho Tân chiếc xe đạp.

_____

_____

_____

4. Hôm nay bé Vân được nghỉ học.

_____

_____

_____

5. Con gà trống nhà dì Trúc đang bới đất.

_____

_____

_____

Bài 11: Lấy Vợ Cóc

Có nhà phú ông kia hiếm hoi, mãi đến khi luống tuổi, người vợ mới có mang. Đến ngày trở dạ thì người vợ lại sanh ra một con Cóc. Người chồng buồn bực chực mấy lần ném Cóc ra ngoài ruộng. Cóc như hiểu ý và nói với bố:

- *Bố đừng vứt con ra ruộng mà tội nghiệp con. Mai kia con lớn con cũng biết làm được việc nhà đỡ bố mẹ.*

Nghe Cóc nói thế, bố mẹ đỡ tủi lòng và càng thương Cóc nhiều hơn.

Trong vùng ấy, có một người học trò mồ côi nhà nghèo nhưng rất có chí. Một buổi khi tan học, anh đi qua ruộng lúa nhà phú ông, ngắt một bông để cắn trắt. Bỗng có tiếng nói trong trẻo cất lên:

- *Anh đồ ơi, không được ngắt lúa nhà em.*

Anh đồ nhìn xuống ruộng lúa thì thấy một con Cóc ngồi trên tảng đá. Cô nhìn anh và nói:

- *Xin anh đừng ngắt lúa nhà em nữa.*

Từ đấy, mỗi lần qua ruộng lúa, anh đứng lại nói chuyện với Cóc.

Thế là anh học trò phải lòng cô Cóc. Một ngày kia, anh nhờ bà mối đến hỏi xin nhà phú ông cho anh lấy Cóc làm vợ.

Vợ chồng phú ông ngỡ ngàng, tưởng như nghe lầm. Phú ông thấy anh là người có chí, nên nhận lời ngay. Chẳng bao lâu, tới ngày lành tháng tốt, đám cưới của anh học trò lấy vợ Cóc được tổ chức thật linh đình.

Thấy anh lấy vợ Cóc, bạn bè cùng học với anh tỏ vẻ khinh miệt. Một hôm, nhà thầy có giỗ, đám học trò muốn chơi xỏ anh, liền đề xướng là mỗi người nấu một món ăn mang đến biếu thầy.

Anh lo lắm, liền về nói với vợ. Vợ Cóc bảo:

- *Em sẽ nấu một bát canh cá lăng để anh mang biếu thầy.*

Hôm sau, anh thấy trên bàn có một bát canh cá lăng, khói thơm nghi ngút. Anh bưng bát cá đến nhà thầy. Thầy nếm thử rồi khen:

- *Món canh cá lăng là món ngon nhất của bữa cỗ ngày hôm nay.*

Đám bạn bè càng ganh tị, xúm lại nghĩ thêm các trò ác ý khác.

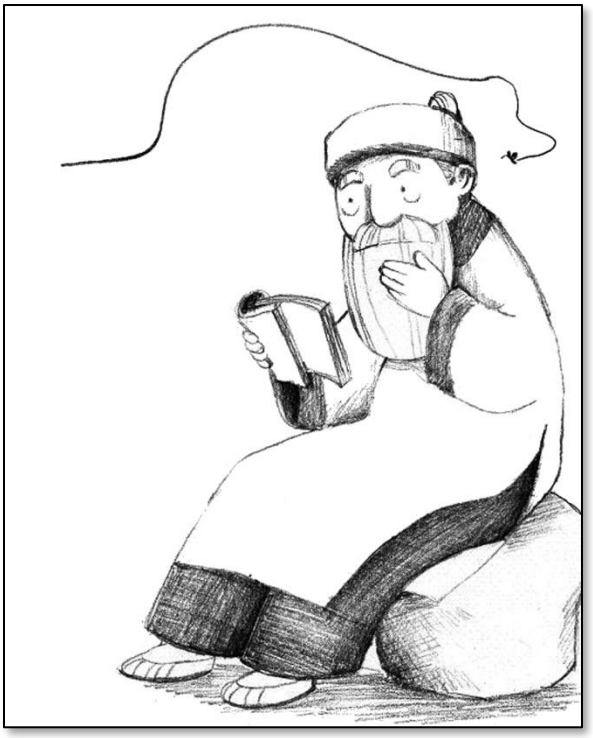

Đến dịp thầy đồ làm lễ thượng thọ, học trò mỗi người may một bộ áo mừng thầy, nhưng trước khi may không được đo.

Anh học trò về nói với vợ. Vợ Cóc trả lời:

– *Anh yên tâm. Ngày mai, em sẽ may xong.*

Hôm sau, vợ Cóc hóa thành con muỗi đậu trên lưng áo chồng theo đến nhà thầy. Đến nơi, nàng bay sang đậu ở áo ông thầy. Chỉ trong nháy mắt, nàng đã đo được mọi kích thước.

Giữa trưa, chàng về nhà, thấy trên án thư đã gấp nếp một bộ áo tơ vàng mới nguyên. Chàng mang bộ áo lụa đến nhà thầy, đúng lúc mọi người đưa áo mới để thầy ngắm, thầy thử. Tất cả các bộ thầy mặc đều rộng quá hoặc ngắn quá. Riêng bộ áo tơ vàng của chàng thì thầy ưng ngay, mặc vừa như in. Lụa vàng sáng, người già mặc càng đẹp lão. Thầy tấm tắc khen hết lời. Mọi người đều phải khen theo thầy, nhưng trong bụng thì ấm ức.

Đầu năm mới, nhà thầy làm cỗ mừng xuân thết đãi học trò. Người trưởng đám giao hẹn:

– *Mỗi nhà, cả hai vợ chồng phải cùng đến mừng tuổi thầy.*

Về nhà, anh liền kể lại hết nỗi lo với vợ. Vợ Cóc nói ngay:

– *Tết em sẽ đi với anh đến nhà thầy.*

Đúng hôm Tết, anh chờ đám bạn bè đi hết mới dám ra khỏi nhà cùng với vợ Cóc. Anh đi trước, vợ Cóc lạch bạch nhảy theo sau.

Sắp đến cổng nhà thầy, bên đường có một bụi mía um tùm, tự dưng vợ Cóc nhảy vào bụi mía. Một lát sau, trong vòm lá mía, một cô gái nước da trắng như ngọc, đôi mắt sáng ngời từ từ bước ra. Cô thánh thót nói với chồng:

– *Là em đây.*

Thế là vợ chồng sánh bước vào nhà thầy. Cả đám học trò ai cũng kinh ngạc tròn xoe mắt. Hóa ra vợ Cóc lại là một giai nhân tuyệt sắc mà cả đám vợ các học trò đều không ai có thể sánh được.

Chú Thích

Hiếm hoi: *barren, have no children*	**Luống tuổi:** *old*
Buồn bực: *sad and angry*	**Tội nghiệp:** *take pity*
Mồ côi: *orphan*	**Ngắt:** *pick, pinch to break*
Cắn trắt: *bite open the grain for the rice*	**Trong trẻo:** *clear, sweet, melodious*
Bà mối: *woman matchmaker*	**Ngỡ ngàng:** *very surprised*
Linh đình: *grand, magnificent*	**Khinh miệt:** *scorn*
Chơi xỏ: *set up (to be a fool)*	**Đề xướng:** *suggest*
Ganh tị: *jealous, envy*	**Thượng thọ:** *70th birthday*
Tấm tắc: *constantly praising*	**Ấm ức:** *pent-up anger, resentment*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Anh học trò và cô Cóc gặp nhau ở đâu?

_____

_____

_____

2. Cô Cóc đã làm gì để may bộ áo vừa vặn cho thầy của chồng?

_____

_____

_____

3. Khi hóa thành người, cô Cóc nhìn như thế nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Có nhà phú ông kia **hiếm hoi**, mãi đến khi luống tuổi, người vợ mới có mang. Từ "**hiếm hoi**" có nghĩa là:

   - Có ít con.
   - Có nhiều con.
   - Khó có con.

2. Trong vùng ấy, có một người học trò **mồ côi** nhà nghèo nhưng rất có chí. Từ "**mồ côi**" có nghĩa là:

   - Không còn anh em.
   - Không còn bạn bè.
   - Không còn bố mẹ.

3. Thấy anh lấy vợ Cóc, bạn bè cùng học với anh tỏ vẻ **khinh miệt**. Từ "**khinh miệt**" có nghĩa là:

   - Coi thường.
   - Kính trọng.
   - Thương hại.

4. ...đám học trò muốn **chơi xỏ** anh, liền đề xướng là mỗi người nấu một món ăn mang đến biếu thầy. Từ "**chơi xỏ**" có nghĩa là:

   - Cố ý làm cho bẽ mặt, xấu hổ.
   - Chơi rất thân.
   - Xa lánh, không muốn gặp.

5. Đến dịp thầy đồ làm lễ **thượng thọ**, học trò mỗi người may một bộ áo mừng thầy... Từ "**thượng thọ**" có nghĩa là:

   - Mừng sinh nhật thứ 7.
   - Mừng sinh nhật thứ 10.
   - Mừng sinh nhật thứ 70.

6. Đầu năm mới, nhà thầy làm **cỗ** mừng xuân thết đãi học trò. Từ "**cỗ**" có nghĩa là:

   - Đám cưới.
   - Đám ma.
   - Tiệc.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Mot ngay kia, anh nho ba moi den hoi xin nha phu ong cho anh lay Coc lam vo.

Rieng bo ao to vang cua chang thi thay ung ngay, mac vua nhu in.

Mot lat sau, trong vom la mia, mot co gai nuoc da trang nhu ngoc, doi mat sang ngoi tu tu buoc ra.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Trong vùng ấy, có mộc người học trò mồ côi nhà ngèo nhưng rắt có chí. (3 lỗi)

Đúng hôm Tết, anh chờ đắm bạn bè đi hết mới dám ra khởi nhà cùn với vợ Cóc. (3 lỗi)

Văn Phạm – Cách Chấm Câu

Câu là lời nói diễn tả một ý tưởng trọn vẹn. Ta có câu *nói* và câu *viết*. Trong câu nói người ta có thể nói mau, nói chậm, lên giọng, xuống giọng để diễn tả mạch lạc và thêm ý nghĩa cho lời nói. Trong câu viết người ta nhờ đến các dấu chấm câu.

Trong khi viết người ta dùng các dấu chấm câu sau đây:

- **Dấu chấm [.]** – Dấu chấm được đặt ở cuối câu. Người ta có thể dừng lại đó, và người đọc có thể hiểu ý ta muốn nói gì.
- **Dấu phẩy [,]** – Dấu phẩy phân hai tiếng hay hai mệnh đề để cho người đọc nghỉ hơi.
- **Dấu chấm phẩy [;]** – Dấu chấm phẩy chia một câu dài làm hai đoạn, và ý tưởng của câu nói chưa dứt.
- **Dấu chấm lửng […]** – Dấu chấm lửng được đặt ở cuối câu hay giữa câu khi người ta không muốn nói hết những điều phải nói hoặc kể hết những điều phải kể và để cho người đọc hiểu ngầm.
- **Dấu chấm than [!]** – Dấu chấm than được đặt sau câu tán thán.
- **Dấu chấm hỏi [?]** – Dấu chấm hỏi dùng đặt sau một câu nghi vấn.
- **Dấu gạch ngang [–]** – Dấu gạch ngang dùng để phân biệt câu của những người đối thoại hay muốn tách rời một phần của câu viết hay một ý tưởng mà người ta đặc biệt chú ý đến.
- **Dấu ngoặc đơn [( )]** – Dấu ngoặc đơn để phân biệt những tiếng có nghĩa riêng ở giữa câu hay để giải thích một ý tưởng được nêu ra.
- **Dấu ngoặc kép [“”]** – Dấu ngoặc kép cho biết lời nói của một nhân vật.
- **Dấu hai chấm [:]** – Dấu hai chấm cho biết người ta sắp nói gì, viết gì hay giải thích một điều vừa nói.

Bài Tập – Văn Phạm (Cách Chấm Câu)

(Cho các em thêm các dấu chấm câu vào những câu sau đây.)

Mão thấy mẹ yêu em hơn mình ____ ra bộ ghen tị ____ bà mẹ biết ý ____ mới gọi Mão mà bảo rằng ____ ____ em con còn nhỏ ____ chưa biết gì ____ cho nên mẹ phải yêu nó ____ chiều nó ____ con thì đã lớn rồi ____ đã biết nghĩ ____ có lẽ nào lại muốn mẹ coi cũng như đứa con nít hay sao____ thế mà bao giờ con thấy mẹ yêu em ____ thì con lại có ý không vui là nghĩa làm sao ____ con phải biết rằng ____ ghen tị như thế là một thói xấu ____ phải chừa đi mới được ____ ____

(Cho các em viết lại đoạn văn với những dấu chấm câu. Nhớ viết hoa những từ ở đầu câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

_____

Bài 12: Trọng Nghĩa Khinh Tài

Khi xưa ở Thanh Hóa, có một người phú hộ tên là Nguyễn Đình Phương. Ông là người hào hiệp, nên khi có ai túng thiếu đến nhờ vả, ông sẵn lòng chu cấp hay cho vay mượn. Ông có một người bạn cố tri tên là Trần Bính Cung, làm nghề buôn gỗ. Gia đình Bính Cung rất nghèo nên thường được Đình Phương giúp đỡ và cho vay mượn tiền.

Một hôm, Bính Cung bị bệnh nặng nằm liệt giường. Biết mình sắp chết, Bính Cung cho mời bạn tới và nói:

- *Tôi nợ của anh một số tiền lớn mà chưa trả. Ngôi nhà này coi như là gán món nợ ấy. Xin anh tiếp tục giúp đỡ gia đình tôi.*

Đình Phương liền nói:

- *Anh đừng nói thế! Tình nghĩa mới là cái đáng quý, còn tiền bạc nào có nghĩa lý gì. Sau này, dù có thế nào đi nữa, tôi cũng xin gắng sức giúp đỡ gia đình anh.*

Sau khi Bính Cung qua đời, Đình Phương tỏ ra là người giữ lời hứa của mình. Ông bỏ tiền ra làm đám tang cho bạn chu đáo và còn sốt sắng giúp đỡ gia đình bạn. Làng xóm đều khen ngợi việc làm của ông.

Nhưng dần dà sự giúp đỡ của Đình Phương cứ thưa bớt đi. Một hôm, khi gặp mặt Đình Phương, bà Bính Cung nói:

- *Mẹ con chúng tôi đói no là nhờ bác. Mong bác rộng tay giúp đỡ cho chúng tôi.*

Đình Phương nghe vậy liền vội vàng từ chối:

- *Làm sao có thể lo cho gia đình chị mãi được? Không khéo tôi phải bán ngôi nhà của chị để trang trải vài món nợ nữa đấy!*

Nghe nói vậy bà Bính Cung đành gạt nước mắt ra về và kể lại sự tình cho mọi người trong nhà nghe.

Cả nhà ngồi lại khóc rấm rứt. Đúng lúc đó thì có một ông lão lối xóm chạy đến hỏi chuyện. Bà Bính Cung kể lại đầu đuôi từ lúc tình bạn đậm đà, cho đến những câu trả lời tuyệt tình vừa rồi của Đình Phương.

Nghe bà khóc, ông lão hỏi:

– *Bà và các cháu đây có biết dệt vải không? Nếu bà quyết chí thì tôi xin truyền cái nghề này cho bà. Còn vốn liếng thì tôi sẽ cố giúp, sau này bà khá giả sẽ hoàn lại cũng được.*

Bà Bính Cung không ngờ một lão thợ dệt sồi ở xóm lại tỏ ra hào hiệp hơn Nguyễn Đình Phương. Ông xuất tiền mua khung cửi và mọi đồ nghề khác để cho bà học dệt. Chẳng mấy chốc họ đã có vải đem ra chợ bán và dành dụm được tiền đem đi chuộc lại căn nhà. Họ lờ hẳn Đình Phương, coi như người xa lạ.

Đúng lúc đó thì ông lão ân nhân đã bước ra nói nhỏ vào tai bà:

– *Bà đừng vội nóng. Tất cả vốn liếng mà tôi giúp bà đều là tiền bạc của ông Phương đây cả.*

Bà Bính Cung nghe nói thế thì quay lại nhìn chăm chăm vào mặt Đình Phương, miệng ú ớ:

– *Trời ơi, thế mà lâu nay tôi không nghĩ ra...*

Đoạn bà gọi các con lại để tạ ơn vị ân nhân đã giúp gia đình bà vượt qua cảnh khốn cùng. Song Đình Phương xua tay gạt đi:

– *Ấy, xin chị và các cháu đừng như thế. Tôi vẫn nhớ lời hứa với anh nhà trước lúc nhắm mắt. Trên đời này không có gì đáng quý bằng chữ "Nghĩa" mà.*

Tám năm trôi qua, một hôm, nhà Bính Cung chuẩn bị lễ cưới cho người con gái. Giữa lúc tiệc cưới vui vẻ, bà Bính Cung thấy bóng ai quen đứng trước cửa. Bà liền tiến ra cửa, thì ra đó là Nguyễn Đình Phương. Bà thầm nghĩ:

– *Chẳng hiểu gã bạn bất nghĩa này còn đến đây làm gì nhỉ?*

Tuy vậy, vì lịch sự và đang có khách nên bà Bính Cung cũng ra đón ông và chua chát nói:

– *Bác hôm nay cũng đến đây ư? Tôi tưởng rằng bác quên chúng tôi đã lâu rồi.*

Đình Phương vẫn từ tốn cười mà không trả lời.

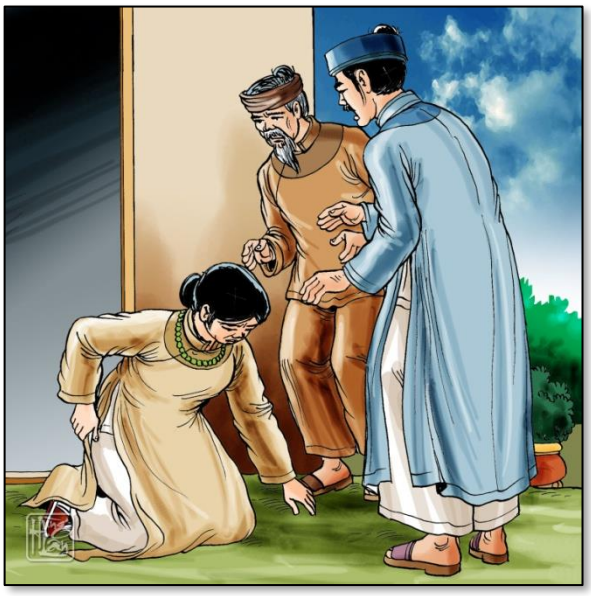

Chú Thích

Hào hiệp: *noble, chivalrous*	**Túng thiếu:** *in need*
Chu cấp: *to provide for*	**Cố tri:** *old friend*
Gán: *deduct, in exchange for repayment*	**Chu đáo:** *completely and properly*
Sốt sắng: *wholeheartedly*	**Vay mượn:** *borrow*
Dần dà: *gradually*	**Thưa bớt:** *decrease, less and less*
Trang trải: *to settle*	**Rấm rứt:** *weeping softly and long*
Đậm đà: *intimate (friendship)*	**Tuyệt tình:** *heartless, cruel*
Quyết chí: *determined*	**Dành dụm:** *saving*
Chuộc: *redeem*	**Từ tốn:** *humbly and friendly*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Trước khi chết, ông Bính Cung nhờ bạn làm gì?

_____

_____

_____

2. Ông lão hàng xóm đã làm gì để giúp cho gia đình bà Bính Cung?

_____

_____

_____

3. Cuối cùng, ai mới là người thật sự giúp gia đình bà Đính Cung?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...khi có ai túng thiếu đến nhờ vả, ông sẵn lòng **chu cấp** hay cho vay mượn. Từ "**chu cấp**" có nghĩa là:

   - Cho những thứ cần thiết
   - Giữ lại những thứ cần thiết.
   - Nhận những thứ cần thiết.

2. Ông có một người bạn **cố tri** tên là Trần Bính Cung, làm nghề buôn gỗ. Từ "**cố tri**" có nghĩa là:

   - Chưa hề quen biết.
   - Mới quen biết.
   - Quen biết rất lâu.

3. Ông bỏ tiền ra làm đám tang cho bạn chu đáo và còn **sốt sắng** giúp đỡ gia đình bạn. Từ "**sốt sắng**" có nghĩa là:

   - Nhiệt tình, rất cố gắng.
   - Lười biếng, không cố gắng.
   - Thờ ơ, không quan tâm.

4. Bà Bính Cung kể lại... những câu trả lời **tuyệt tình** vừa rồi của Đình Phương. Từ "**tuyệt tình**" có nghĩa là:

   - Không còn tình nghĩa.
   - Lịch sự, lễ phép.
   - Thắm thiết, đầy tình nghĩa.

5. Chẳng mấy chốc họ đã có vải đem ra chợ bán và **dành dụm** được tiền... Từ "**dành dụm**" có nghĩa là:

   - Gom góp để dành.
   - Tiêu xài phung phí.
   - Trả nợ.

6. Đoạn bà gọi các con lại để tạ ơn vị ân nhân đã giúp gia đình bà vượt qua cảnh **khốn cùng**. Từ "**khốn cùng**" có nghĩa là:

   - Quá đầy đủ.
   - Quá nghèo khổ.
   - Quá sung sướng.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ong la nguoi hao hiep, nen khi co ai tung thieu den nho va, ong san long chu cap hay cho vay muon.

Con von lieng thi toi se co giup, sau nay ba kha gia se hoan lai cung duoc.

Tat ca von lieng ma toi giup ba deu la tien bac cua ong Phuong day ca.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Ông xuất tiền mua khun cửi và mội đồ ngề khác để cho bà học dệt. (3 lỗi)

Giữa lúc tiệt cưới vui vẻ, bà Bính Cung thấy bống ai quen đứn trước cửa. (3 lỗi)

Tập Làm Văn – Cách Đặt Câu Hỏi

Có nhiều cách để đặt câu hỏi. Thông thường để đặt câu hỏi ta dùng từ nghi vấn: *Tại sao? Bao nhiêu? Ở đâu? Có…không? v.v.*. Vị trí của những từ nghi vấn có thể ở đầu câu, ở giữa câu hoặc ở cuối câu.

Từ Nghi Vấn Ở Đầu Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở đầu để biến một câu thành câu hỏi: *Tại sao? Vì sao? Làm sao? v.v.*.

Ví dụ:

Chú chuột cống đang cố gắng tìm đường thoát thân.

Để đặt câu hỏi, ta thêm từ nghi vấn ở đầu câu như sau:

Tại sao chú chuột cống đang cống gắng tìm đường thoát thân?

Hoặc,

Vì sao chú chuột cống đang cố gắng tìm đường thoát thân?

Hai câu hỏi đều có ý nghĩa như nhau.

Từ Nghi Vấn Ở Giữa Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở giữa câu để biến một câu thành câu hỏi: *Bao nhiêu? Mấy? v.v.*. Những từ nghi vấn này thường đứng trước hay sau danh từ ta muốn hỏi.

Ví dụ:

Em *mấy* tuổi?

Cuốn sách này *bao nhiêu* tiền?

Từ Nghi Vấn Ở Cuối Câu

Những từ nghi vấn sau thường được đặt ở cuối câu: *Ở đâu? Như thế nào? Ra sao? Làm gì? Chưa? v.v..*

Ví dụ:

Anh Khoa đang tập thể dục.

Ta đặt câu hỏi:

Anh Khoa đang tập thể dục *ở đâu*?

Hoặc:

Anh Khoa tập thể dục *như thế nào*?

Chúng ta sẽ có rất nhiều câu trả lời khác nhau tùy theo những từ nghi vấn mình đặt ở cuối câu.

Từ Nghi Vấn Ở Đầu Hoặc Cuối Câu

Cũng có trường hợp những từ nghi vấn khi dùng ở đầu câu sẽ có nghĩa khác khi dùng ở cuối câu như: *Khi nào?*

Ví dụ:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả.

Câu hỏi 1:

Khi nào cô Hoa cho cả lớp viết chính tả?

Trong câu hỏi trên chúng ta thầm hiểu là cô Hoa chưa cho lớp viết chính tả. Chúng ta muốn hỏi cô Hoa xem sẽ cho lớp viết vào thời gian nào trong tương lai.

Câu trả lời sẽ là một thời điểm trong tương lai:

Ngày mai cô Hoa cho cả lớp viết chính tả.

Câu hỏi 2:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả *khi nào*?

Trong câu hỏi này có ý nói là cả lớp đã được viết chính tả rồi. Chúng ta muốn hỏi cô Hoa đã cho cả lớp viết chính tả vào thời điểm nào trong quá khứ.

Câu trả lời của chúng ta phải là thời điểm ở trong quá khứ:

Cô Hoa cho cả lớp viết chính tả *trước khi ra về*.

Cặp Từ Nghi Vấn

Khi đặt câu hỏi cũng có cặp từ như: *Có…không?* Từ *có* được đặt ở đầu câu đứng sau danh từ, và từ *không* đặt ở cuối câu để trở thành câu hỏi.

Ví dụ:

Vũ đi học.

Đặt câu hỏi:

Vũ *có* đi học *không*?

Hoặc:

Mẹ đi chợ mua thức ăn.

Đổi sang câu hỏi:

Mẹ *có* đi chợ mua thức ăn *không*?

Bài Tập – Tập Làm Văn (Cách Đặt Câu Hỏi)

(Dựa vào những ví dụ trên em hãy đổi những câu sau đây thành những câu hỏi.)

1. Mai thích ăn bún bò Huế do mẹ em nấu.

_____

_____

_____

2. Mỗi kỳ nghỉ hè, chúng tôi thường đi tắm biển.

_____

_____

_____

3. Bé Vy rất thích chơi trò bịt mắt bắt dê.

_____

_____

_____

4. Cơn lốc dữ tợn đó đã tàn phá và cướp đi biết bao nhiêu mạng sống của con người.

_____

_____

_____

5. Anh Hưng đang ôm chiếc đàn ghi-ta vừa đàn vừa hát nghêu ngao.

_____

_____

_____

Bài 13: Sự Tích Trầu Cau

Thời xưa, một nhà quan lang họ Cao có hai người con trai sinh đôi và giống nhau như in, đến nỗi người ngoài không phân biệt được ai là anh ai là em. Người anh tên là Tân và người em tên Lang. Năm hai anh em mười bảy mười tám tuổi thì cha mẹ đều chết cả. Hai anh em vốn đã thương yêu nhau, nay gặp cảnh hiu quạnh, lại càng yêu thương nhau hơn trước.

Tân và Lang đến xin học ở nhà họ Lưu. Thầy Lưu có một cô con gái tuổi chừng mười sáu mười bảy, xinh đẹp nhất vùng. Thấy hai anh em họ Cao hiền lành, người con gái đem lòng yêu mến, muốn kén người anh làm chồng, nhưng không biết ai là anh, ai là em.

Một hôm, nhân nhà nấu cháo, người con gái lấy một bát cháo và một đôi đũa mời hai người ăn. Thấy người em nhường người anh ăn, người con gái mới nhận được ai là anh, ai là em. Sau đó, người con gái nói với cha mẹ cho phép mình lấy người anh làm chồng.

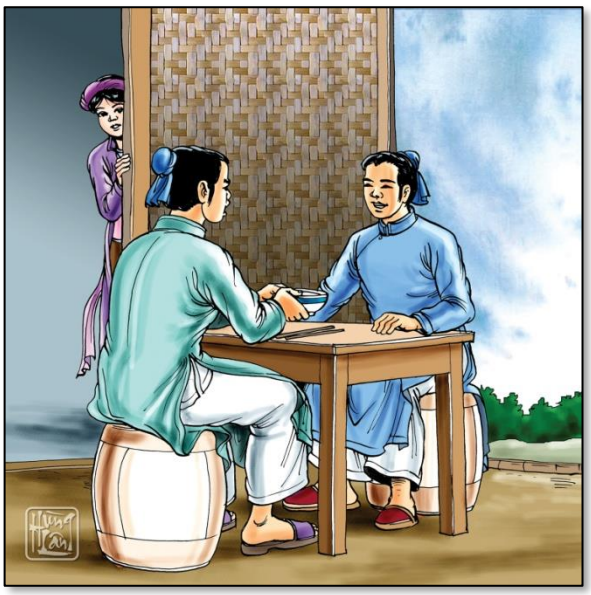

Tuy Tân đã có vợ, hai anh em vẫn đối xử với nhau thắm thiết như xưa. Một hôm hai anh em cùng lên nương, tối mịt mới về. Lang vào nhà trước; chàng vừa bước chân qua ngưỡng cửa thì người chị dâu ở trong buồng chạy ra, lầm chàng là chồng mình, vội ôm chầm lấy. Lang liền kêu lên, cả hai đều xấu hổ. Giữa lúc ấy, Tân cũng bước vào nhà. Lang rất buồn vì sợ anh hiểu lầm mình.

Một buổi chiều, anh chị đều đi vắng cả, Lang quyết định ra đi để tránh sự hiểu lầm. Chàng đi, đi mãi cho đến khu rừng phía trước mặt, rồi theo đường mòn đi thẳng vào rừng âm u. Trời bắt đầu tối mà chàng vẫn cứ đi. Đi đến một con sông rộng, chàng không lội qua được, đành ngồi nghỉ bên bờ. Chàng khóc suốt đêm. Sương xuống mỗi lúc một nhiều. Sương lạnh thấm dần vào da thịt chàng. Chàng chết mà vẫn ngồi trơ trơ, biến thành một tảng đá vôi.

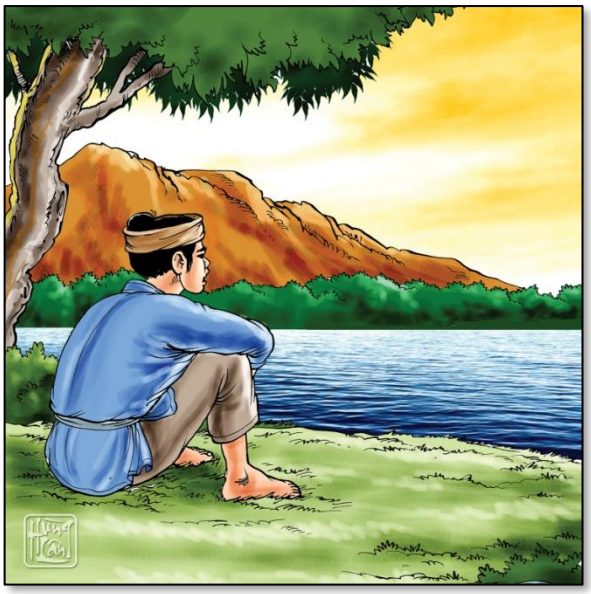

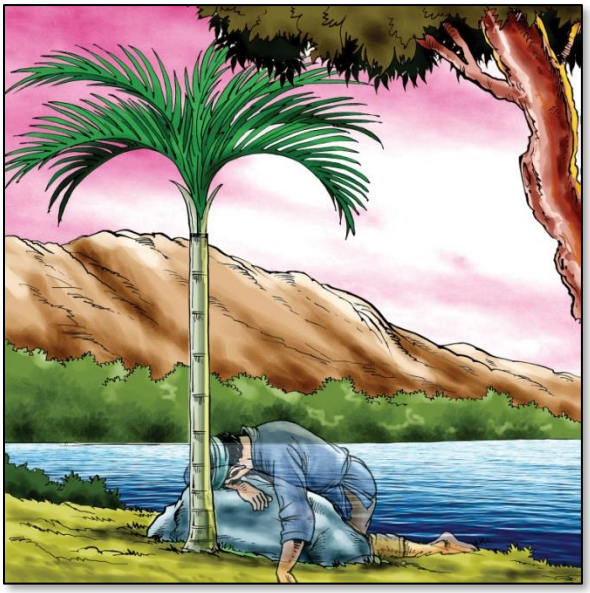

Tân cùng vợ về nhà, không thấy em đâu, lẳng lặng đi tìm, không nói cho vợ biết. Theo con đường mòn vào rừng, chàng đi mãi, đi mãi, và sau cùng đến con sông đang chảy cuồn cuộn. Không thể lội qua được, chàng đành ngồi bên bờ suối, tựa mình vào một tảng đá vôi. Chàng có ngờ đâu chính tảng đá vôi là em mình! Chàng rầu rĩ khóc than hồi lâu, ngất đi và chết cứng, biến thành cây cau, mọc thẳng bên tảng đá vôi.

Ở nhà, vợ không thấy chồng đâu, vội đi tìm và cũng theo con đường mòn đi vào rừng thẳm. Nàng đi mãi, bước thấp bước cao, rồi cuối cùng gặp con sông nước sâu. Nàng không còn đi được nữa. Nàng ngồi tựa vào gốc cây cau mọc bên tảng đá vôi, vật mình than khóc. Nàng có ngờ đâu nàng đã ngồi tựa vào chồng mình và sát đó là em chồng. Đêm ngả dần về sáng, sương xuống càng nhiều, mù mịt cả núi rừng, nàng vật vã khóc than. Nàng chết đi biến thành một dây trầu quấn chặt lấy cây cau mọc bên tảng đá vôi.

Về sau chuyện ấy đến tai mọi người, ai nấy đều thương xót. Một hôm, vua Hùng đi qua chỗ ấy, nhân dân đem chuyện ba người kể lại cho vua nghe. Vua bảo thử lấy lá trầu và lấy quả cau nghiền với nhau xem sao, thì thấy mùi vị cay cay. Nhai thử, thấy thơm ngon và nhổ nước vào tảng đá vôi thì thấy bãi nước biển dần ra sắc đỏ. Từ đấy, người dân thường lấy vôi ăn với trầu cau, cho miệng thơm, môi đỏ.

Tình duyên của ba người tuy đã chết mà vẫn keo sơn, thắm thiết, cho nên trong mọi sự gặp gỡ của người Việt Nam, miếng trầu bao giờ cũng là đầu câu chuyện, để bắt đầu mối lương duyên. Khi có lễ nhỏ, lễ lớn, cưới xin, hội hè, tục ăn trầu đã trở nên tục cố hữu của dân tộc Việt Nam.

Chú Thích

Phân biệt: *differentiate*	**Thắm thiết:** *fondly*
Nương: *farmland*	**Ngưỡng cửa:** *threshold, doorstep*
Xấu hổ: *embarrassed*	**Hiểu lầm:** *misunderstand*
Đường mòn: *beaten path*	**Trơ trơ:** *motionless*
Lẳng lặng: *quietly*	**Cuồn cuộn:** *surging, swirling*
Mù mịt: *foggy, cannot see*	**Vật vã:** *writhe in agony*
Tình duyên: *love*	**Keo sơn:** *steadfast, close attachment*
Lương duyên: *happy marriage*	**Cố Hữu:** *chronic, always existed*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Lang lại bỏ nhà ra đi?

_____

_____

_____

2. Ba người chết biến thành gì?

_____

_____

_____

3. Vì sao trong tục cưới hỏi lại có trầu cau?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...người ngoài **không phân biệt** được ai là anh ai là em. Từ "**không phân biệt**" có nghĩa là:

   - Không nhận ra sự khác biệt.
   - Nhận ra được sự khác biệt.
   - A và B đều đúng.

2. Tuy Tân đã có vợ, hai anh em vẫn đối xử với nhau **thắm thiết** như xưa. Từ "**thắm thiết**" có nghĩa là:

   - Coi nhau như kẻ thù.
   - Ghét nhau.
   - Rất thương nhau.

3. Tân cùng vợ về nhà, không thấy em đâu, **lẳng lặng** đi tìm, không nói cho vợ biết. Từ "**lẳng lặng**" có nghĩa là:

   - Âm thầm, không cho ai biết.
   - Cho bạn bè biết.
   - Cho bố mẹ biết.

4. Đêm ngả dần về sáng, sương xuống càng nhiều, **mù mịt** cả núi rừng... Từ "**mù mịt**" có nghĩa là:

   - Không thấy rõ.
   - Rất sáng.
   - Thấy rất rõ

5. Vua bảo thử lấy lá trầu và lấy quả cau **nghiền** với nhau xem sao, thì thấy mùi vị cay cay. Từ "**nghiền**" có nghĩa là:

   - Cắt ra từng mảnh.
   - Giã cho nát vụn.
   - Trộn chung.

6. Tình duyên của ba người tuy đã chết mà vẫn **keo sơn**... Từ "**keo sơn**" có nghĩa là:

   - Gắn bó, rất yêu nhau.
   - Không còn yêu nhau.
   - Xa lạ.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Mot hom, nhan nha nau chao, nguoi con gai lay mot bat chao va mot doi dua moi hai nguoi an.

Tan cung vo ve nha, không thay em dau, lang lang di tim, khong noi cho vo biet.

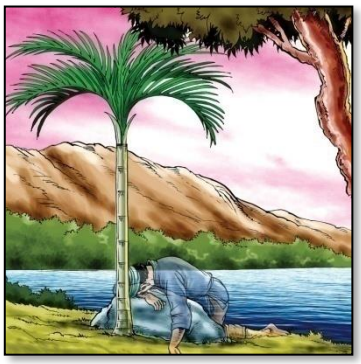

Nang chet di bien thanh mot day trau quan chat lay cay cau moc ben tang da voi.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

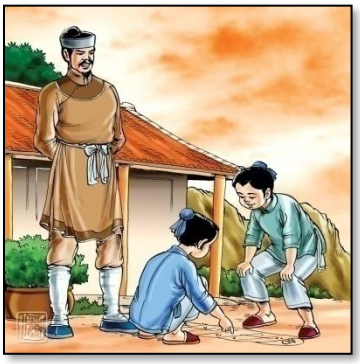

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

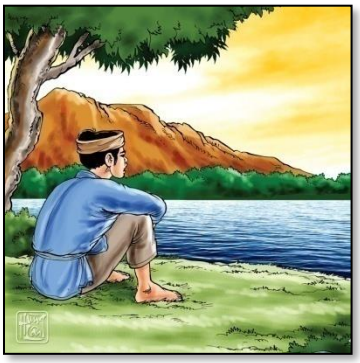

Mộc buổi chiều, anh chị đều đi vắng cả, Lang quyết định ra đi để trán sự hiểu lầm. (3 lỗi)

Khi có lễ nhỏ, lễ lốn, cưới xin, hội hè, tụt ăn trầu đã trở nên tục cố hữu cửa dân tộc Việt Nam. (3 lỗi)

Văn Phạm – Tĩnh Từ

Tĩnh từ chỉ màu sắc, hình dạng, kích thước của sự vật. Tĩnh từ còn là từ chỉ tính chất của sự vật. Muốn tìm tĩnh từ trong một câu chúng ta có thể dùng các câu hỏi như:

Như thế nào? Nhìn ra sao? Có màu gì? ...

Ví dụ 1:

Hoa mơ lại *trắng*, vườn cam lại *vàng*.

Trong câu thơ trên, hoa mơ có màu gì? trắng

Vườn cam có màu gì? vàng

Các từ *trắng*, *vàng* chỉ màu sắc của hoa mơ và vườn cam. Các từ đó được gọi là tĩnh từ.

Ví dụ 2:

Những tảng đá *to* cũng bị nước cuốn. Những cây gỗ *lớn* vùn vụt lao trên dòng nước.

Những tảng đá như thế nào? to

Những cây gỗ như thế nào? lớn

Các từ *to*, *lớn* chỉ hình dạng, kích thước của *tảng đá*, *cây gỗ*. Các từ đó cũng được gọi là tĩnh từ.

Ví dụ 3:

Cam Texas *ngọt lịm*. Khí hậu California rất *mát mẻ*.

Cam Texas như thế nào? ngọt lịm

Khí hậu California như thế nào? mát mẻ

Các từ *ngọt lịm*, *mát mẻ* là những từ chỉ tính chất của *cam*, của *khí hậu*. Các từ đó là tĩnh từ.

Bài Tập – Văn Phạm (Tĩnh Từ)

(Cho các em tìm và khoanh tròn các tĩnh từ trong những câu sau.)

1. Con chó to lớn đó có cái đuôi cụt ngủn.

2. Chị Linh có đôi mắt nâu và mái tóc dài và đen óng.

3. Bà ngoại có mái tóc bạc phơ và làn da nhăn nheo.

4. Cô Hồng có dáng mảnh mai và nước da trắng nhợt.

5. Bàn tay mẹ khô và cứng vì phải làm việc suốt ngày.

6. Chú chim non đang đứng hót líu lo trên cành cây cao.

7. Lâm xếp đống quần áo nhàu nát và cũ kỹ vào trong ngăn tủ.

8. Mẹ thắp lên ba ngọn nến xanh để mừng sinh nhật cho bé Tâm.

9. Chiếc xe hơi trắng tinh đang đậu ở phía trước nhà là của chú Tín.

10. Đứa gầy còm đang cố dắt chiếc xe đạp cũ kỹ, dơ bẩn lên trên cái dốc cao kia.

Bài 14: Cóc Kiện Trời

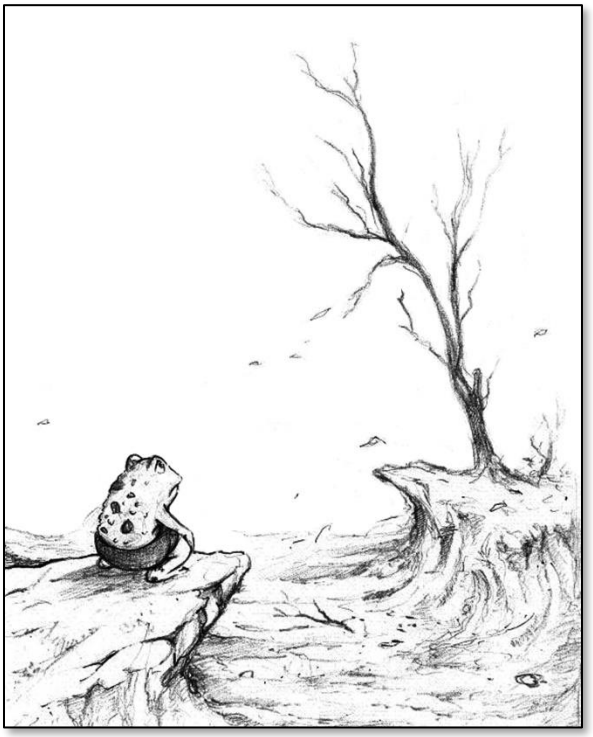

Ngày xưa, mấy năm liền, trời hạn hán khủng khiếp, hết tháng này đến tháng khác. Cây cối bị thiêu cháy. Sông ngòi, đầm hồ đều cạn. Muôn loài không còn một giọt nước để uống. Không ai nghĩ được kế gì để cứu mình, cứu muôn loài. Duy có anh chàng Cóc tía bé nhỏ, xấu xí là có gan to. Anh tính chuyện lên thiên đình kiện Trời làm mưa cứu muôn loài.

Lúc đầu chỉ có một mình nhưng anh không nản. Đi qua một vũng đầm khô, Cóc tía gặp Cua càng. Cua hỏi Cóc đi đâu. Cóc bèn kể rõ sự tình và rủ Cua cùng đi kiện Trời. Ban đầu Cua định bàn ngang, thà chết ở đây còn hơn chứ Trời xa thế đi sao tới mà kiện. Những con vật ở chung quanh nghe Cóc nói lại tranh nhau mà bàn cãi làm cho Cua nổi giận. Thế là Cua làm ngược lại. Cua tình nguyện cùng đi với Cóc.

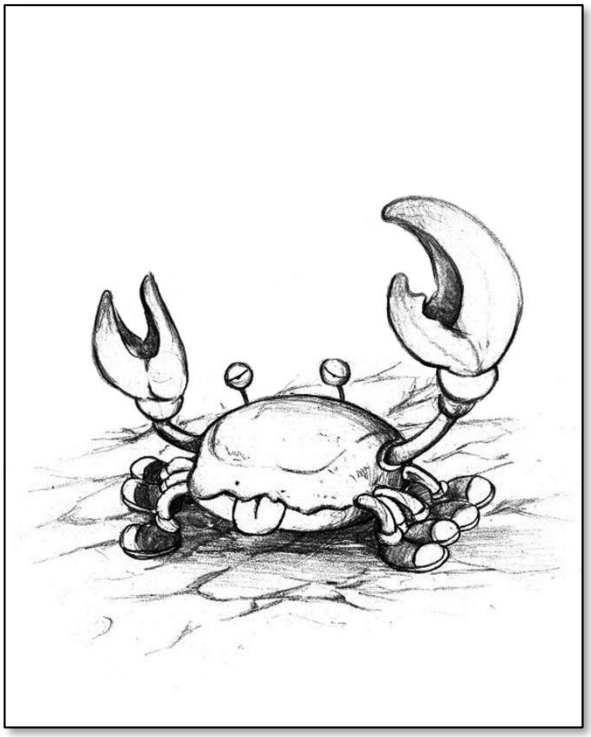

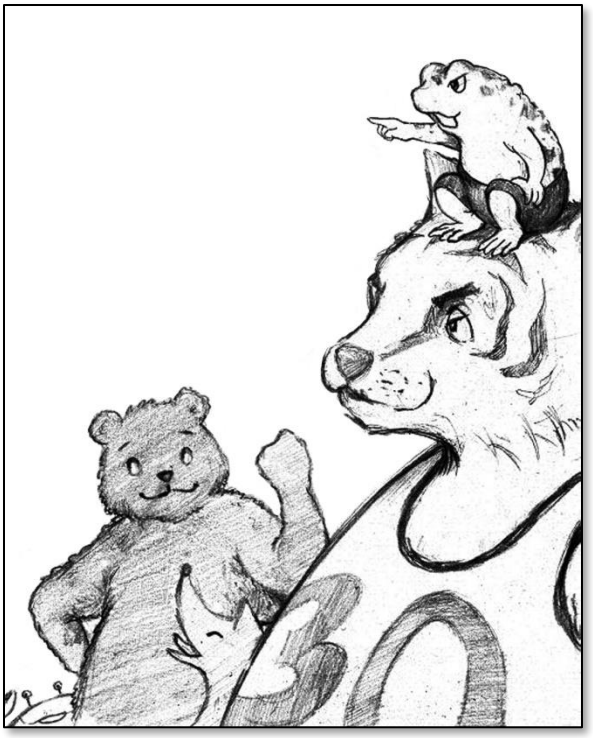

Đi được một đoạn, Cóc gặp Hổ đang thở thoi thóp và Gấu đang khát cháy họng. Cóc rủ Gấu và Hổ đi kiện Trời. Hổ còn lưỡng lự thì Gấu đã gạt đi mà nói rằng:

– *Anh Cóc nói có lý. Đến ngang như anh Cua còn theo anh Cóc thì tại sao chúng mình không theo?*

Cả bọn nhập lại thành đoàn. Đi thêm một chặng nữa thì gặp đàn Ong đang khô mật và con Cáo bị lửa nướng cháy xém lông. Cả hai con vật này cũng hăng hái nhập vào đoàn loài vật đi kiện Trời.

Cóc dẫn các bạn đi mãi, đi mãi đến tận cửa thiên đình. Đứng trước cửa Trời oai nghiêm, bọn Cọp, Gấu, Cáo, Ong và Cua đều sợ. Duy chỉ có Cóc là gan liền dõng dạc ra lệnh:

– *Các anh hãy nghe lời tôi. Kia là chum nước của Trời, anh Cua vào nấp trong ấy. Anh Cáo nấp ở phía bên trái tôi, anh Gấu nằm ở phía bên phải tôi, còn anh Cọp chịu khó nằm đằng sau tôi. Các anh có nghe tôi thì mới thắng được Trời.*

Sắp đặt xong đâu đấy Cóc mới nhảy lên mặt trống đánh ba hồi trống ầm vang như sấm động. Ngọc Hoàng đang ngủ trưa bị tiếng trống đánh thức dậy nên bực tức, sai Thiên Lôi ra xem. Ra tới cửa, Thiên Lôi ngạc nhiên vì chỉ thấy mỗi một con Cóc xù xì xấu xí đang ngồi chễm chệ trên mặt trống của nhà Trời. Thiên Lôi bèn vào tâu Ngọc Hoàng. Ngọc Hoàng nghe xong bực lắm bèn sai con Gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỗn xược kia. Gà trời vừa hung hăng bay ra thì Cóc đã nghiến răng ra hiệu; lập tức Cáo nhảy ra cắn cổ Gà tha đi mất.

Thấy thế, Ngọc Hoàng càng giận giữ sai Chó nhà trời xổ ra cắn Cáo. Chó vừa xồng xộc chạy ra thì Cóc lại nghiến răng ra hiệu. Lập tức Gấu nhảy xổ ra đón đường tát cho Chó một đòn trời giáng. Chó chết tươi.

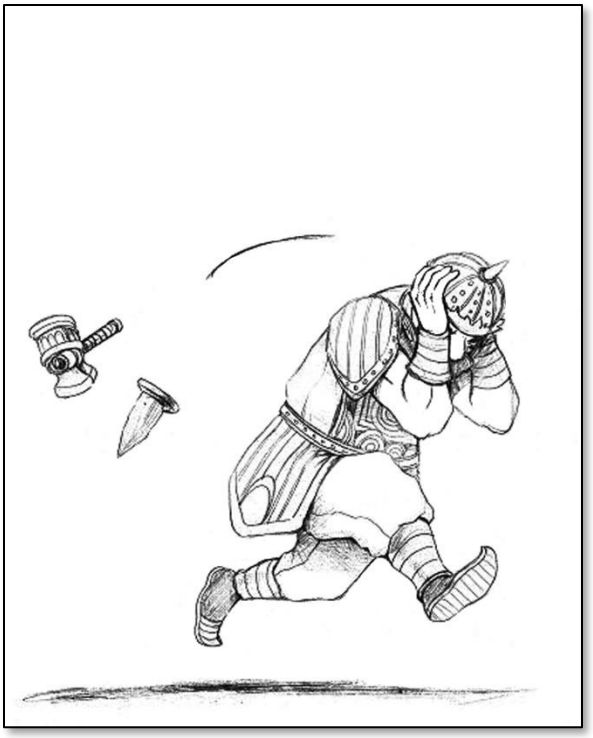

Ngọc Hoàng thấy thế sợ quá bèn xin giảng hòa và tôn cóc làm cậu mình. Cóc lên giọng:

- *Đã bốn năm nay ở dưới trần gian hạn hán, không một giọt mưa. Xin Ngọc Hoàng làm mưa ngay cho trần gian được nhờ.*

Ngọc Hoàng ngượng ngùng:

- *Cóc với ta nay đã là chỗ thân thích, ta sẽ làm theo ý cậu. Khi muốn ta làm mưa, cậu chỉ cần nghiến răng là ta nghe thấy liền.*

Ngọc hoàng bèn sai rồng đen bay xuống phun mưa và đưa Cóc cùng các bạn về hạ giới. Từ đó, hễ Cóc nghiến răng là trời lập tức đổ mưa nên có câu đồng dao:

Con Cóc là cậu ông Trời,
Ai mà đánh nó thì Trời đánh cho.

Ngọc hoàng bèn sai Thiên lôi ra trị tội Gấu. Thiên lôi vừa vác búa tầm sét ra đến cửa thiên đình thì Cóc đã nghiến răng ra lệnh. Lập tức đàn Ong bay vù ra và đốt Thiên Lôi. Bị Ong đốt, Thiên Lôi vội vàng vứt cả búa tầm sét nhảy ùm vào chum nước chạy trốn. Nào ngờ Cua càng đang nấp trong chum nước, giương đôi càng kẹp chặt lấy cổ Thiên Lôi. Thiên Lôi đau quá gào thét vùng vẫy vỡ cả chum nước. Thiên Lôi tìm đường chạy trốn thì Cóc tía lại nghiến răng ra lệnh. Lập tức Hổ nấp sau Cóc tía nhảy bổ ra gầm lên một tiếng vang động làm Thiên Lôi bất tỉnh tại chỗ.

Chú Thích

Hạn hán: *drought*	**Bàn cãi:** *discuss*
Thoi thóp: *breath weakly*	**Lưỡng lự:** *hesitate*
Hăng hái: *enthusiastically*	**Oai nghiêm:** *solemn*
Dõng dạc: *loud and dignified*	**Sắp đặt:** *arrange, organize*
Chễm chệ: *sit with imposing manner*	**Hỗn xược:** *insolent*
Hung hăng: *ferociously, mean*	**Xồng xộc:** *rushing toward*
Gào thét: *screaming*	**Vùng vẫy:** *struggle*
Bất tỉnh: *fainted*	**Thân thích:** *related*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Cóc đòi kiện Trời?

_____

_____

_____

2. Cóc xin Ngọc Hoàng làm gì?

_____

_____

_____

3. Vì sao Cóc được gọi là "*cậu ông Trời*"?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Ngày xưa, mấy năm liền, trời **hạn hán** khủng khiếp, hết tháng này đến tháng khác. Từ "**hạn hán**" có nghĩa là:

   - Mưa hoài, không có nắng.
   - Nắng hoài, không có mưa.
   - Tuyết hoài.

2. Lúc đầu chỉ có một mình nhưng anh không **nản**. Từ "**nản**" có nghĩa là:

   - Không muốn làm tiếp.
   - Muốn người khác làm.
   - Phải làm cho được.

3. Hổ còn **lưỡng lự** thì Gấu đã gạt đi... Từ "**lưỡng lự**" có nghĩa là:

   - Đã quyết định.
   - Không thèm quyết định.
   - Phân vân, chưa quyết định được.

4. Cả hai con vật này cũng **hăng hái** nhập vào đoàn loài vật đi kiện Trời. Từ "**hăng hái**" có nghĩa là:

   - Có tinh thần, rất muốn làm.
   - Lười, không muốn làm.
   - Sợ, không dám làm.

5. Duy chỉ có Cóc là gan liền **dõng dạc** ra lệnh... Từ "**dõng dạc**" có nghĩa là:

   - Hô to và rõ ràng.
   - Lẩm bẩm.
   - Nói nhỏ và êm.

6. Cóc với ta nay đã là chỗ **thân thích**, ta sẽ làm theo ý cậu. Từ "**thân thích**" có nghĩa là:

   - Bạn bè.
   - Họ hàng.
   - Người xa lạ.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Anh tinh chuyen len thien dinh kien Troi lam mua cuu muon loai.

Ca hai con vat nay cung hang hai nhap vao doan loai vat di kien Troi.

Khi nao co han han va muon ta lam mua, cau chi can nghien rang la ta nghe thay lien.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Ngọc Hoàng nge xong bực lắm bèn say con Gà trời bay ra mổ chết chú Cóc hỡn xược kia. (3 lỗi)

Bị Ong đốt, Thiên Lôi vội vằng vứt cả bứa tầm sét nhải ùm vào chum nước chạy trốn. (3 lỗi)

Văn Phạm – Tĩnh Từ

Muốn thêm các tĩnh từ vào một câu, trước tiên ta phải tìm được các danh từ trong câu. Sau đó chúng ta đặt câu hỏi "*...như thế nào?*", "*...nhìn ra sao?*", "*...trông như thế nào?*", "*...màu sắc như thế nào?*" cho các danh từ. Như vậy chúng ta sẽ thêm được các tĩnh từ vào trong câu.

Ví dụ:

Một chiếc lá rơi xuống mặt đất.

Trước hết, chúng ta tìm các danh từ. Các danh từ trong câu này là: *chiếc lá, mặt đất*.

Bây giờ chúng ta sẽ đặt câu hỏi cho danh từ *chiếc lá* như sau:

Chiếc lá màu gì? vàng

Chiếc lá vàng nhìn như thế nào? cong queo

Chiếc lá vàng cong queo và như thế nào? khô cứng

Bây giờ chúng ta sẽ đặt câu hỏi cho danh từ *mặt đất* như sau:

Mặt đất như thế nào? khô cằn

Mặt đất khô cằn như thế nào ? nứt nẻ

Ráp tất cả các câu trả lời, chúng ta sẽ có các tĩnh từ cho câu trên như sau:

Một chiếc lá *vàng cong queo* và *khô cứng* rơi xuống mặt đất *khô cằn nứt nẻ*.

Bảng Từ

to, lớn *(big)*	**nhỏ, bé** *(small)*	**cao** *(tall)*
thấp *(short)*	**đẹp** *(beautiful)*	**xấu** *(ugly)*
già *(old)*	**trẻ** *(young)*	**dài** *(long)*
ngắn *(short)*	**dày** *(thick)*	**mỏng** *(thin)*
cũ *(old)*	**mới** *(new)*	**chật** *(tight)*
rộng *(loose, wide)*	**hẹp** *(narrow)*	**sạch** *(clean)*
dơ *(dirty)*	**sâu** *(deep)*	**cạn** *(shallow)*
trong *(clear)*	**giàu** *(rich)*	**nghèo** *(poor)*

Bài Tập – Văn Phạm (Tĩnh Từ)

(Cho các em thêm tĩnh từ vào những câu sau.)

1. Chị Nga bước vào nhà thờ.

_____

_____

_____

2. Con mèo đang trèo lên cây cau.

_____

_____

_____

3. Chú vịt bơi lội trong hồ.

_____

_____

_____

4. Cây viết chì của Mai bị gãy mất cục tảy.

_____

_____

_____

5. Bố thường hay để chiếc cặp da ở trên bàn.

_____

_____

_____

Bài 15: Sọ Dừa

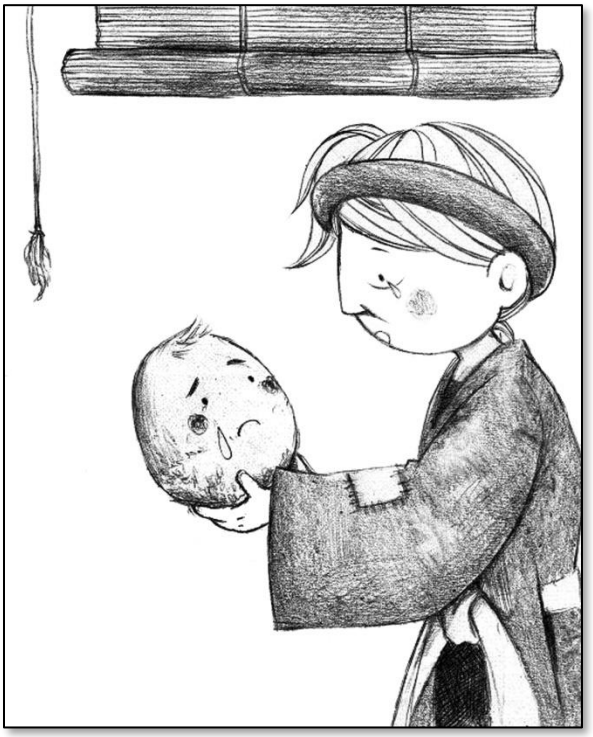

Ngày xưa, có hai vợ chồng nghèo đi ở đợ cho một nhà phú ông. Họ đã ngoài năm mươi mà vẫn chưa có con. Một hôm trời nắng, người vợ vào rừng hái củi, thấy cái sọ dừa bên gốc cây đựng đầy nước mưa, bèn bưng lên uống. Thế rồi bà có mang.

Chẳng bao lâu, người chồng mất. Bà sinh ra một đứa bé không chân không tay, tròn như một quả dừa. Bà buồn lắm, toan vứt đi. Nhưng nghĩ lại, thấy thương con, bà đành giữ con lại nuôi và đặt tên cho nó là Sọ Dừa.

Lớn lên, Sọ Dừa vẫn cứ lăn lông lốc trong nhà. Một hôm, nghe mẹ than phiền rằng mình vô tích sự, Sọ Dừa bèn thưa với mẹ:

- *Mẹ đến xin phú ông cho con chăn bò.*

Nghe con giục, bà mẹ đến hỏi phú ông. Phú ông ngần ngại, nhưng cuối cùng cũng ưng thuận. Thế là Sọ Dừa đến ở nhà phú ông. Hằng ngày, Sọ Dừa lăn sau đàn bò ra đồng, tối đến lại lăn sau đàn bò về chuồng. Ngày nắng cũng như ngày mưa, bò con nào con nấy bụng no căng. Phú ông mừng lắm.

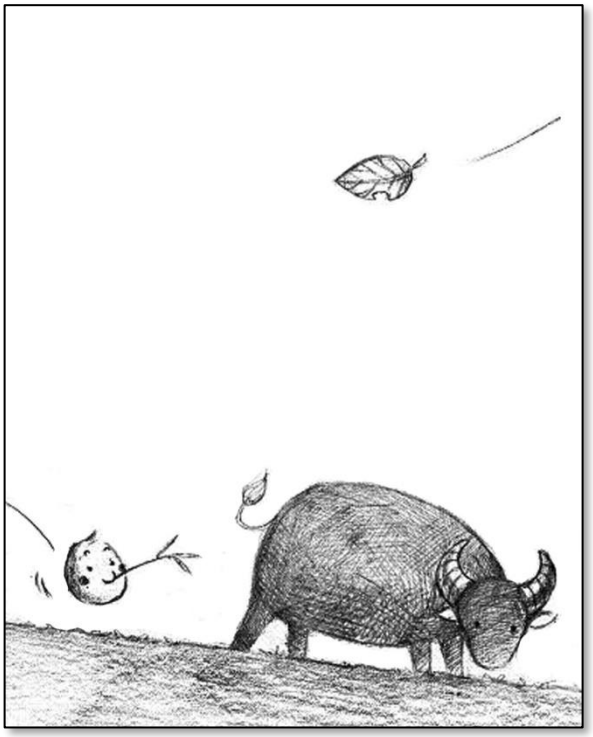

Phú ông có ba cô con gái thay phiên nhau đưa cơm cho Sọ Dừa. Hai cô chị ác nghiệt thường hắt hủi Sọ Dừa; còn cô em út hiền lành, đối đãi với Sọ Dừa rất tử tế.

Một hôm, cô út đến chân đồi thì nghe tiếng sáo véo von. Cô lấy làm lạ, rón rén bước tới, nấp sau bụi cây rình xem, thì thấy có một chàng trai khôi ngô đang thổi sáo. Bỗng dưng có tiếng động, chàng trai biến mất, chỉ thấy Sọ Dừa nằm lăn lóc ở đấy. Nhiều lần như thế, cô gái biết Sọ Dừa không phải người phàm trần. Cô đem lòng yêu, có của ngon vật lạ đều giấu đem cho chàng.

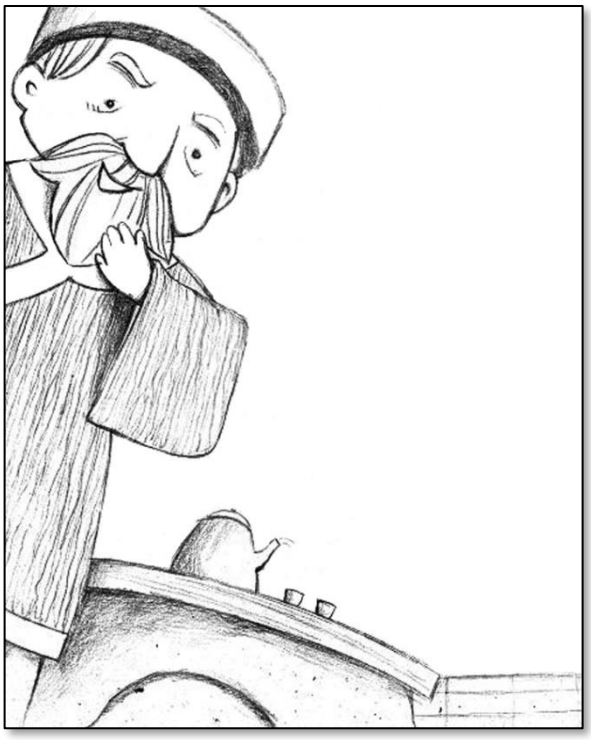

Cuối mùa ở, Sọ Dừa về giục mẹ đến hỏi con gái phú ông làm vợ. Bà mẹ hết sức sửng sốt, nhưng thấy con năn nỉ cũng chiều lòng, đành kiếm buồng cau mang đến nhà phú ông. Phú ông cười mỉa:

– *Được! Muốn hỏi con gái ta, hãy về sắm đủ một chỉnh vàng cốm, mười tấm lụa đào, mười con lợn béo, mười vò rượu tăm đem sang đây.*

Bà mẹ về nói với Sọ Dừa, nghĩ là con thôi hẳn việc đòi lấy vợ. Không ngờ Sọ Dừa bảo với mẹ rằng sẽ có đủ những thứ ấy.

Đúng ngày hẹn, trong nhà tự nhiên có đầy đủ sính lễ, lại có cả gia nhân khiêng lễ vật sang nhà phú ông. Phú ông gọi ba cô con gái ra, hỏi từng người một. Hai cô chị bĩu môi, chê bai. Còn cô út e lệ, tỏ ý bằng lòng. Phú ông đành gả cô út cho Sọ Dừa.

Ngày cưới, trong nhà Sọ Dừa cỗ bàn thật linh đình, gia nhân chạy ra chạy vào tấp nập. Đúng lúc rước dâu, không ai thấy Sọ Dừa đâu cả chỉ thấy một chàng trai khôi ngô tuấn tú cùng cô út đi ra. Mọi người đều sửng sốt. Hai cô chị thì vừa tiếc vừa ghen tức.

Hai vợ chồng Sọ Dừa ở với nhau rất hạnh phúc. Không những thế, Sọ Dừa còn tỏ ra thông minh khác thường, ngày đêm miệt mài đèn sách, chờ khoa thi. Năm ấy, Sọ Dừa đỗ trạng nguyên. Chẳng bao lâu, có chiếu nhà vua sai quan trạng đi sứ. Khi chia tay, quan trạng đưa cho vợ một hòn đá lửa, một con dao và hai quả trứng gà, dặn phải giắt luôn trong người phòng khi dùng đến.

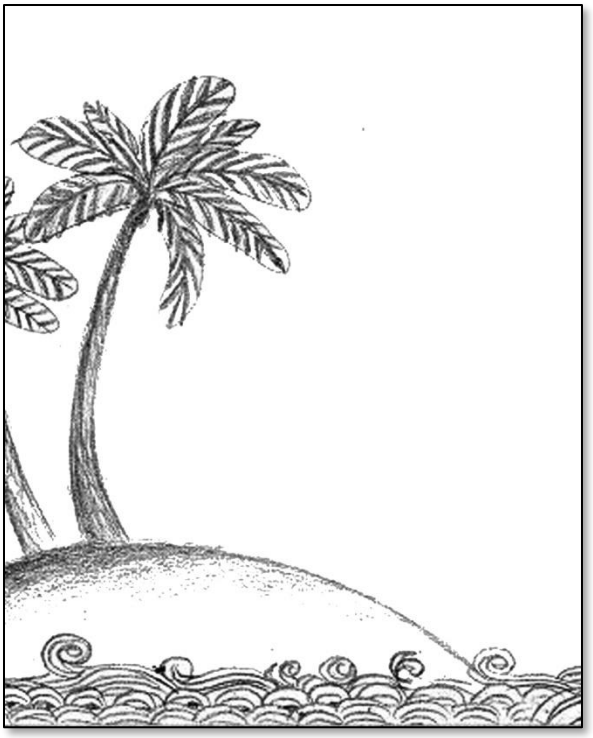

Từ ngày cô em út lấy chồng trạng nguyên, hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, rắp tâm hại em. Nhân quan trạng đi sứ, hai cô chị rủ em chèo thuyền ra biển, rồi đẩy em xuống nước. Một con cá voi nuốt chửng cô vô bụng. Sẵn có dao, cô đâm chết cá. Xác cá nổi lềnh bềnh trên mặt biển, rồi dạt vào một hòn đảo. Cô lại lấy dao khoét bụng cá chui ra, lấy hai hòn đá đánh lửa lên, rồi xẻo thịt cá nướng ăn, sống qua ngày. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo hoang vắng.

Một hôm, có chiếc thuyền cắm cờ đuôi nheo lướt qua đảo. Con gà trống nhìn thấy, gáy to ba lần:

– *Ò… ó… o... Phải thuyền quan trạng rước cô tôi về.*

Quan trạng cho thuyền vào xem. Vợ chồng gặp nhau, mừng mừng tủi tủi. Về nhà, quan trạng mở tiệc mừng, mời bà con đến chia vui, nhưng lại giấu vợ trong buồng. Hai cô chị không hay biết gì, tranh nhau kể chuyện cô em rủi ro rồi khóc nức nở ra chiều thương tiếc lắm. Quan trạng cho mời vợ ra. Hai người chị xấu hổ quá, lén ra về và từ đó bỏ đi biệt xứ.

Chú Thích

Lăn lông lốc: *rolling*	**Than phiền:** *complain*
Vô tích sự: *useless*	**Ngần ngại:** *hesitate*
Ưng thuận: *agree*	**Thay phiên:** *take turn*
Ác nghiệt: *cruel, spiteful*	**Hắt hủi:** *depise, loathe*
Véo von: *melodious*	**Người phàm trần:** *mere mortal*
Sửng sốt: *astonished, amazed*	**Năn nỉ:** *plead, beg*
Sính lễ: *gifts for the bride's family*	**Gia nhân:** *servants*
Tấp nập: *bustling*	**Miệt mài:** *devoted*
Lềnh bềnh: *floating and drifting*	**Rủi ro:** *unfortunate*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Ba chị em nhà ông phú hộ đối xử với Sọ Dừa như thế nào?

_____

_____

_____

2. Vì sao hai người chị lại đẩy người em xuống nước?

_____

_____

_____

3. Khi gặp lại em, hai người chị cảm thấy thế nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Một hôm, nghe mẹ than phiền rằng mình **vô tích sự**, Sọ Dừa bèn thưa với mẹ... Từ "**vô tích sự**" có nghĩa là:

   - Hữu dụng, làm được rất nhiều.
   - Lười, chẳng muốn làm gì.
   - Vô dụng, chẳng làm được gì.

2. Phú ông **ngần ngại**, nhưng cuối cùng cũng ưng thuận. Từ "**ngần ngại**" có nghĩa là:

   - Đắn đo, chưa dám.
   - Không muốn.
   - Rất muốn.

3. Hai cô chị ác nghiệt thường **hắt hủi** Sọ Dừa. Từ "**hắt hủi**" có nghĩa là:

   - Chiều chuộng.
   - Ghét bỏ.
   - Thương yêu.

4. ...hai cô chị càng sinh lòng ghen ghét, **rắp tâm** hại em. Từ "**rắp tâm**" có nghĩa là:

   - Cản, không cho làm.
   - Quyết làm cho được.
   - Sẽ không làm.

5. Hai quả trứng cũng nở thành một đôi gà đẹp, làm bạn với cô giữa cảnh đảo **hoang vắng**. Từ "**hoang vắng**" có nghĩa là:

   - Có ít người.
   - Có nhiều người.
   - Không có người.

6. Hai người chị xấu hổ quá, lén ra về và từ đó bỏ đi **biệt xứ**. Từ "**biệt xứ**" có nghĩa là:

   - Gần nơi mình ở.
   - Nơi mình ở.
   - Xa nơi mình ở.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Nhung nghi lai, thay thuong con, ba danh giu con lai nuoi va dat ten cho no la So Dua.

Co lay lam la, ron ren buoc toi, nap sau bui cay rinh xem, thi thay co mot chang trai khoi ngo dang thoi sao.

Dung luc ruoc dau, khong ai thay So Dua dau ca chi thay mot chang trai khoi ngo tuan tu cung co ut di ra.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Nhân quân trạng đi sứ, hay cô chị rủ em chèo thuyền ra biểng, rồi đẩy em xuống nước. (3 lỗi)

Hai người chị xấu hở quá, lến ra về và từ đó bỏ đi biệc xứ. (3 lỗi)

Văn Phạm – Trạng Từ

Trạng từ dùng để bổ nghĩa cho một động từ, một tĩnh từ hoặc một trạng từ khác.

Quân ngủ *sớm*. (Trạng từ *sớm* bổ nghĩa cho động từ *ngủ*.)

Hoa *rất* đẹp. (Trạng từ *rất* bổ nghĩa cho tĩnh từ *đẹp*.)

Vũ ăn *quá* nhiều. (Trạng từ *quá* bổ nghĩa cho trạng từ *nhiều*.)

Trạng từ thường đứng trước hoặc ngay sau các động từ, tĩnh từ và trạng từ được bổ nghĩa.

Ví dụ 1:

Hồi tôi lên bốn, tôi đã đọc *thuộc làu* những câu ca dao.

Chiếc xe hơi phóng *vùn vụt* qua bãi đậu xe.

Trong câu trên, trạng từ *thuộc làu, vùn vụt* bổ nghĩa cho động từ *đọc, phóng* và đứng sau các động từ đó.

Đôi khi các trạng từ cũng đứng trước động từ được bổ nghĩa.

Ví dụ 2:

Hòa *cẩn thận* khóa chiếc xe đạp vào gốc cây.

Trạng từ *cẩn thận* bổ nghĩa và đứng trước động từ *khóa*.

Ví dụ 3:

Lan có giọng nói *rất* dịu dàng.

Trạng từ *rất* bổ nghĩa và đứng trước tĩnh từ *dịu dàng*.

Ví dụ 4:

Chị Quyên hát *cực kỳ* hay.

Trạng từ *cực kỳ* bổ nghĩa và đứng trước trạng từ *hay*.

Bài Tập – Văn Phạm (Trạng Từ)

(Cho các em tìm và khoanh tròn các trạng từ trong những câu sau.)

1. Nam thở hổn hển chạy nhanh vào trong sân.

2. Con sóng dữ đang vỗ ầm ầm vào mạn thuyền.

3. Cánh diều bay cao vút trên bầu trời xanh thẳm.

4. Việt đang nắn nót viết thiệp mừng sinh nhật mẹ.

5. Mèo con phóng vội lên trên cây để vồ một chú chim sẻ.

6. Ngân lắng nghe tiếng gió thổi xào xạc sau vườn nhà em.

7. Nga đang ngắm đôi bướm vàng bay chập chờn trước mặt.

8. Thầy Quân say sưa hát vang bài quốc ca cho học sinh nghe.

9. Hạnh tung tăng bước theo chị Hà trên con đường mòn dẫn về quê ngoại.

10. Những nàng mây trắng đang nhẹ nhàng trôi theo cánh gió chiều lên tít đỉnh đồi kia.

Bài 16: Sự Tích Khăn Tang

Ngày xưa, có vợ chồng nhà phú hộ nọ sinh được năm người con gái. Lần lượt năm cô lớn lên, ai nấy đều lập gia đình ở xa. Một hôm, cảm thấy nhớ con, bà và con hầu đi thăm các con. Chỉ được vài tháng bà trở về, vẻ mặt buồn xo. Thấy thế, ông liền hỏi dồn:

– *Sao bà về sớm vậy?*

Bà phú hộ đáp:

– *Ông cứ đi một lần cho biết.*

Thấy vợ nói úp úp mở mở, ông phú hộ cũng sắm sửa hành lý ra đi.

Ông ghé nhà người con gái thứ nhất. Chàng rể tiếp đón niềm nở. Con gái ông thì chỉ chuyện trò vài câu rồi bỏ ông ngồi đó. Đến gần trưa, ông thấy đói bụng, định bảo nó dọn cho mình ăn trước, nhưng lại nghĩ thầm: "*Để xem nó đối đãi với mình ra sao!*" Ông thấy con gái chờ chồng về mới dọn cơm ra. Vì chàng rể còn bận nên ông phải đợi tiếp. Đến quá trưa, con gái ông mới gọi chồng:

– *Mình ơi, hãy để đó vào ăn cơm đi, cho ông già ăn với!*

Nghe con gái nói thế, ông không được vui. Ở chơi ít ngày, thấy con gái thờ ơ, ông liền từ giã vợ chồng nó mà đi đến nhà đứa khác.

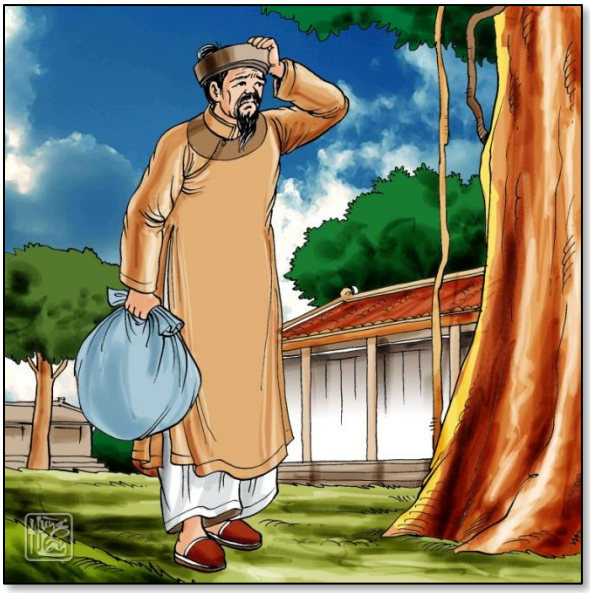

Đến nhà đứa thứ hai, ông thấy cũng chẳng khác gì đứa đầu. Lần lượt ông đi thăm đủ cả năm cô con gái, nhưng chẳng đứa nào quan tâm chăm sóc ông như lúc còn ở nhà. Sau cùng, ông chép miệng:

– *Chúng nó xem chồng trọng hơn bố mẹ nhiều.*

Nghĩ vậy nên ông trở về. Khi về, ông bàn với vợ:

– *Tôi sẽ đi kiếm một đứa con nuôi đặng mai sau nó săn sóc chúng mình. Bà nghĩ sao?*

– *Được rồi, ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan phụng dưỡng, mọi việc ở nhà mặc tôi lo liệu.*

Phú hộ bèn đóng vai một ông già nghèo khó rồi ra đi, đến đâu ông cũng rao:

– *Ai mua cha không? Mua ta về làm cha chỉ mất năm quan tiền thôi...*

Mọi người nghe ông già rao như vậy thì tưởng ông điên. Có người còn mỉa mai:

– *Mua lão ấy về để mà hầu ư?*

Bấy giờ ở làng nọ có hai vợ chồng nông phu nghèo, mồ côi từ thuở bé. Nghe có người đi bán mình làm cha, họ chạy ra và nói:

– *Thú thật với ông, chúng tôi nghèo quá, muốn mua ông nhưng không sẵn tiền. Vậy ông ngồi chơi để chúng tôi đi vay tiền.*

Phú ông ngồi chờ hồi lâu, thấy chị vợ chạy đi một lát rồi lại quay về. Số tiền vay được cộng với tiền sẵn có cũng chỉ có hai quan. Anh chồng liền nói:

– *Xin ông thông cảm. Hai ngày nữa mời ông trở lại, chúng tôi sẽ có đủ tiền.*

Hai ngày sau, người vợ phải cắt tóc đi bán mới có đủ số tiền trao cho phú ông. Ông biết nhưng làm lơ, vẫn cứ nhận tiền và ở lại với họ. Từ đó, hai vợ chồng tỏ ra rất niềm nở và chịu khó chăm sóc hầu hạ người cha nuôi. Được vài tháng sau, nhà họ đã nghèo lại càng mạt thêm, có bữa phải nhịn đói để nhường cơm cho cha. Tuy vậy, họ vẫn một mực hiếu thảo với cha già.

Một hôm, hai vợ chồng ngủ dậy đã thấy người cha nuôi khăn gói chỉnh tề. Ông bảo họ:

– *Các con hãy đốt cái nhà này rồi đi theo ta!*

Ít lâu sau, phú hộ lâm bệnh nặng. Biết mình sắp chết, ông gọi vợ đến trối rằng:

– *Sau khi tôi chết, bà nhớ đừng cho năm đứa con gái biết tin! Việc để tang thì đứa con trai cứ theo cổ tục, cắt tóc, đội mũ, quấn rơm trên đầu, nhưng đứa con dâu thì khỏi cắt tóc, vì nó đã hy sinh mái tóc dài của nó để mua cha.*

Nghe tin, năm đứa con gái hối hận lắm, không dám tới trước linh cữu của cha. Thương con, bà buộc lòng phải xé cho mỗi đứa một vuông vải che mặt để chúng đến nhìn mặt cha lần cuối.

Từ đó, người ta bắt chước để tang theo cách gia đình này đã làm: "*Con trai cắt tóc vành rơm, mũ mấn, dây lưng chuối như cổ tục, con dâu được miễn cắt tóc, chỉ đội khăn tang, lại miễn cả che mặt. Còn con gái ngoài khăn tang còn có một mảnh vải che mặt.*"

Hai vợ chồng nghe thế, không dám cãi, đành nhặt nhạnh một vài món đồ buộc thành một gói, rồi châm lửa đốt nhà.

Năm ngày sau, họ đến trước một ngôi nhà ngói tường vôi. Bà phú hộ từ trong nhà bước ra cổng đón vào. Ông tươi cười bảo vợ:

– *Bà này, đây mới thật là con của chúng ta đấy!*

Bấy giờ vợ chồng anh nông phu mới biết được cha mẹ nuôi mình là một nhà giàu có. Từ đó hai vợ chồng có một cuộc sống sung sướng.

Chú Thích

Hành lý: *luggage*	**Đối đãi:** *treat, act towards*
Thờ ơ: *indifferent, ignored*	**Quan tâm:** *concern, pay attention to*
Chăm sóc: *to care for*	**Phụng dưỡng:** *to care for parents*
Mỉa mai: *mocking*	**Vay:** *borrow, take a loan*
Làm lơ: *ignore*	**Niềm nở:** *with ardor*
Hầu hạ: *to attend to, serve*	**Hiếu thảo:** *piously toward parents*
Chỉnh tề: *organized, neatly*	**Nhặt nhạnh:** *gather*
Cổ tục: *traditions of old*	**Linh cữu:** *body in a casket*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Các người con gái đối xử với phú ông ra sao?

_____

_____

_____

2. Người vợ phải làm gì để lấy tiền mua phú ông về làm cha?

_____

_____

_____

3. Vì sao phú ông không muốn báo tin cho năm người con gái?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Thấy vợ nói **úp úp mở mở**, ông phú hộ cũng sắm sửa hành lý ra đi. Từ "**úp úp mở mở**" có nghĩa là:

   - Nói nhỏ.
   - Nói không rõ ràng.
   - Nói rất rõ ràng.

2. ...thấy con gái **thờ ơ**, ông liền từ giã vợ chồng nó... Từ "**thờ ơ**" có nghĩa là:

   - Đối xử hết lòng.
   - Không để ý, không quan tâm.
   - Quan tâm.

3. ...ông cứ đi đi, cố tìm một đứa con ngoan **phụng dưỡng**... Từ "**phụng dưỡng**" có nghĩa là:

   - Chăm sóc anh em.
   - Chăm sóc bố mẹ.
   - Chăm sóc con.

4. Bấy giờ ở làng nọ có hai vợ chồng nông phu nghèo, **mồ côi** từ thuở bé. Từ "**mồ côi**" có nghĩa là:

   - Không còn anh em.
   - Không còn bạn bè.
   - Không còn bố mẹ.

5. Ông biết nhưng **làm lơ**, vẫn cứ nhận tiền và ở lại với họ. Từ "**làm lơ**" có nghĩa là:

   - Làm khó người khác.
   - Làm như không hay biết.
   - Tỏ ra mình đã hiểu.

6. Việc để tang thì đứa con trai cứ theo **cổ tục**... Từ "**cổ tục**" có nghĩa là:

   - Lề luật của một nước.
   - Thói bắt chước.
   - Thói quen lâu đời.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Lan luot ong di tham du ca nam co con gai, nhung chang dua nao quan tam cham soc ong nhu luc con o nha.

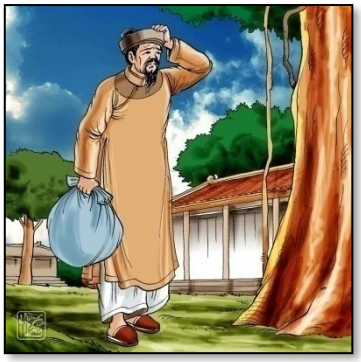

Thu that voi ong, chung toi ngheo qua, muon mua ong nhung khong san tien.

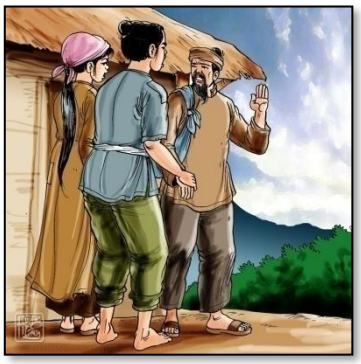

Thuong con, ba buoc long phai xe cho moi dua mot vuong vai che mat de chung den nhin mat cha lan cuoi.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

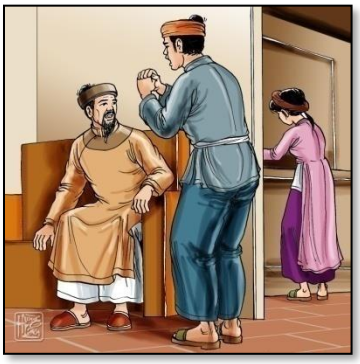

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

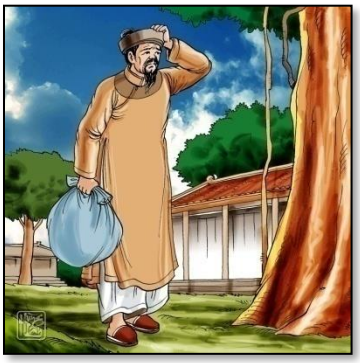

Đến nhà đứa thứ hay, ông thấy cũng chẳng khắc gì đứa đầu. (3 lỗi)

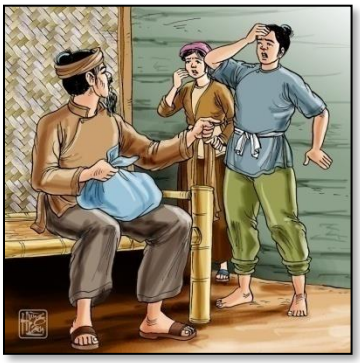

Hai ngày sâu, người vợ phảy cắt tóc đi bánh mới có đủ số tiền trao cho phú ông. (3 lỗi)

Văn Phạm – Trạng Từ

Muốn thêm các trạng từ vào trong câu trước tiên ta phải tìm được các động từ, tĩnh từ hoặc trạng từ trong câu. Sau đó chúng ta đặt câu hỏi "*...như thế nào? ...ra làm sao?* ..." cho các động từ, tĩnh từ hoặc trạng từ. Như vậy chúng ta sẽ thêm được các trạng từ vào trong câu.

Ví dụ:

> Tú đi vào rừng. Em nhìn thấy một con gấu to khổng lồ. Tú sợ. Em co giò phóng về nhà.

Trước hết, chúng ta tìm các động từ. Các động từ trong câu này là: *đi vào, nhìn thấy, sợ, co,* và *phóng về*.

Bây giờ chúng ta sẽ đặt câu hỏi cho các động từ đó như sau:

Tú đi như thế nào vào rừng?	đi sâu vào rừng
Em nhìn thấy như thế nào?	thoáng nhìn thấy
Tú sợ như thế nào?	sợ quá
Em co giò như thế nào?	vội vàng co giò
Em phóng về nhà như thế nào?	phóng nhanh như bay

Ráp tất cả các câu trả lời, chúng ta sẽ có các trạng từ cho câu trên như sau:

> Tú đi *sâu* vào rừng, em *thoáng* nhìn thấy một con gấu to khổng lồ. Tú sợ *quá*. Em *vội vàng* co giò phóng *nhanh như bay* về nhà.

Chúng ta có thể làm tương tự như trên với những tĩnh từ và trạng từ trong câu.

Bài Tập – Văn Phạm (Trạng Từ)

(Cho các em thêm trạng từ vào những câu sau.)

1. Một chú sóc nhỏ đang leo lên ngọn cây.

_____

_____

_____

2. Chị Hai tức tối la vì cu Tí làm đổ bình sữa.

_____

_____

_____

3. Mẹ khâu cúc áo cho anh Minh.

_____

_____

_____

4. Bố đang sửa lại nhà cửa để chuẩn bị đón Tết.

_____

_____

_____

5. Đám mây trắng đang trôi trên trời xanh.

_____

_____

_____

Bài 17: Bích Câu Kỳ Ngộ

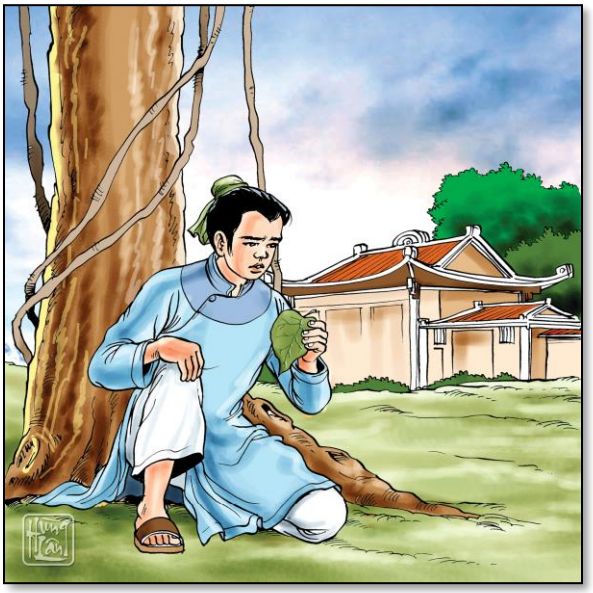

Ngày xưa, có một người học trò mồ côi cha mẹ, tên là Tú Uyên, trọ học ở phường Bích Câu, phía nam thành Thăng Long. Chàng rất hay chữ tuy chưa đỗ đạt gì. Một ngày nọ, nhân dịp Tú Uyên đến chùa tham dự lễ hội, chàng nhặt được một chiếc lá đa có ghi một bài thơ sau lưng lá. Tưởng có người nào ở trên lầu cao ném xuống, chàng ngước nhìn mọi nơi nhưng chẳng thấy gì cả.

Đang lúc ngơ ngác, Tú Uyên bỗng thấy có một cô gái rất xinh đẹp từ trong chùa đi ra. Bất giác Tú Uyên đứng dậy lững thững đi theo người con gái đó. Đi đến đình Quảng Văn chợt có một cơn gió bụi mù mịt, chàng lấy vạt áo che lên mặt. Đến lúc gió ngừng thì không còn thấy người con gái đâu nữa.

Từ đấy Tú Uyên ngày đêm mơ tưởng hình bóng cô gái, không thiết gì ăn uống, học hành. Nghe đồn đền Bạch Mã rất thiêng, Tú Uyên liền đến để cầu xin điều lành. Đêm ấy, thần hiện ra trong giấc mộng của chàng, bảo rằng:

– *Ngày mai ra cầu Đông đợi thì sẽ gặp điều như ý.*

Hôm sau, chàng y hẹn đến cầu Đông. Đợi mãi chẳng thấy ai cả, cuối cùng mới gặp một ông già bán tranh. Ông mời chàng mua một bức tranh tố nữ có hình dáng như người mà chàng mong đợi. Chàng mua ngay bức tranh, đem về treo trong nhà.

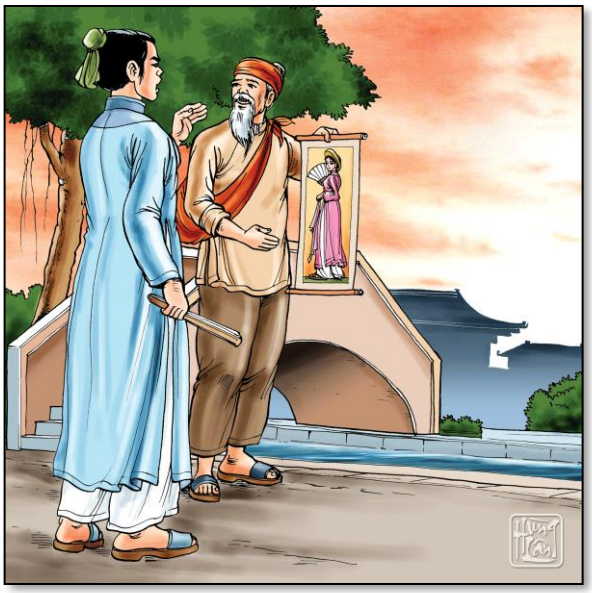

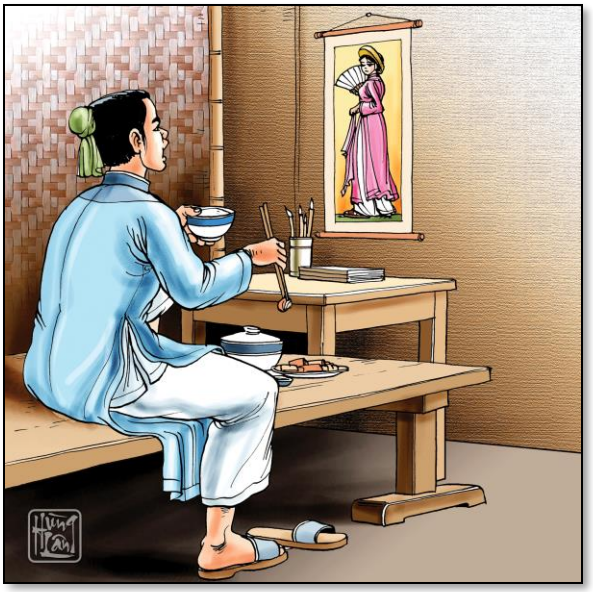

Đến bữa ăn, chàng dọn ra hai đôi đũa và hai cái bát. Chàng mời người trong tranh ăn cùng như mời người thật. Chàng hơi ngạc nhiên cảm thấy tố nữ trong tranh hai má đỏ bừng như có ý thẹn.

Những ngày sau đó, lúc nào Tú Uyên đi học về cũng thấy có một mâm cơm ngon được dọn sẵn. Chàng ngạc nhiên lắm. Một hôm giả vờ đi học rồi nửa đường trở về, nấp ngoài cửa sổ ngó vào, chàng thấy tố nữ từ trong tranh bước ra, dọn dẹp nhà cửa và xuống bếp làm cơm. Chàng đã hiểu ra nguyên nhân, xô cửa bước vào, nắm chặt lấy tay nàng mà rằng:

– *Thì ra là nàng. Nàng để tôi nhớ nhung bấy lâu. Bây giờ nàng hãy ở lại với tôi.*

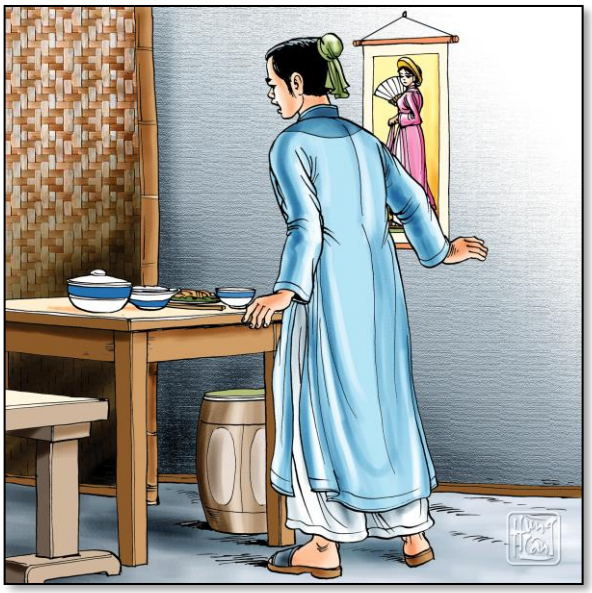

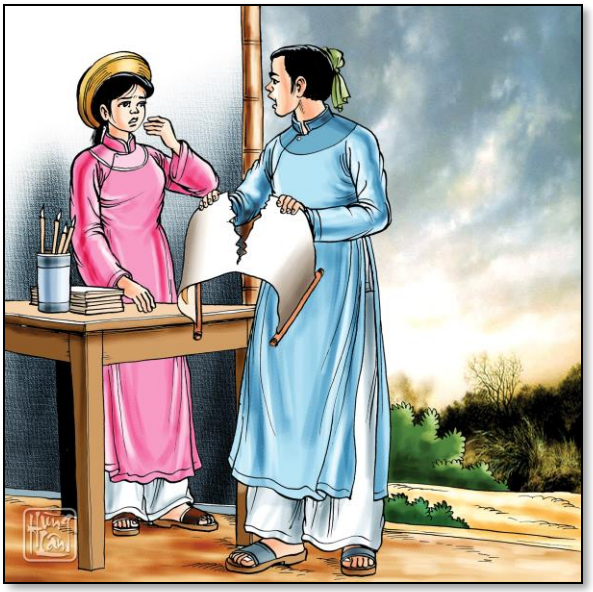

Nói xong, Tú Uyên giật bức tranh trên tường xé đi.

Người con gái đỏ hai gò má, xưng tên là tiên nữ Giáng Kiều, hứa sẽ ở lại cùng chàng để kết duyên vợ chồng. Tú Uyên quá sung sướng, thề sẽ yêu nàng trọn đời.

Từ ngày có vợ, Tú Uyên bỏ bê việc học hành, chỉ chơi bời, uống rượu. Giáng Kiều khuyên can mãi nhưng không được. Trong một lần Tú Uyên say rượu, giận chồng, Giáng Kiều bỏ đi.

Tỉnh rượu, không thấy vợ, Tú Uyên rất hối hận, bỏ ăn bỏ ngủ, kêu khóc thảm thiết suốt một tháng. Thấy chồng ăn năn hối lỗi, Giáng Kiều lại hiện ra. Tú Uyên vội quỳ xuống khóc, thề từ nay sẽ bỏ thói hư đốn và chăm lo học hành.

Từ đấy trong nhà lại đầm ấm như xưa. Vợ chồng sinh được một đứa con trai tuấn tú, học giỏi. Sau này cả hai bố con đi thi cùng đỗ trạng.

Chú Thích

Lững thững: *unhurried, step by step*	**Mơ tưởng:** *dream of, thinking about*
Giấc mộng: *dream*	**Y hẹn:** *meet as promised*
Tố nữ: *beautiful young lady*	**Mong đợi:** *anxiously waiting*
Ngạc nhiên: *surprised*	**Thẹn:** *shy, embarrassed*
Giả vờ: *pretend*	**Nguyên nhân:** *cause, reason*
Nhớ nhung: *longing*	**Khuyên can:** *dissuade*
Hối hận: *regret*	**Thảm thiết:** *heartrending*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Tú Uyên gặp Giáng Kiều trong hoàn cảnh nào?

_____

_____

_____

2. Sau khi lấy được Giáng Kiều, Tú Uyên thay đổi như thế nào?

_____

_____

_____

3. Sau khi Giáng Kiều bỏ đi, Tú Uyên đã làm gì?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Từ đấy Tú Uyên ngày đêm **mơ tưởng** hình bóng cô gái, không thiết gì ăn uống, học hành. Từ "**mơ tưởng**" có nghĩa là:

   - Mong nhớ, ước mơ.
   - Nằm mơ.
   - Quên, không nhớ tới.

2. Chàng hơi ngạc nhiên cảm thấy tố nữ trong tranh hai má đỏ bừng như có ý **thẹn**. Từ "**thẹn**" có nghĩa là:

   - Buồn bã.
   - Mắc cở.
   - Giận dỗi.

3. Một hôm **giả vờ** đi học rồi nửa đường trở về... Từ "**giả vờ**" có nghĩa là:

   - Cố tình làm để kẻ khác không thấy.
   - Cố tình làm để kẻ khác thấy.
   - Cố tình làm để kẻ khác tưởng là thật.

4. Người con gái đỏ hai gò má, xưng tên là tiên nữ Giáng Kiều, hứa sẽ ở lại cùng chàng để **kết duyên** vợ chồng. Từ "**kết duyên**" có nghĩa là:

   - Bỏ nhau.
   - Đánh nhau.
   - Lấy nhau, cưới.

5. Từ ngày có vợ, Tú Uyên **bỏ bê** việc học hành, chỉ chơi bời, uống rượu. Từ "**bỏ bê**" có nghĩa là:

   - Không thèm làm nữa.
   - Làm sốt sắng hơn.
   - Tiếp tục làm.

6. Giáng Kiều **khuyên can** mãi nhưng không được. Từ "**khuyên can**" có nghĩa là:

   - Bảo cho biết là không nên làm.
   - Bảo cho biết là nên làm.
   - Bỏ qua, không nhắc tới.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Ong moi chang mua mot buc tranh to nu co hinh dang nhu nguoi ma chang mong doi.

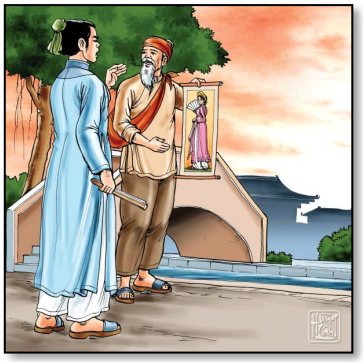

Nhung ngay sau do, luc nao Tu Uyen di hoc ve cung thay co mot mam com ngon duoc don san.

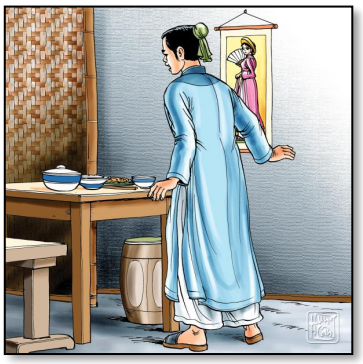

Tu ngay co vo, Tu Uyen bo be viec hoc hanh, chi choi boi, uong ruou.

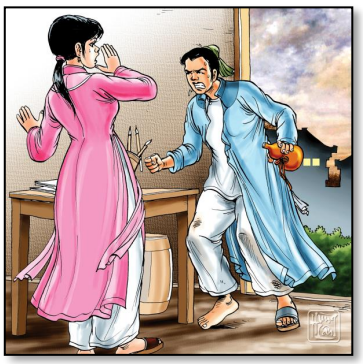

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

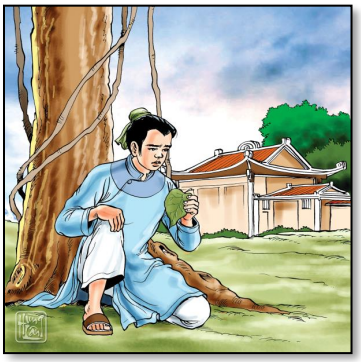

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Đi đến đình Quảng Văn chột có một cơn gió bụi mù mịt, chàn lấy vạt áo che lên mặc. (3 lỗi)

Tú Uyên vội quỳ xuống kóc, thề từ nai sẽ bỏ thói hư đớn và chăm lo học hành. (3 lỗi)

Văn Phạm – Chủ Ngữ, Vị Ngữ

Một câu hoàn chỉnh phải có ít nhất hai thành phần: *chủ ngữ* và *vị ngữ*.

Chủ Ngữ

Chủ ngữ là danh từ hoặc nhóm danh từ biểu thị đối tượng được nói đến trong câu. Để tìm kiếm chủ ngữ của câu, chúng ta có thể tự đặt các câu hỏi: *Câu này nói về ai? ...cái gì? ...con gì? ...sự gì?, v.v..*

Ví dụ:

Hòa chơi bóng rổ.	***Ai?***	Hòa
Con thuyền đậu bên bờ sông.	***Cái gì?***	con thuyền
Chim đại bàng bay lượn trên trời.	***Con gì?***	chim đại bàng
Đức kiên nhẫn là một đức tính tốt.	***Sự gì?***	đức kiên nhẫn

Những danh từ *Hòa*, *con thuyền*, *chim đại bàng*, và *đức kiên nhẫn* là chủ ngữ của những câu trên. Như đã nói trên, chủ ngữ cũng có thể là một nhóm danh từ.

Ví dụ:

Các em học sinh lớp bảy chơi bóng rổ.	***Ai?***	các em học sinh lớp bảy
Con thuyền mang tên Yết Kiêu đậu bên bờ sông.	***Cái gì?***	con thuyền mang tên Yết Kiêu

Những nhóm danh từ "*các em học sinh lớp bảy*" và "*con thuyền mang tên Yết Kiêu*" là chủ ngữ của những câu trên.

Vị Ngữ

Vị ngữ là nhóm từ trong một câu nói rõ về hoạt động, tính chất, trạng thái của chủ ngữ. Để tìm vị ngữ trong câu, chúng ta có thể đặt các câu hỏi: *...làm gì? ...như thế nào? v.v..*

Ví dụ:

Hòa *chơi bóng rổ*.	***Hòa làm gì?***	chơi bóng rổ
Bình *rất giỏi tiếng Việt*.	***Bình như thế nào?***	rất giỏi tiếng Việt

Nhóm từ "*chơi bóng rổ*" và "*rất giỏi môn toán*" là vị ngữ nói rõ về chủ ngữ *Hòa* và *Bình*. **Lưu ý:** Trong tiếng Việt, một câu hoàn chỉnh không nhất thiết phải có động từ. Tĩnh từ hoặc nhóm tĩnh từ có thể thay thế động từ hay nhóm động từ để nói về tính chất của chủ ngữ.

Bài Tập – Văn Phạm (Chủ Ngữ, Vị Ngữ)

(Giúp các em tìm chủ ngữ và vị ngữ trong những câu sau.)

1. Gia đình dì Quyên thích ăn cơm với nấm rơm.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

2. Cánh đồng lúa đang trổ bông.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

3. Hội Các Bà Mẹ nấu ăn cho đám tiệc.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

4. Trời mưa rỉ rả suốt ngày.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

5. Bài toán quá khó đối với em Tuệ.

   Chủ ngữ: _____

   Vị ngữ: _____

Bài 18: Trương Chi, Mỵ Nương

Ngày xưa, có một vị quan đại thần có một cô con gái tuyệt đẹp, tên là Mỵ Nương. Cũng như các tiểu thư con nhà trâm anh, nàng sống một cuộc đời quanh năm cấm cung ở chốn lầu trang. Ngày ngày, nàng thêu thùa hay đọc sách ở bên cửa sổ, thỉnh thoảng ngừng tay vén rèm, nhìn xuống dòng sông chảy lờ đờ cạnh lầu.

Bấy giờ có một chàng trai thuyền chài tên là Trương Chi, ngày ngày đến thả lưới kiếm ăn trên khúc sông đó. Chàng ta thường vừa buông lưới vừa hát. Tiếng hát rất hay, khiến cho Mỵ Nương ở trong lầu xao xuyến say mê.

Một dạo, Trương Chi đi đánh cá ở khúc sông khác. Chiều chiều tiếng hát không còn từ mặt sông vẳng đến lầu Mỵ Nương. Nàng mỏi mòn chờ đợi, thương nhớ rồi sinh bệnh. Các vị danh y được mời đến đều bó tay, vì không biết được căn nguyên của cơn bệnh. Quan đại thần hỏi dò những người hầu hạ Mỵ Nương mới biết là con mình bệnh vì say đắm giọng hát của chàng trai thuyền chài. Ông cho đòi người thuyền chài có giọng hát đắm say đến ra mắt Mỵ Nương.

Trương Chi đến gặp Mỵ Nương. Chàng ta đội chiếc nón lá che mất khuôn mặt mình. Mỵ Nương năn nỉ mãi, Trương Chi mới ngả nón ra. Nhưng khi nhìn thấy mặt Trương Chi, Mỵ Nương vỡ mộng vì Trương Chi xấu xí quá. Và tiếng hát từ đấy không còn rung cảm lòng cô gái đài trang nữa.

Nhưng anh chàng thuyền chài Trương Chi, từ khi trông thấy Mỵ Nương xinh đẹp, đã thầm yêu nàng. Chàng tủi cho thân phận nghèo hèn, xấu xí của mình và thường than thở:

Kiếp này đã dở dang nhau,

Thì xin kiếp khác, duyên sau lại lành.

Âm thầm khổ đau với mối tình tuyệt vọng, Trương Chi khô héo gầy mòn, rồi chết vì tương tư.

Bao nhiêu năm qua, đến khi người nhà bốc mộ để cải táng, thì thấy thịt xương Trương Chi đều đã tan rữa, duy chỉ có trái tim biến thành một khối ngọc sáng long lanh. Họ bèn lấy gắn ở đầu thuyền của người quá cố để làm kỷ niệm.

Một ngày kia, vị đại thần đi ngang sông, trông thấy ngọc đá lạ, mua về, thuê thợ tiện làm thành một chén trà đẹp. Mỗi lần rót nước vào, trong lòng chén thấy lấp loáng hiện ra một kẻ thuyền chài chèo thuyền quanh trong đó.

Mỵ Nương nghe nói thế, đòi xem, rót trà vào chén, thì thấy hình người năm xưa hiện ra, và nàng tưởng chừng như văng vẳng đâu đây tiếng hát đã có lần làm rung động lòng mình. Nhớ thương tràn dâng thành nước mắt, một giọt lệ lăn tròn trên má Mỵ Nương rơi vào lòng chén. Chén ngọc đang cầm ở tay người đẹp bỗng tan ra thành nước.

Chú Thích

Tiểu thư: *young lady from a rich family*	**Cấm cung:** *confined*
Thêu thùa: *embroider*	**Thỉnh thoảng:** *occasionally*
Lờ đờ: *slow, sluggish*	**Xao xuyến:** *full of emotions*
Say mê: *enthralled, enchanted*	**Mỏi mòn:** *decreased with time (health)*
Căn nguyên: *root cause*	**Năn nỉ:** *pleading, begging*
Vỡ mộng: *disenchanted*	**Rung cảm:** *moved with emotions*
Âm thầm: *silently*	**Tuyệt vọng:** *hopeless*
Tương tư: *love sick*	**Quá cố:** *passed away*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Vì sao Mỵ Nương sinh bệnh?

_____

_____

_____

2. Khi gặp Trương Chi, Mỵ Nương cảm thấy thế nào?

_____

_____

_____

3. Khi cầm chén ngọc, Mỵ Nương cảm thấy thế nào?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...nàng sống một cuộc đời quanh năm **cấm cung** ở chốn lầu trang. Từ "**cấm cung**" có nghĩa là:

   - Được đi chơi đây đó.
   - Không được ra khỏi nhà.
   - Ở trong cung đình của vua.

2. Tiếng hát rất hay, khiến cho Mỵ Nương ở trong lầu xao xuyến **say mê**. Từ "**say mê**" có nghĩa là:

   - Ghét.
   - Không thích.
   - Rất thích, không còn thiết gì nữa.

3. Các vị danh y được mời đến đều bó tay, vì không biết được **căn nguyên** của cơn bệnh. Từ "**căn nguyên**" có nghĩa là:

   - Lý do, nguồn gốc.
   - Mức độ nặng nhẹ.
   - Vi trùng.

4. Nhưng khi nhìn thấy mặt Trương Chi, Mỵ Nương **vỡ mộng** vì Trương Chi xấu xí quá. Từ "**vỡ mộng**" có nghĩa là:

   - Hài lòng vì được điều mơ ước.
   - Ngủ mơ.
   - Thất vọng vì khác với điều mơ ước.

5. Âm thầm khổ đau với mối tình **tuyệt vọng**, Trương Chi khô héo gầy mòn, rồi chết vì tương tư. Từ "**tuyệt vọng**" có nghĩa là:

   - Còn hy vọng.
   - Hết hy vọng.
   - Giả dối.

6. Họ bèn lấy gắn ở đầu thuyền của người **quá cố** để làm kỷ niệm. Từ "**quá cố**" có nghĩa là:

   - Bị bệnh.
   - Còn sống.
   - Đã chết.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Tieng hat rat hay, khien cho My Nuong o trong lau xao xuyen say me.

Nhung khi nhin thay mat Truong Chi, My Nuong vo mong vi Truong Chi xau xi qua.

Moi lan rot nuoc vao, trong long chen thay lap loang hien ra mot ke thuyen chai cheo thuyen quanh trong do.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

_____

_____

_____

_____

_____

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Quan đại thần hỏi dò những người hầu hạ Mỵ Nương mới biếc là con mình bện vì say đắm giọng hát của chàng tray thuyền chài. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Nhớ thươn tràn dâng thành nước mắc, một giọt lệ lân tròn trên má Mỵ Nương rơi vào lòng chén. (3 lỗi)

_____

_____

_____

_____

Văn Phạm – Mệnh Đề

Mệnh đề là một nhóm từ gồm có hai thành phần: *chủ ngữ* và *vị ngữ*.

Mệnh Đề Chính

Mệnh đề chính có thể đứng riêng một mình mà vẫn diễn tả được đầy đủ ý tưởng. Mệnh đề chính không lệ thuộc vào mệnh đề nào khác. Nó có thể đi chung với những mệnh đề chính khác, mệnh đề phụ hoặc nhóm từ để hoàn thành một câu.

Ví dụ:

Tôi mua một quyển sách.

Chủ ngữ: *tôi*

Vị ngữ: *mua một quyển sách*

Mệnh Đề Phụ

Mệnh đề phụ không thể đừng riêng một mình vì không diễn tả được trọn ý. Mệnh đề phụ luôn luôn phải đi chung với mệnh đề chính để hoàn thành một câu.

Ví dụ:

Trong khi mẹ uống cà-phê, tôi mua quyển sách.

Câu này chúng ta có 2 mệnh đề khác nhau: "*trong khi mẹ uống cà-phê*" và "*tôi mua quyển sách*".

Mệnh đề thứ nhất:

Trong khi mẹ tôi uống cà phê.

Chủ ngữ: *mẹ*

Vị ngữ: *uống cà-phê*

Khi chúng ta đọc câu này ngay lập tức chúng sẽ có câu hỏi trong đầu rằng: "*Chuyện gì xảy ra trong khi mẹ tôi uống cà phê?*" Và câu trả lời sẽ là: "*Trong khi mẹ tôi uống cà phê, tôi mua quyển sách.*"

Như vậy mệnh đề thứ nhất là mệnh đề phụ vì nó không thể đứng một mình. Nó cần phải có thêm một mệnh đề nữa đi chung thì nó mới đủ nghĩa.

Mệnh đề phụ thường được nối với mệnh đề chính bằng các giới từ (*từ khi, trước khi, sau khi, mặc dù, nếu như, bởi vì, trong khi, như vậy, v.v.*).

Bài Tập – Văn Phạm (Mệnh Đề)

(Hãy cho biết những mệnh đề sau là mệnh đề chính hay mệnh đề phụ. Nếu là mệnh đề phụ, dùng mệnh đề phụ đó viết thành một câu hoàn chỉnh.)

1. Mỗi khi em đi câu cá.

_____

2. Ông giúp mắc giun vào lưỡi câu cho em.

_____

3. Đường phố thật dơ bẩn.

_____

4. Sau khi cơn mưa chấm dứt.

_____

5. Khi Tú đi chơi về trễ.

_____

6. Quân xin lỗi bố mẹ.

_____

7. Nếu Hạnh tốt nghiệp loại giỏi.

_____

8. Bố mẹ sẽ mua cho Nhân một chiếc xe mới.

_____

Bài 19: Bụng Làm Dạ Chịu

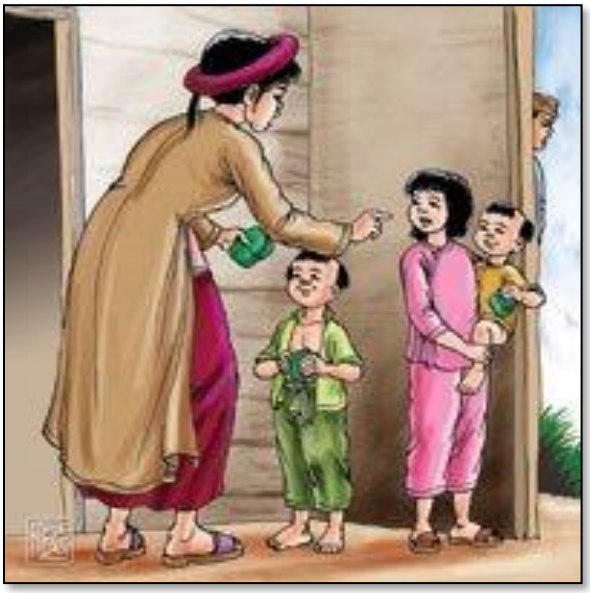

Ngày xưa, có một anh chàng chỉ biết ăn bám vợ. Người vợ rất bực mình. Một hôm, chị bắt anh ta đi học nghề để nuôi thân. Anh đi suốt buổi, nhưng chả học được gì. Vừa về tới nhà, anh nghe được vợ anh dặn con cất hai cái bánh vào trong vại gạo để dành cho anh. Anh bèn giả vờ đi từ phía cổng bước vào nhà. Vợ anh hỏi:

- *Đã tìm được nghề gì chưa?*
- *Tôi học được nghề bói bằng cách hít. Cái gì cất giấu ở đâu, tôi chỉ hít hít mấy cái là tìm ra ngay.*

Nghe thế, vợ anh chưa tin nên muốn thử, ngần ngừ nói:

- *Tôi có mua hai cái bánh. Nếu mình bói được thì cứ hít cho ra mà ăn.*

Thế là anh chàng ngước mũi lên, giả vờ hít hít mấy cái quanh phòng rồi bảo:

- *Đúng rồi, nó ở trong vại gạo chứ đâu!*

Người vợ tưởng thật, mừng quá, liền chạy đi khoe với xóm giềng rằng chồng mình mới học được nghề thầy hít.

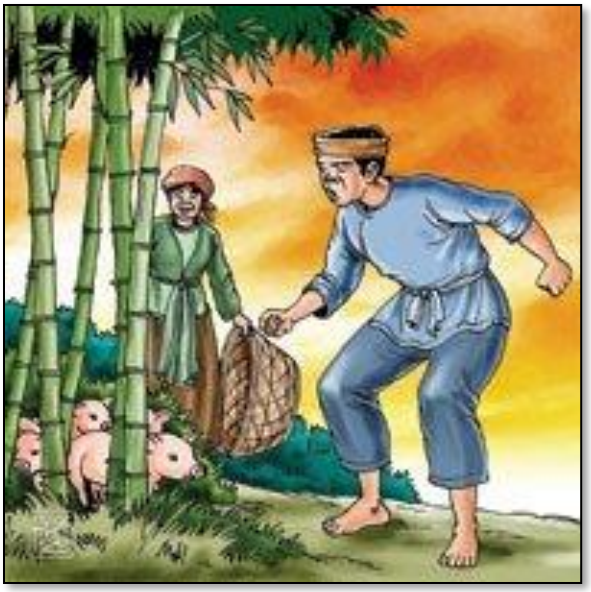

Hôm ấy, trong xóm có một bà bị mất một ổ lợn con. Bà ấy chạy đến khẩn khoản nhờ anh tìm giúp. Mặc dầu sáng nay đã thấy bầy lợn con ở bụi tre dọc đường, anh ta cũng giả vờ hít hít rồi dắt bà ấy đến chỗ có lợn, vui vẻ nói:

– *Bà đã thấy tài của tôi chưa? Lợn con của bà đây này!*

– *Ồ! Thật không ngờ anh lại là thầy hít tài giỏi đến thế! Tôi xin biếu thầy cặp lợn con để trả ơn.*

Ít lâu sau, vợ anh đem việc anh học được nghề hít khoe với bố mẹ đẻ. Nghe vậy, người bố liền thử:

– *Nếu nó chỉ đúng món tiền chôn ở gốc táo sau vườn thì bố sẽ thưởng cho nó một nửa.*

Không ngờ anh đã lén theo vợ, đứng nấp ở sau nhà và nghe rõ tất cả. Anh chạy thẳng một mạch về nhà, rồi leo lên giường giả vờ nằm ngủ. Vợ anh về nhà kể lại lời hứa của bố. Thế là anh theo sang nhà bố vợ, chỉ đúng chỗ chôn của và sau đó được bố vợ thưởng cho số tiền như đã hứa.

Cũng vào thời điểm đó, nhà vua bị mất một con rùa vàng và một con rùa bạc, là hai món bảo vật của vua Trung Quốc tặng. Vua nghe có tiếng đồn về tài hít của anh, liền sai quân lính đi mời anh về cung. Anh vô cùng hoảng hốt, lòng rối bời, không biết tính sao, nhưng đành phải theo lệnh vua về kinh đô kẻo bị ghép vào tội khi quân.

Nằm trong cáng dọc đường về đô, anh rất lo sợ cứ nghĩ về việc anh lừa bịp và nếu bị khám phá sẽ bị chém đầu. Vì thế, khi đi qua sông, anh ta vùng nhảy xuống nước để tự tử vì trước sau gì cũng chết.

Thấy anh nhảy xuống sông, hai người lính khiêng cáng hoảng hồn bèn chia nhau lặn xuống nước tìm. Họ lôi được anh ta lên bờ. Khi vừa tỉnh lại, anh ta giả vờ giận, mắng hai tên lính rằng:

- *Ta xuống để hỏi vua Thủy Tề xem ai là thủ phạm chứ có can chi mà hai ngươi hốt hoảng như thế?*

Tự tử không thành, anh rầu rĩ, lẩm bẩm mấy tiếng:

– *Thôi thì bụng làm dạ chịu!*

Không ngờ hai tên lính, một đứa tên là Bụng và một đứa tên là Dạ. Chúng tưởng là anh đã biết rõ cơ sự rồi, bèn van xin thú tội:

– *Chúng tôi đã trộm báu vật của nhà vua giấu trên máng nhà.*

Nghe vậy, anh mừng rỡ vội nói:

– *Nếu các ngươi ăn năn chừa thì ta sẽ không kể lại chuyện này.*

Vào cung gặp vua, anh giả vờ hít một hồi lâu rồi chỉ lên máng nhà nơi báu vật được cất giấu. Anh được vua ban thưởng trọng hậu.

Về nhà chưa được bao lâu thì sứ Trung Quốc mang kiệu đến mời anh sang giúp tìm những bảo vật quý giá của nhà vua đã bị mất. Đường đi gồ ghề, các phu kiệu vô ý làm xóc kiệu. Anh đập mặt vào thành kiệu và bị sứt mất một bên mũi. Anh giả vờ giận dữ rồi chỉ mũi mình mà nói:

– *Tôi nhờ cái mũi này mới bói được. Nay bị sứt, làm hỏng mất sự mầu nhiệm thì tôi chẳng giúp được gì.*

Sứ giả đành phải để cho anh quay trở lại nhà; nhờ vậy mà anh mới thoát nạn. Từ đó, anh không còn dám khoác lác để lừa mọi người nữa.

Chú Thích

Giả vờ: *pretend*	**Nghề bói:** *fortune telling*
Ngần ngừ: *hesitant*	**Xóm giềng:** *neighbors*
Khẩn khoản: *pleading persistently*	**Bảo vật:** *treasure, precious objects*
Hoảng hốt: *panic*	**Tội khi quân:** *leze majesty*
Lừa bịp: *deceive*	**Khám phá:** *discover*
Cơ sự: *deed, act*	**Sự mầu nhiệm:** *miracle*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Người chồng nói dối với vợ rằng anh ta đã học được nghề gì?

_____

_____

_____

2. Làm sao anh ta biết được món tiền của bố mẹ vợ chôn ở gốc táo sau vườn?

_____

_____

_____

3. Làm sao anh ta biết được báu vật của nhà vua giấu trên máng nhà?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. Nghe thế, vợ anh chưa tin nên muốn **thử**... Từ "**thử**" có nghĩa là:

   - Để biết thật hay giả.
   - Khích lệ cho lên tinh thần.
   - Khuyên bảo lời hay lẽ phải.

2. Người vợ tưởng thật, mừng quá, liền chạy đi khoe với **xóm giềng**... Từ "**xóm giềng**" có nghĩa là:

   - Bạn bè.
   - Hàng xóm.
   - Họ hàng.

3. Bà ấy chạy đến **khẩn khoản** nhờ anh tìm giúp. Từ "**khẩn khoản**" có nghĩa là:

   - Kể chuyện.
   - Mách bảo.
   - Năn nỉ, nài xin.

4. ...nhưng đành phải theo lệnh vua về kinh đô kẻo bị ghép vào **tội khi quân**. Từ "**tội khi quân**" có nghĩa là:

   - Có tội với vua.
   - Có ơn với vua.
   - Được vua ban ơn.

5. Nằm trong cáng dọc đường về đô, anh rất lo sợ cứ nghĩ về việc anh **lừa bịp**... Từ "**lừa bịp**" có nghĩa là:

   - Gạt người khác.
   - Thành thật với người khác.
   - Tốt với người khác.

6. Tự tử không thành, anh rầu rĩ, **lẩm bẩm** mấy tiếng... Từ "**lẩm bẩm**" có nghĩa là:

   - Hét thật to.
   - Nói nhỏ trong miệng.
   - Nói vừa đủ nghe.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Mot hom, chi bat anh ta di hoc nghe de nuoi than. Anh di suot buoi, nhung cha hoc duoc gi.

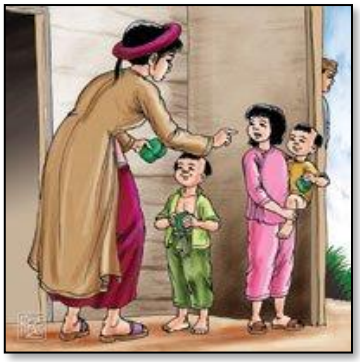

Vua nghe co tieng don ve tai hit cua anh, lien sai quan linh di moi anh ve cung.

Khong ngo hai ten linh, mot dua ten la Bung va mot dua ten la Da.

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

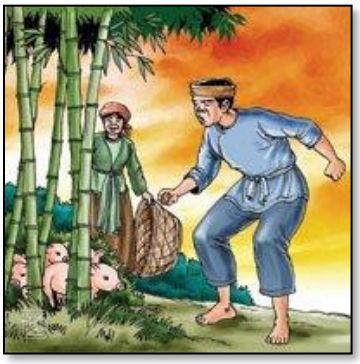

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

Anh chại thẳng một mặch về nhà, rồi leo lên giường giả vờ nằm ngủ. (3 lỗi)

Nằm trong cáng dọc đườn về đô, anh rắc lo sợ cứ ngĩ về việc anh lừa bịp và nếu bị khám phá sẽ bị chém đầu. (3 lỗi)

Văn Phạm – Câu Kép

Câu là một nhóm từ diễn tả một ý tưởng trọn vẹn và phải có ít nhất một mệnh đề chính. Khi câu chỉ có một mệnh đề chính, ta gọi câu đó là câu đơn. Khi câu có hai mệnh đề chính được nối với nhau bởi một liên từ, ta gọi đó là câu kép.

Để nối hai mệnh đề chính thành một câu kép, ta dùng liên từ. Những liên từ thông dụng gồm: *và, nhưng, nên, hoặc, v.v.*.

- Liên từ *và – Và* được dùng khi hai mệnh đề nối tiếp nhau.

  Ví dụ:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi. Mẹ đã cho phép.

  Ta dùng liên từ *và* để nối hai câu đơn thành một câu kép như sau:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi, *và* mẹ đã cho phép.

- Liên từ *nhưng – Nhưng* được dùng để nối hai mệnh đề chính có ý nghĩa trái ngược nhau.

  Ví dụ:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi. Mẹ đã không cho phép.

  Ta dùng liên từ *nhưng* vì hai câu này có ý nghĩa trái ngược nhau:

  Thiên xin phép mẹ đi chơi, *nhưng* mẹ đã không cho phép.

- Liên từ *nên – Nên* được dùng khi có sự quan hệ điều kiện: mệnh đề sau là kết quả của mệnh đề trước.

  Ví dụ:

  Học sinh nói chuyện ồn ào. Cô giáo phạt không cho ra ngoài chơi.

  Ta dùng liên từ *nên* vì mệnh đề sau là kết quả của mệnh đề trước:

  Học sinh nói chuyện ồn ào, *nên* cô giáo phạt không cho ra ngoài chơi.

- Liên từ *hoặc – Hoặc* được dùng khi có sự lựa chọn giữa hai mệnh đề.

  Ví dụ:

  Em có thể trả sách lại cho thư viện. Em có thể tiếp tục mượn.

  Ta dùng liên từ *hoặc* để nối hai câu đơn thành một câu kép như sau:

  Em có thể trả sách lại cho thư viện, *hoặc* em có thể tiếp tục mượn.

Chú ý: Các liên từ luôn đứng sau dấu phẩy, ngoại trừ những câu rất ngắn không cần dấu phẩy.

Bài Tập – Văn Phạm (Câu Kép)

(Giúp các em nối những câu đơn sau thành một câu kép.)

1. Vũ phụ bố cắm lều. Như phụ mẹ nấu cơm.

_____

_____

_____

2. Liêm không chăm học. Liêm phải học lại lớp năm.

_____

_____

_____

3. Chị Tươi luôn thân thiện với mọi người. Em gái chị ấy lại khó chịu.

_____

_____

_____

4. Mùa hè năm nay, gia đình Lâm đi du lịch ở Châu Âu. Gia đình Lâm về Việt Nam thăm ông bà.

_____

_____

_____

5. Ở Texas vào mùa xuân khí trời lành lạnh. Mùa hè lại nóng như thiêu đốt.

_____

_____

_____

Bài 20: Quan Âm Thị Kính

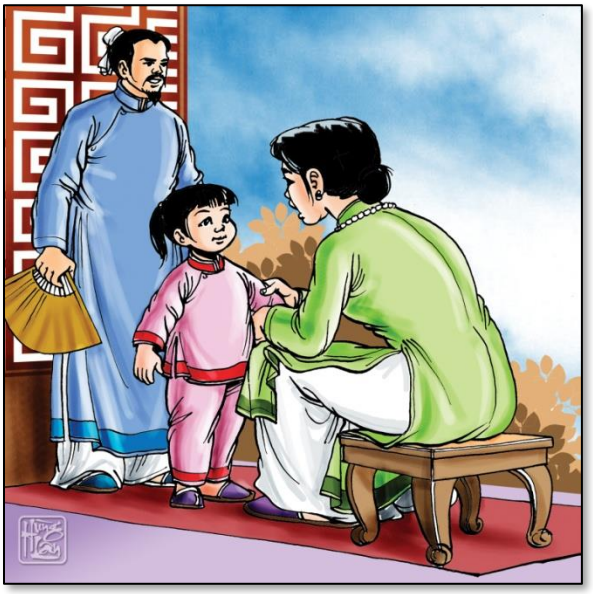

Ngày xưa có gia đình họ Mãng giàu có và danh giá, họ sinh được một người con gái rất xinh và bụ bẫm. Ông bà đặt tên cho con là Thị Kính, với niềm ước mong rằng con sẽ thành một thiếu nữ ngoan hiền, thờ cha kính mẹ và kính trên nhường dưới.

Đến tuổi lấy chồng, bố mẹ gả nàng cho một người học trò họ Sùng, tên là Thiện Sĩ. Một hôm, Thiện Sĩ nằm ở ghế tràng kỷ đọc sách cho vợ nghe rồi thiu thiu ngủ. Hơi thở đều đều của Thiện Sĩ làm cho sợi râu loăn xoăn ở cằm cứ đung đưa. Thị Kính bèn lấy cái kéo định cắt sợi râu xấu xí ấy cho chồng.

Thiện Sĩ thấy động, chợt tỉnh và nhìn thấy vợ đang đưa cái kéo sáng loáng trước mặt. Thiện Sĩ hoảng hốt ngồi bật dậy rồi kết tội vợ đã mưu giết mình. Sau đó, Thị Kính bị đuổi ra khỏi nhà.

Nỗi oan nghiệt ngã ấy khiến Thị Kính nghĩ phải đi biệt xứ. Thị Kính ăn mặc đóng giả làm con trai rồi xách khăn gói đi đến một miền thật xa.

Thị Kính đến một ngôi chùa xin sư ông nhận làm tiểu, lấy hiệu là tiểu Kính Tâm. Từ đấy, tiểu Kính Tâm miệt mài kinh kệ, không biết gì đến chuyện ngoài đời.

Tiểu Kính Tâm tuy đầu xuống tóc nhẵn nhụi, quần áo nâu sống lam lũ nhưng đôi mắt và nụ cười của chú tiểu đẹp trai đã làm say mê biết bao cô gái ở trong vùng mỗi khi các cô đến chùa…

Trong làng có Thị Mầu, con gái nhà phú ông. Thị Mầu chết mê chết mệt tiểu Kính Tâm. Đã nhiều lần, Thị Mầu tỏ tình ra mặt với Kính Tâm nhưng Thị Mầu đều bị Kính Tâm chối từ, lảng tránh.

Thị Mầu là cô gái lẳng lơ, hay ngao du rồi có mang. Thị Mầu khai ả đã có mang với Kính Tâm. Kính Tâm bị dân làng gọi ra đình tra hỏi. Kính Tâm chỉ lắc đầu nói không biết, nhưng Thị Mầu thì cứ một mực đổ cho Kính Tâm.

Tuần tráng trong làng cứ kẻ phạm tội mà đánh đòn. Kính Tâm chịu đòn trong im lặng. Sư ông thương xót lắm và xin nộp tiền phạt để đưa Kính Tâm về chùa. Sợ ô uế cửa thiền, sư ông cho tiểu Kính Tâm ở trong cái lều nhỏ ngoài vườn chùa.

Sau đó, Thị Mầu sinh được một con trai. Nửa đêm, Thị Mầu đem đứa con bỏ ra tam quan cạnh lều Kính Tâm.

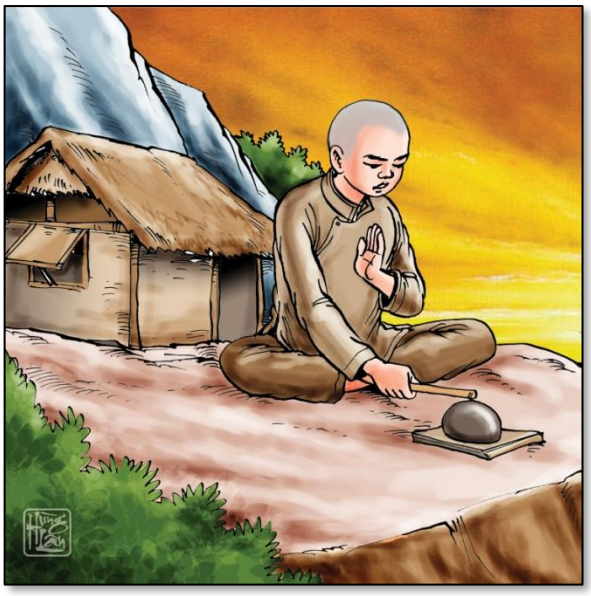

Kính Tâm bế đứa trẻ về lều nuôi. Chẳng bao lâu đứa trẻ đã lên sáu tuổi, biết đi mót lúa mót khoai về giúp Kính Tâm mà nó vẫn tưởng là bố.

Kính Tâm thì ngày một ốm yếu, rồi lâm bệnh nặng. Biết mình không thể qua khỏi, Kính Tâm viết một lá thư cho cha mẹ, một lá thư gửi sư ông, dán kỹ rồi dặn con:

– *Khi nào ta chết thì con đưa thư này vào chùa gửi sư ông.*

Mùa đông năm ấy, Kính Tâm chết. Lúc khâm liệm, làng xóm mới biết Kính Tâm là đàn bà. Ai nấy đều bùi ngùi thương xót thân phận con người bị oan nghiệt. Họ bắt Thị Mầu phải ra chịu tang Kính Tâm.

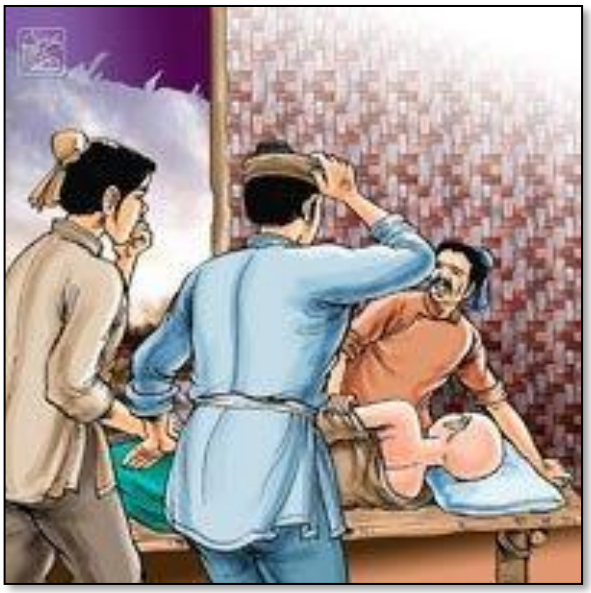

Chú Thícha

Bụ bẫm: *chubby*	**Thiu thiu ngủ:** *doze off*
Loăn xoăn: *curly*	**Nỗi oan:** *injustice*
Nghiệt ngã: *cruel*	**Miệt mài:** *fully devoted to*
Tỏ tình: *expressing love*	**Lảng tránh:** *avoid*
Lẳng lơ: *naughty, immoral*	**Ô uế:** *impure*
Khâm liệm: *embalm, enshroud*	**Bùi ngùi:** *melancholy*

Trả Lời Câu Hỏi

(Cho các em trả lời những câu hỏi sau.)

1. Chuyện gì đã xảy ra khi Thị Kính lấy cái kéo định cắt sợi râu xấu xí cho chồng?

_____

_____

_____

2. Thị Kính đến một ngôi chùa xin sư ông nhận làm tiểu và lấy hiệu là gì?

_____

_____

_____

3. Vì sao các cô gái ở trong vùng và Thị Mầu lại yêu say mê tiểu Kính Tâm?

_____

_____

_____

Ngữ Vựng

(Giúp các em chọn và khoanh tròn các định nghĩa thích hợp với những từ sau.)

1. ...họ sinh được một người con gái rất xinh và **bụ bẫm**. Từ "**bụ bẫm**" có nghĩa là:

   - Gầy gò.
   - Mập mạp.
   - Xinh đẹp.

2. Hơi thở đều đều của Thiện Sĩ làm cho sợi râu **loăn xoăn** ở cằm cứ đung đưa. Từ "**loăn xoăn**" có nghĩa là:

   - Màu đen.
   - Thẳng.
   - Quăn, xoắn tít.

3. Nỗi oan nghiệt ngã ấy khiến Thị Kính nghĩ phải đi **biệt xứ**. Từ "**biệt xứ**" có nghĩa là:

   - Gần nơi mình ở.
   - Khắp mọi nơi.
   - Xa hẳn nơi mình ở.

4. Từ đấy, tiểu Kính Tâm **miệt mài** kinh kệ, không biết gì đến chuyện ngoài đời. Từ "**miệt mài**" có nghĩa là:

   - Bận rộn.
   - Lơ đãng.
   - Tập trung vào việc.

5. Tiểu Kính Tâm tuy đầu xuống tóc nhẵn nhụi, quần áo nâu sống **lam lũ**... Từ "**lam lũ**" có nghĩa là:

   - Đẹp đẽ.
   - Rách rưới.
   - Sang trọng.

6. Sợ **ô uế** cửa thiền, sư ông cho tiểu Kính Tâm ở trong cái lều nhỏ ngoài vườn chùa. Từ "**ô uế**" có nghĩa là:

   - Làm cho bẩn thỉu, nhơ nhớp.
   - Làm cho chật chội.
   - Làm cho sạch.

Thêm Dấu
(Đọc cho các em thêm dấu.)

Thien Si thay dong, chot tinh va nhin thay vo dang dua cai keo sang loang truoc mat.

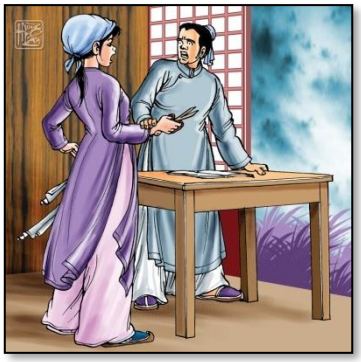

Thi Kinh den mot ngoi chua xin su ong nhan lam tieu, lay hieu la tieu Kinh Tam.

Mua dong nam ay, Kinh Tam chet. Luc kham liem, lang xom moi biet Kinh Tam la dan ba.

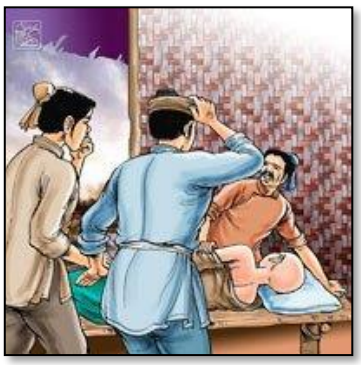

Chính Tả

(Đọc cho các em viết chính tả. Sau đó, cho các em đọc lại từng câu.)

Sửa Lỗi Chính Tả

(Đọc cho các em sửa lỗi chính tả. Cho các em khoanh tròn những chữ sai lỗi chính tả. Sau đó, cho các em viết lại nguyên câu.)

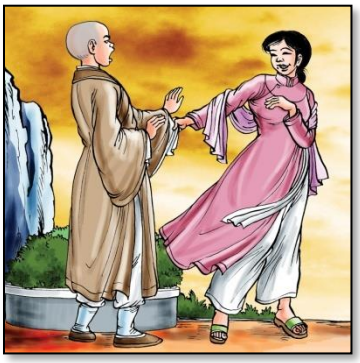

Đã nhiều lần, Thị Mầu tỏ tình ra mặc với Kính Tâm nhưng Thị Mầu đều bị Kính Tâm chối từ, lẳng tránh. (3 lỗi)

Kính Tâm chỉ lắc đầu nói không biếc, nhưng Thị Mầu thì cứ một mục đổ cho Kính Tâm. (3 lỗi)

Văn Phạm – Câu Phức

Câu phức có một mệnh đề chính được nối với một hoặc nhiều mệnh đề phụ. Để nối các mệnh đề phụ với mệnh đề chính, ta dùng giới từ như: *sau khi, bởi vì, mặc dù, tuy nhiên, nếu như, trong khi, v.v..*

Ví dụ 1:

Gia đình ăn cơm xong. Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa.

Ta dùng giới từ *sau khi* để biến mệnh đề đầu thành một mệnh đề phụ và nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Sau khi gia đình ăn cơm xong, Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa.

Ví dụ 2:

Cô đã dặn nhiều lần. Tí vẫn quên không mang theo bút vào lớp.

Ta dùng giới từ *mặc dù* để nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Mặc dù cô đã dặn nhiều lần, Tí vẫn quên không mang theo bút vào lớp.

Ví dụ 3:

Tí không làm bài. Cô phạt không cho Tí ra chơi.

Ta dùng giới từ *bởi vì* để nối hai câu này thành một câu phức như sau:

Bởi vì Tí không làm bài, Cô phạt không cho Tí ra chơi.

Ta có thể đảo vị trí của các mệnh đề trong những câu phức trên như sau:

Tí phụ giúp thu dọn chén đĩa *sau khi* gia đình ăn cơm xong.

Tí vẫn quên không mang theo bút *mặc dù* cô đã dặn nhiều lần.

Cô phạt không cho Tí ra chơi *bởi vì* Tí không làm bài.

Khi chủ ngữ của các mệnh đề phụ và mệnh đề chính là một, ta có thể loại bỏ chủ ngữ của những mệnh đề phụ.

Ví dụ:

Tí thức dậy. Tí đánh răng, rửa mặt rồi ăn sáng.

Chủ ngữ của hai câu này đều là Tí. Ta có thể loại bỏ chủ ngữ cho mệnh đề phụ như sau:

Sau khi thức dậy, Tí đánh răng, rửa mặt rồi ăn sáng.

Bài Tập – Văn Phạm (Câu Phức)

(Giúp các em nối những câu sau thành một câu phức.)

1. Cô Vân khó tính với học sinh. Cô Vân muốn các em trở thành học trò giỏi.

_____

_____

_____

2. Ông bà của Trung đã hơn 80 tuổi. Ông bà vẫn còn khỏe mạnh.

_____

_____

_____

3. Tôi biết rõ địa chỉ của thầy Hoàng. Tôi sẽ cố gắng viết thư thăm thầy mỗi tháng.

_____

_____

_____

4. Thịnh rất đói bụng. Thịnh không có cảm giác thèm ăn món gì cả.

_____

_____

_____

5. Bố ngồi xem ti-vi. Mẹ làm bếp, và bé An chơi xếp chữ.

_____

_____

_____

Phụ Lục

Bài Tập

Bài 1: Chú Khỉ Lưu Manh

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Thuở xa xưa, có một con Mèo và một con Khỉ chơi với nhau rất thân.*
- *Một hôm chúng thấy trong lò sưởi có mấy hột đậu phụng rang sắp chín.*
- *Mèo kéo ra hột nào thì Khỉ bỏ ngay vào miệng nhai hết.*
- *Từ đó, Mèo không còn chơi với Khỉ nữa và chỉ ăn chuột mà thôi.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Lúc nào chúng cũng đùa nghịch chọc ghẹo nhau.*
- *Nó thử vài lần nữa, kéo ra thêm được ít nữa.*
- *Kẻ nịnh hót luôn tìm cách lợi dụng lòng tốt của người khác.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Thuở xa xưa, có một con Mèo và một con Khỉ chơi với nhau rất thân.*
- *Một hôm chúng thấy trong lò sưởi có mấy hột đậu phụng rang sắp chín.*
- *Mèo thò chân vào lò, gẩy ra được vài hột, rồi rụt chân lại.*

Bài 2: Sồi Và Đám Sậy

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Trong lúc đó, những cây Sậy lại rạp mình trong gió và kêu rên thảm thiết buồn bã.*
- *Chỉ một ngọn gió nhẹ làm mặt nước hơi lăn tăn chút xíu thôi cũng đủ làm cho các ngươi phải cúi rạp mình xuống.*
- *Chúng tôi chỉ rạp mình trước gió để cho khỏi bị gãy mà thôi.*
- *Ngay khi đám Sậy vừa nói xong, một cơn bão mạnh từ phương Bắc bỗng nổi lên.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một cây Sồi cổ thụ đứng gần một con suối có vài đám Sậy thon thả mọc.*
- *Xin ông đừng lo cho chúng tôi. Gió chẳng làm gì hại nổi chúng tôi đâu.*
- *Gió thổi tới tấp, và cuối cùng Sồi không còn chịu nổi nữa ngã vật ra.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Khi gió thổi, cây Sồi to lớn ngạo nghễ đứng thẳng vươn những nhánh cây của nó lên tận trời cao.*
- *Nhưng ông phải coi chừng, rồi cũng có lúc ông sẽ ngã gục.*
- *Trong lúc đó, đám Sậy lại rạp mình xuống đất.*

Bài 3: Chú Rùa Kiêu Căng

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Khi nhìn thấy mọi loài thú vật khác chạy nhảy tung tăng đây đó, Rùa cảm thấy buồn và bất mãn.*
- *Đôi Vịt quặp hai đầu cây và đưa nó bay lên cao đến tận mây xanh.*
- *Đây chắc đúng là vua của loài rùa rồi!*
- *Rùa liền rơi xuống đất, đụng phải đá và tan ra từng mảnh.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Nó ao ước được nhìn thấy thế giới.*
- *Chúng tôi sẽ đưa bạn lên cao để bạn nhìn được tất cả xứ sở.*
- *Rùa liền rơi xuống đất, đụng phải đá và tan ra từng mảnh.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Rùa đi đâu cũng vác ngôi nhà trên lưng.*
- *Nhưng nhớ là không được mở miệng, nếu không thì bạn sẽ phải hối hận đấy.*
- *Nhưng ngay khi Rùa mở miệng trả lời thì cây gậy tuột ra khỏi miệng nó.*

Bài 4: Con Lừa Và Bao Muối

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Trên đường về nhà có một khúc sông cạn có thể lội qua.*
- *Sung sướng vì đã nhẹ hẳn với món hàng trên lưng, con Lừa hớn hở đi nốt đoạn đường về nhà.*
- *Hôm sau, người lái buôn lại bắt Lừa đi chở muối một lần nữa.*
- *Nào ngờ, hai bao bọt biển trên lưng Lừa thấm nước trở nên nặng trịch.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một người lái buôn, từ biển đánh Lừa chở hai bao đầy muối đi về nhà.*
- *Trên đường đi, con Lừa bỗng nhớ đến sự việc xảy ra ngày hôm trước.*
- *Đến khúc sông cạn, con Lừa lại một lần nữa cố ý té xuống.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Khi người lái buôn vực được Lừa đứng dậy, phần lớn số muối đã bị tan vào nước.*
- *Như lần trước, số muối trong bao tan vào nước.*
- *Người lái buôn giận dữ lập tức quay lưng trở lại biển, chất lên lưng Lừa hai bao bọt biển thật to.*

Bài 5: Ếch Và Chuột

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Mặc dù Chuột có thể bơi được đôi chút, nó cũng chẳng dám liều mạng nhào xuống ao một mình.*
- *Thế rồi nó nhào xuống ao, kéo lê theo thằng bạn ngu ngốc đàng sau nó.*
- *Chỉ một lát sau, Chuột đã bị sặc nước và muốn quay vào bờ.*
- *Ếch chưa kịp cởi sợi dây sậy vẫn còn cột chân con Chuột chết nên bị kéo theo lủng lẳng.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Ở một bờ ao nọ, có một con Ếch rủ một con Chuột bơi xuống ao chơi.*
- *Nó kéo Chuột lặn xuống nước và dìm cho Chuột chết.*
- *Trên mặt ao, một con Diều Hâu lao xuống, quắp lấy con Chuột chết.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Ở một bờ ao nọ, có một con Ếch rủ một con Chuột bơi xuống ao chơi.*
- *Nhưng Ếch đã có một cách: nó lấy một cây sậy còn chắc chắn buộc chân Chuột vào chân nó.*
- *Chỉ một lát sau, Chuột đã bị sặc nước và muốn quay vào bờ.*

Bài 6: Con Công

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Ngày xưa, Công chưa có được bộ lông đẹp đẽ như bây giờ.*
- *Ngay cả con Phượng Hoàng đẹp đẽ cũng cảm thấy sắc đẹp của mình chìm hẳn khi đứng cạnh Công.*
- *Vỗ mạnh đôi cánh, Công cố gắng nâng mình lên khỏi mặt đất.*
- *Công chỉ có thể bước đi nặng nề trên mặt đất với cái đuôi vướng vất khổ sở.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Bộ lông này, đang là niềm tự hào lớn lao của nó, là do một vị thần đã ban tặng cho Công.*
- *Chúng nhìn Công mà ghen tức.*
- *Công lại thèm được bay như trước đây khi chưa có bộ đuôi kềnh càng.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Công khẩn nài xin cho được một bộ lông đuôi khác hẳn đuôi của các loài chim khác.*
- *Công khệnh khạng kênh kiệu với tất cả các loài chim khác.*
- *Công chỉ có thể bước đi nặng nề trên mặt đất với cái đuôi vướng vất khổ sở.*

Bài 7: Quạ Đội Lốt Công

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một con Quạ đen tình cờ bay ngang qua vườn thượng uyển của nhà vua.*
- *Quạ bèn nhặt mấy cái lông Công rụng ở sân và cắm chúng vào bộ lông đen của mình.*
- *Trong bộ trang phục vay mượn ấy, Quạ nghênh ngang đi qua đi lại giữa đồng loại của mình.*
- *Nhưng còn một việc khác bất ngờ nữa đang chờ đón nó.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Nó nhìn thấy ở đó mọi thứ đều lạ lùng và đâm ra ghen tị cả với đàn Công hoàng gia.*
- *Nhưng lũ Công mau chóng nhận ra nó.*
- *Lũ quạ chưa quên được cái vẻ kênh kiệu đáng ghét hôm nào của nó.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Quạ ngẫm thấy mình vừa đen vừa xấu, mà lại vừa thô kệch vụng về.*
- *Rồi nó bay thẳng xuống vườn thượng uyển của vua để hòa vào đàn Công hoàng gia.*
- *Con Quạ tội nghiệp buồn bã đau đớn bay trở về với đàn quạ của mình.*

Bài 8: Cáo Và Dê

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Dê cứ tưởng Cáo đã xuống giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có ngon không.*
- *Có nhiều nước lắm, cả hai ta uống cũng chẳng sao hết được.*
- *Con Dê ngu ngốc lúc đó mới hiểu ra được mình đã sa vào cảnh ngộ như thế nào.*
- *Mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một con Cáo rơi xuống giếng.*
- *Ngon nhất trong vùng này đấy. Cứ nhảy xuống mà uống cho biết.*
- *Mi phải nghĩ xem sẽ lên khỏi giếng bằng cách nào trước khi mi nhảy xuống chứ.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Dê cứ tưởng Cáo đã xuống giếng để uống nước, nên nó mới hỏi xem nước có ngon không.*
- *Có nhiều nước lắm, cả hai ta uống cũng chẳng sao hết được.*
- *Ngay khi đó Cáo lập tức chồm lên lưng Dê, đạp lên sừng Dê nhảy lên khỏi miệng giếng.*

Bài 9: Con Cáo Và Chùm Nho

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Trên đó có một chùm nho chín đỏ, mọng nước tưởng chừng như sắp vỡ ra.*
- *Lần nhảy đầu tiên, nó vẫn còn cách chùm nho khá xa.*
- *Nó thử lại lần nữa và lại một lần nữa, nhưng tất cả đều vô ích.*
- *Mình mất bao nhiêu công lao chỉ để lấy một chùm nho chua lè chẳng đáng cho người ta dòm đến.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một hôm con Cáo bắt gặp một dây nho vắt ngang qua các nhánh của một cây cao.*
- *Thế nên nó đi ra xa gốc cây một quãng và chạy lại để lấy đà nhảy lên.*
- *"Mình mới ngu ngốc làm sao," nó bảo.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Con Cáo quyết định phải nhảy lên để hái cho được chùm nho.*
- *Chỉ còn thiếu một chút nữa thôi là nó với tới chùm nho.*
- *Nó bèn ngồi xuống và nhìn chùm nho tức tối.*

Bài 10: Chó Và Sói

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Con sói gầy đói rình mò gần bên làng và gặp ngay một chó nhà béo mập.*
- *Nhiệm vụ của chúng tôi là đêm đêm canh giữ sân nhà thôi.*
- *Sói vừa bước vào tới cổng nhà thì nom thấy lông ở cổ của chó nhà bị vết chà xát.*
- *Thà tôi không được béo tốt nhưng được sống tự do.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Chắc là các anh giúp con người một công việc vất vả?*
- *Không, công việc của chúng tôi đâu có vất vả gì.*
- *Sói mừng rỡ và cùng chó nhà đến phục vụ con người.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Chó nhà này, anh hãy cho tôi biết, các anh lấy cái ăn ở đâu ra thế?*
- *Vậy thì tôi cũng sẵn sàng đi làm công việc như các anh.*
- *Ban ngày tôi bị xích nên cổ mới có vết chà xát.*

Bài 11: Gia Tài

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một bác nông dân giàu có gọi tất cả các con đến bên cạnh.*
- *Các con, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được bán ruộng đất của gia đình ta.*
- *Sau mùa vụ nào họ cũng cuốc như vậy đến hai ba lần.*
- *Họ hiểu ra rằng kho báu cha mình nói đó chính là số tiền bội thu từ mùa vụ.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Cha không biết rõ vị trí của nó ở đâu.*
- *Sau mùa vụ nào họ cũng cuốc như vậy đến hai ba lần.*
- *Họ lời được một số tiền lớn hơn rất nhiều so với những người xung quanh.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Đừng mất công tìm kiếm làm gì, cứ việc đào bới tất cả lên, đừng chừa chỗ nào cả.*
- *Khi người cha đã chết, các con của bác bắt đầu ra tay đào bới, cuốc lật tất cả mọi ngóc ngách trên thửa ruộng.*
- *Họ hiểu ra rằng kho báu cha mình nói đó chính là số tiền bội thu từ mùa vụ.*

Bài 12: Gã Keo Kiệt

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một gã keo kiệt chôn vàng ở một nơi bí mật trong vườn nhà.*
- *Một tên trộm theo dõi gã, đoán biết gã chôn cái gì.*
- *Tôi không bao giờ dám dùng số vàng đó để làm gì cả.*
- *Vàng mà không dùng thì cũng giống như cục đá thôi!*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Hằng ngày, gã ra chỗ đó, đào vàng lên và đếm từng thỏi một để kiểm tra xem có còn đủ hay không.*
- *Sao ông không cất trong nhà để mỗi khi cần lấy bán đi mua đồ?*
- *Vàng mà không dùng thì cũng giống như cục đá thôi!*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Thế là một đêm nó đến đào lên lấy hết vàng và trốn mất.*
- *Một người đi ngang nghe thấy tiếng gã khóc bèn hỏi chuyện.*
- *Cục đá cũng đáng giá bằng đống vàng ông mất đấy.*

Bài 13: Chú Bé Chăn Cừu

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Chăn cừu được ít lâu, chú cảm thấy cuộc đời chăn cừu thực nhàm chán.*
- *Dân làng nghe thấy tiếng kêu bỏ cả việc làm và tức tốc chạy ra cánh đồng.*
- *Nhưng khi họ đến nơi, họ chỉ thấy chú bé ôm bụng cười ngặt nghẽo vì đã lừa được họ.*
- *Sói giết chết rất nhiều cừu của chú bé và biến mất vào rừng rậm.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một hôm, khi chú đang ngắm nhìn đàn cừu và suy nghĩ mình sẽ phải làm gì khi gặp một con Sói.*
- *Thế là, mặc dù chú chẳng thấy sói, chú cứ chạy về làng và la to, "Sói! Sói!"*
- *Quá hoảng sợ, chú bé chăn cừu vội chạy về làng và la to: "Sói! Sói!"*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Một chú bé chăn cừu cho chủ thả cừu gần một khu rừng rậm cách làng không xa lắm.*
- *Chủ bảo với chú rằng khi Sói tấn công đàn cừu thì phải kêu cứu, để dân làng nghe thấy và đuổi nó đi.*
- *Mặc dù dân làng có nghe tiếng chú kêu, nhưng không ai chạy ra để giúp chú như những lần trước.*

Bài 14: Người Bạn Tham Lam

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một người bỗng nhặt được một cái túi tiền đầy cứng.*
- *Ồ không, không đâu. Tôi đã nhặt được thì nó là của tôi.*
- *Chúng ta chết mất nếu họ tìm được trong người chúng ta cái túi tiền của họ.*
- *Dân làng xúm lại bắt người nhặt được túi tiền và dẫn về làng để xử tội.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Hai người đang đi bộ cùng nhau trên một con đường.*
- *Tôi may mắn quá! Tôi đã nhặt được một cái túi tiền.*
- *Dân làng xúm lại bắt người nhặt được túi tiền và dẫn về làng để xử tội.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Hai người đang đi bộ cùng nhau trên một con đường thì một người bỗng nhặt được một cái túi tiền đầy cứng.*
- *Phải nói cho đúng là 'chúng ta may mắn quá' và 'chúng ta nhặt được'.*
- *Chúng ta chết mất nếu họ tìm được trong người chúng ta cái túi tiền của họ.*

Bài 15: Mèo Và Chuột Già

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Mèo thấy rằng nó phải dùng mẹo mới bắt được chuột.*
- *Thế là chúng hớn hở chui ra để ăn mừng Mèo đã chết.*
- *Nó lăn mình và núp vào trong thùng bột, chỉ mở một mắt ra canh lũ chuột.*
- *Chẳng mấy chốc chúng lại thò đầu ra, mon men tới gần thùng bột.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Lũ chuột cứ lẩn trốn trong hang.*
- *Từ đó, lũ Chuột ở luôn trong hang.*
- *Khi không còn thấy Mèo, lũ chuột bắt đầu cảm thấy an tâm.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Ban đầu hết sức rụt rè, lũ chuột thò đầu ra và cẩn thận đánh hơi tất cả khu vực xung quanh.*
- *Còn Mèo thì vẫn thèm ăn thịt chuột nên nó lập mưu kế khác.*
- *Chẳng mấy chốc chúng lại thò đầu ra, mon men tới gần thùng bột.*

Bài 16: Quạ Và Cáo

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Nó thấy một con Quạ đậu trên một nhánh cây, miệng đang ngậm một miếng phó-mát.*
- *Con Quạ nghe thấy, liền nghiêng đầu xuống, nhìn Cáo nghi ngờ.*
- *Miếng phó-mát rơi ra, rớt thẳng xuống vào miệng Cáo đang mở sẵn bên dưới.*
- *"Cảm ơn nhé," Cáo Già ngọt ngào nói, và bỏ đi.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Con Cáo lần theo chiếc mũi nhạy bén của nó đi trong rừng để tìm kiếm miếng ăn.*
- *Bạn đẹp như vậy thì chắc hẳn là bạn hót rất hay.*
- *Nó hết sức sung sướng nếu được gọi là Nữ Hoàng Chim.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Nó thấy một con Quạ đậu trên một nhánh cây, miệng đang ngậm một miếng phó-mát.*
- *Nhưng nó vẫn ngậm chặt lấy miếng phó-mát ở mỏ và chẳng chào đáp lại Cáo lời nào.*
- *Nghe thấy những lời nịnh bợ như thế, Quạ quên hết mọi nghi ngờ, và quên cả luôn bữa sáng của nó.*

Bài 17: Mèo, Gà Và Chuột Con

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Một con Chuột con rất non nớt xém một chút thì đã gặp tai họa.*
- *Con đang đi dạo trên đường thì thấy hai con vật hết sức lạ lùng.*
- *Nếu mà không gặp phải cái con vật quái gở ấy, thì con đã có cơ hội làm quen với cái ông dễ mến kia rồi.*
- *Cảm ơn Trời đã che chở cho con tôi được thoát chết.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Trên chỏm đầu của hắn và trước cổ hắn có những miếng thịt đỏ như máu tươi.*
- *Ông ta trông rất hiền lành và tử tế.*
- *Còn cái con quái vật mà con nói chỉ là một con Gà chẳng bao giờ làm hại ai.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Một con vật nhìn rất vui vẻ và tử tế, còn con vật kia thì hết sức quái gở đáng sợ.*
- *Nếu mà không gặp phải cái con vật quái gở ấy, thì con đã có cơ hội làm quen với cái ông dễ mến kia rồi.*
- *Con ạ, hãy nhớ là từ bây giờ trở đi, đừng bao giờ nhìn vẻ bên ngoài của người ta mà đánh giá.*

Bài 18: Chuột Nhà Và Chuột Đồng

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Chuột Nhà chỉ ăn lấy lệ, nhấm nháp một chút món này, một chút món kia.*
- *Khi Chuột Nhà mời Chuột Đồng về nhà với mình ở thành phố, nó sung sướng nhận lời ngay.*
- *Nhưng ngay khi Chuột Đồng vừa sắp nhấm nháp một chút bánh ngọt, nó nghe thấy tiếng con mèo kêu thật lớn.*
- *Tôi lại thích những thứ thức ăn thanh đạm và cuộc sống giản dị ở đồng quê.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một con Chuột Nhà một hôm ghé thăm bạn ở đồng quê.*
- *Chúng thấy trên bàn ăn còn lại những thứ thức ăn thừa của một bữa tiệc rất sang trọng.*
- *Chuột Đồng khi chạy được một quãng xa thì đã ngừng lại.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Nghe chuyện, Chuột Đồng ao ước được lên thành phố.*
- *Khi chúng về đến ngôi biệt thự mà Chuột Nhà đang sống, chúng thấy trên bàn ăn còn lại những thứ thức ăn thừa.*
- *Tôi lại thích những thứ thức ăn thanh đạm và cuộc sống giản dị ở đồng quê.*

Bài 19: Rìu Vàng Rìu Bạc

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Ngay lúc đó, một vị thần xuất hiện và sau khi nghe bác kể chuyện, liền lặn xuống sông.*
- *Thần hết sức hài lòng trước sự lương thiện của bác nên ban cho bác cả hai chiếc rìu vàng và bạc.*
- *Nhưng khi thần đưa chiếc rìu vàng, ông nhận ngay là rìu của mình.*
- *Thay vì cho rìu vàng, thần lại gõ cho ông một cú vào đầu thật đau và đuổi ông về nhà.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Một bác tiều phu nghèo đang chặt cây để kiếm sống ở gần bờ sông.*
- *Thần để chiếc rìu vàng trên bờ và lại lặn xuống lần nữa.*
- *Thần tức giận vì sự gian dối của ông.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Bỗng bác trượt tay và làm rớt chiếc rìu xuống sông.*
- *Lần này thần mang lên một chiếc rìu bạc, nhưng bác vẫn bảo là không phải.*
- *Thay vì cho rìu vàng, thần lại gõ cho ông một cú vào đầu thật đau và đuổi ông về nhà.*

Bài 20: Con Lừa Và Hai Bố Con

Thứ Ba: Thêm Dấu

Đọc các câu sau đây cho các em thêm dấu vào sách Bài Tập:

- *Chủ lừa không muốn bị chê cười nên ông bảo con trai leo lên lưng lừa mà cưỡi.*
- *"Sao bất hiếu thế," họ la lên, "phải biết kính trọng tuổi già chứ!"*
- *"Chắc là họ chỉ muốn bán có tấm da của nó thôi," một người khác nói.*
- *Họ ùa chạy ra để coi cái cảnh tượng có một không hai này.*

Thứ Tư: Chính Tả

- *Có một ông chủ cùng đứa con trai dắt một con lừa ra chợ để bán.*
- *Đi được một quãng đường nữa, họ gặp ba người lái buôn đi qua.*
- *Hai cha con vội vàng leo xuống.*

Sửa Lỗi Chính Tả

- *Chủ lừa không muốn bị chê cười nên ông bảo con trai leo lên lưng lừa mà cưỡi.*
- *Đi thêm một đoạn nữa, họ gặp những người phụ nữ.*
- *Chỉ một lát sau, cả chợ ồ lên cười khi thấy hai bố con gánh con lừa vào chợ.*

Trường Thánh Tôma Thiện

Giáo Xứ Thánh Giuse
1902 S. Belt Line Road
Grand Prairie, Texas 75051
www.tomathien.org